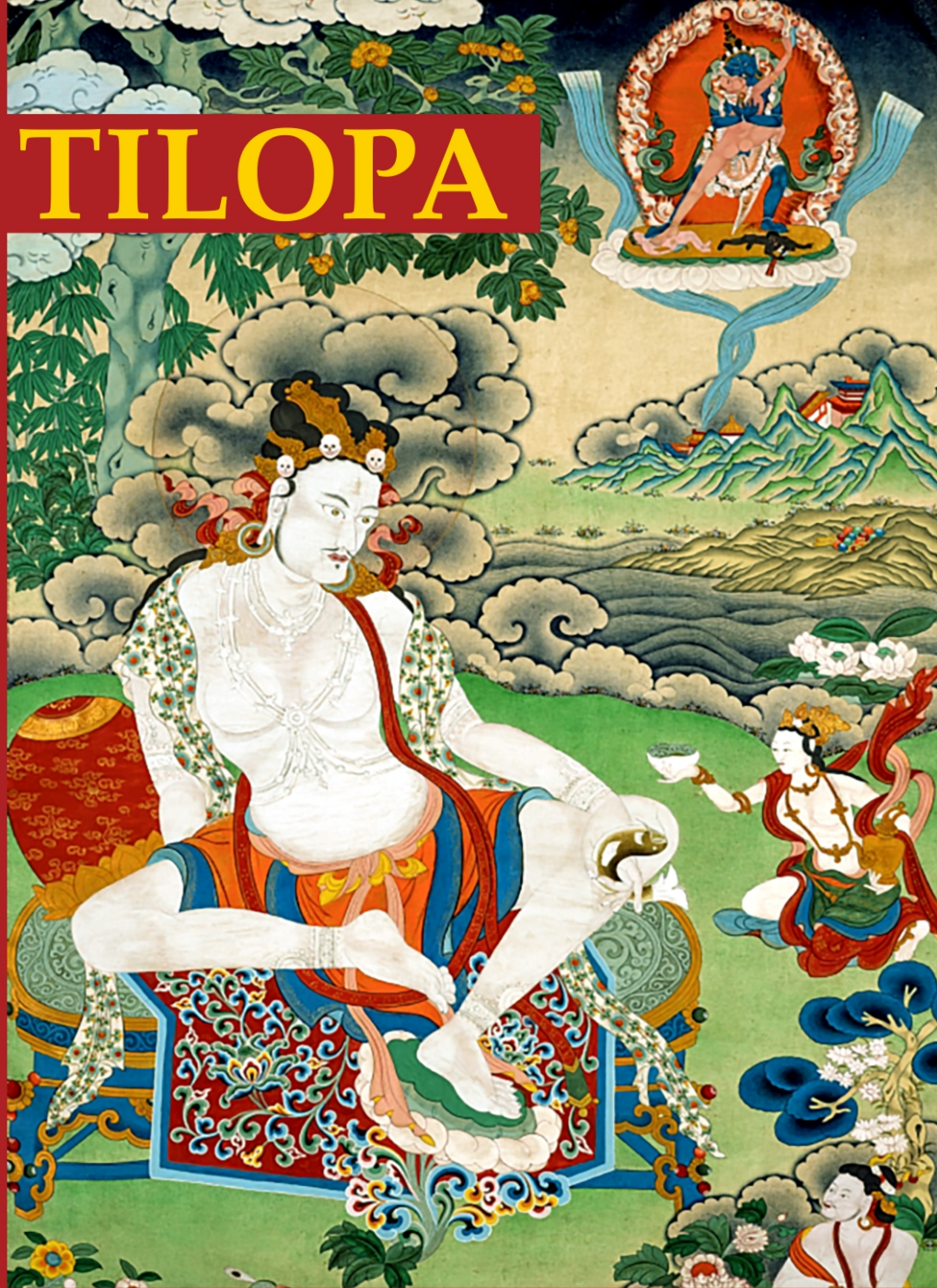


TILOPA



CHAMGON KENTING TAI SITUPA THỨ 12



TILOPA

**Vài nét về cuộc đời của
ngài Tilopa**

Bình giải của
Đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa Thứ 12

Dịch sang Việt ngữ: Thu Sonam Chodron

SÁCH ẤN TỔNG KHÔNG BÁN

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Xuất bản ở Scotland bởi:
NHÀ XUẤT BẢN DZALENDARA
Karma Druhgyu Darjay Ling (Quỹ Karma Kagyu)
Trung tâm Kagyu Samye Ling Tây Tạng
Eskdalemuir, Nr. Langholm
DG13 OQL

*Bản quyền Kagyu Samye Ling. Tất cả quyền đã đăng kí.
Không sao chép hoặc không dịch lại dưới bất kỳ hình thức
nào một phần hay toàn bộ mà không có giấy phép trước.*

Xuất bản lần đầu 1988
ISBN 0 906181 10 0

Biên tập: Kenneth Holmes
In tại Kagyu Samye Ling
Giới hạn bởi Hunter và Foulis, Edinburgh

Tái bản năm 2014
bởi Trung tâm Lưu trữ Nghe Nhìn Palpung

Bản quyền của Chamgon Kenting Tai Situpa Thứ 12
Tất cả bản quyền trở lại tác giả.
Bao gồm Tiểu sử của Chamgon Kenting Tai Situpa Thứ 12
và lịch sử của Palpung Thubten Chokhor Ling và Palpung
Sherabling

Ghi chú: có một số thay đổi so với bản gốc.

Bản quyền tiếng Việt: Thu Sonam Chodron

DANH SÁCH CÁC HÌNH MINH HỌA

- Tr.24 “Ý nghĩa của điều có ý nghĩa...”
- Tr.40/41 “Mặc dù ngay cả kẻ ngốc...”
- Tr.50 “Dầu mè này...”
- Tr.68 “Đối với cái chung...”
- Tr.77 “Cách nói riêng biệt của Đà kì ni ...”
- Tr.81 “Không có bất kì sự sản sinh nào...”
- Tr.83 “Bằng cách không tạo bất cứ đối tượng tâm trí nào...”
- Tr.89 “Đối với sự trưởng thành và giải thoát...”
- Tr.106 Chùy Kim cương (Vajra)
- Tr.110 “Ta, Tilopa, không có đạo sư là người”
- Tr.117 “Một yogin không có hy vọng hay sợ hãi...”

Các thư pháp Tạng ngữ thường là các câu kệ vần điệu được đặt cùng trang tiếng Anh, do Chamgon Kenting Tai Situpa và thư ký của ngài - Lama Shastri thực hiện.

MỤC LỤC

Danh sách các hình minh họa	3
Mục lục	4
Tiểu sử đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa thứ 12	7
Lời tựa	10
Giới thiệu	13
Lời Cảm tạ	14
PHẦN MỘT	15
Tilopa đã tu tập để đạt Thành tựu Tâm linh bằng cách	
Giao phó bản thân cho Các Đạo sư của ngài như thế nào	
Sự ra đời và thời thơ ấu	16
Xuất gia	20
Đạo sư Saryapa và Matangi	20
Nhận giáo lý từ Đà kì ni già	22
Kagyu – Bốn Sự Trao truyền của Sự Làm chủ	30
Sự Trục xuất và thiền định ẩn cư	34
Barima và Pensalna	35
PHẦN HAI	51
Ngài đã nhận Chỉ dẫn sâu xa từ Các Đà kì ni khác nhau	
và Hiến lộ Sự Chứng ngộ của Ngài như thế nào	
Bốn Giáo lý Viên Ngọc Nguyên Ước	64
Viên Ngọc Nguyên Ước Chung	69

Viên Ngọc Nguyên Ước của Sự Cam kết (samaya) ...	70
Viên Ngọc Nguyên Ước của Chân tâm	72
Chín Giáo lý của Đà kì ni Vô Hình tướng	87
1. Trưởng thành và Giải thoát	90
2. Sự Cam kết (samaya)	91
3. Khí và Kinh mạch	93
4. Đại lạc	94
5. Trí tuệ ^a	95
6. Giải thoát Tự nhiên	95
7. Chất liệu Cao quý	97
8. Cách hành Xử	97
9. Sự Tương tự	99
PHẦN BA	103
Tilopa thọ nhận Mọi Trao truyền từ Đức Phật Kim	
Cương Trì như thế nào	
PHẦN BỐN	111
An trụ trong Trạng thái Thành Tựu Tối thượng Siêu	
phàm, Tilopa Hướng dẫn các đệ tử của ngài	
1. Thuần phục các vị Yogin	112
2. Hàng phục người Ngoại đạo	118

^a Phần này được chỉnh sửa so với ấn bản in đầu tiên tháng 9/ 2024 tại Việt Nam

3. Hàng phục Nhà Ảo thuật	125
4. Giáo huấn người bán bia	130
5. Giáo huấn Ca sĩ Bạc thầy	136
6. Chuyển hóa người Đồ tể	141
7. Thuyết phục Người không tin Nhân quả	145
8. Hàng phục thầy Phù thủy	156
PHỤ LỤC MỘT	164
LỜI CẦU NGUYỆN ĐẠI THỦ ẤN của Đức Gyalwang	
Karmapa Rangjung Dorje Thứ Ba	
PHỤ LỤC HAI	173
Dòng Khẩu truyền Kagyu	
CHÚ THÍCH	174
PHẦN MỘT	174
PHẦN HAI VÀ BA	180
PHẦN BỐN	186
Palpung Thubten Chokhor Ling, Tây Tạng	188
Tu Viện Palpung Sherabling, Ấn Độ	190



Tiểu sử Đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa Thứ 12

Đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa Thứ 12 sinh vào ngày thứ Tám, tháng Một năm Ngọ - 1954 theo Âm lịch của Tây Tạng. Ngài ra đời trong gia đình làm nghề nông, ở tỉnh Palyul thuộc vương quốc Derge, miền Đông Tây Tạng. Vô số dấu hiệu kiết tường được chứng kiến vào thời điểm ngài sinh ra và ngài được tìm thấy phù hợp với sự tiên tri và dấu hiệu do ngài Chamgon Kenting Tai Situpa thứ 11 để lại, cũng như bức thư chỉ dẫn của Pháp Vương Gyalwang Karmapa thứ 16. Đức Đạt Lai Lama đã thực hiện nghi lễ cắt tóc cho ngài. Khi ngài mới mười tám tháng tuổi,

TILOPA

Pháp Vương Gyalwang Karmapa thứ 16 chính thức phong ngài là Chamgon Kenting Tai Situpa thứ 12 trong đại nghi lễ ở Tu viện Palpung Thubten Chokhor Ling, Đông Tây Tạng, do quốc vương của Derge chủ trì, với sự tham dự của nhiều lãnh tụ tôn giáo khác nhau và các quan chức.

Năm 1959 do chuyển biến chính trị ở Tây Tạng, ngài Chamgon Kenting Tai Situ pa thứ 12 buộc phải di tản đến Vương quốc Bhutan và sau đó tới Ấn Độ.

Năm 1966 khi ngài 13 tuổi, các Lama và Rinpoche của Palpung đưa ngài tới Trung tâm Dharma Chakra, thuộc Tu viện Rumtek nơi trụ xứ mới của Pháp Vương Gyalwang Karmapa Rangjung Rigpe Dorje thứ 16.

Từ 1966 tới 1975, trong chín năm ngài thọ nhận tất cả giới xuất gia từ Pháp Vương Karmapa thứ 16. Năm 1973 lúc đó 20 tuổi ngài trở thành Tỳ kheo, khi đó ngài cũng hoàn thành chương trình học chuyên sâu về triết học, văn chương, nghệ thuật, khoa học, và lịch sử, cũng như nghi thức, thiền định, vũ điệu thiêng liêng, mạn đà la của Phật giáo, chiêm tinh học và y học của Tây Tạng, v.v... từ rất nhiều đại sư, và Pháp vương Gyalwang Karmapa thứ 16.

Năm 1976 ngài 22 tuổi, theo truyền thống và tính kế thừa, đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa Thứ 12 đã thành lập Tu viện Palpung Sherabling ở bang Himachal Pradesh, Ấn Độ.

TIỂU SỬ ĐẠO SƯ

Thế theo thỉnh cầu của các đệ tử, ngài bắt đầu hành trình hoằng dương Phật Pháp đầu tiên ở Phương Tây năm 1980, tiếp theo là các chuyến công du mở rộng quanh châu Âu, Bắc Mỹ, Đông Nam Á và Châu Đại Dương. Ngài đã thành lập Viện Di Lặc với mục đích hòa hợp các tôn giáo khác nhau. Ngài cống hiến thời gian và sức lực cho bảo tồn môi trường, truyền bá về hòa bình và hòa hợp trên thế giới. Cao trào của các hoạt động này diễn ra vào năm 1989 với chuyến đi vòng quanh thế giới “Hành hương vì Nền Hòa bình Tích cực, Một Thế giới vì Nhân loại”.

Đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa cũng chịu trách nhiệm tìm kiếm, công nhận và tấn phong Đức Pháp Vương Gyalwang Karmapa Ogyen Trinley Dorje thứ 17. Ngài đã nhận ra hơn 300 các Rinpoche tái sinh và làm lễ xuất gia cho hơn năm ngàn tăng và ni. Chamgon Kenting Tai Situpa hiến dâng thời gian cho việc tu tập của bản thân, và giữ gìn những hoạt động của các đời Tai Situpa trước đó, duy trì hình thức thanh tịnh của dòng truyền thừa, và trao truyền dòng truyền đến thế hệ giảng viên và những hành giả kế tiếp. Bên cạnh sự nổi tiếng về tính đơn giản của việc giảng dạy Giáo Pháp, ngài còn nổi danh về các tác phẩm nghệ thuật, thơ, các bài viết sâu rộng của mình cũng như biên soạn những bản văn luận giải rất quan trọng.

LỜI TỰA

Tiểu sử của Đại sư Phật giáo người Ấn Độ Tilopa ở thế kỷ 11 là một bài giảng đã biên tập cả Tạng ngữ và tiếng Anh, của đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa thứ 12 trong khóa dạy của ngài ở Kagyu Samye Ling, Scotland vào mùa hạ 1981. Ngay từ đầu bài giảng, ngài đã nói đây là “một mảnh” trong cuộc đời quan trọng của Tilopa, và nó là cần thiết vì ba lý do chính: đầu tiên là một chút tư liệu ít ỏi còn lại về tiểu sử Tilopa, tương tự như các trường hợp về cuộc đời của các đại sư Ấn Độ thời xưa.

Lý do thứ hai, vì lịch trình học hè bận rộn nên chỉ có khá ít thời gian cho bài giảng này. Lý do thứ ba, tiểu sử này chỉ là một mẫu nhỏ không liên quan đến tính ngắn gọn của nó, nhưng tới khía cạnh tâm cỡ và huyền bí mà bài giảng cố gắng miêu tả. Đối với bất cứ tiểu sử nào thì một mảnh sự thật là cần thiết, bởi vì một nhóm từ vựng được sử dụng để chuyển tải những sự kiện mang những điều phức tạp được tìm thấy trên cơ sở cuộc đời thật. Ngay cả để miêu tả đầy đủ điều diễn ra trong một phút của bất kỳ ai cũng là khó khăn. Khi trình bày toàn bộ cuộc đời của nhân vật như Tilopa, sống ở thời đại và thế giới khác với chúng ta, cuộc sống tâm linh của họ đã tiến triển qua những kinh nghiệm mà hầu hết chúng ta chưa chạm tới được, nhất là nó đã bị giảm bớt khi sử dụng những thứ thật sự hời hợt, một số

sự việc và các tình tiết nhiều sắc màu để mô tả điều không thể nhận thức được.

Dù sao như đã nói, tôi cảm thấy bài giảng sẽ cung cấp một sơ lược thú vị về cuộc đời của nhân vật ít được biết như Tilopa, và tôi tin tưởng rằng nhiều bạn đọc sẽ nhận thấy nó như một nguồn cảm hứng.

Dịch thuật bản Tạng ngữ, biên tập tiếng Anh và kết hợp cả hai thứ này dường như đã giúp ích cho cuốn tiểu sử, bởi vì, với sự hòa trộn bản văn Tạng ngữ chính xác với bài giảng tiếng Anh sinh động theo lối kể chuyện dành cho thính giả hiện đại, ta có được một miêu tả thú vị và đa dạng chuyển từ câu chuyện đơn giản tới sự bình giải sâu sắc. Để giữ gìn và chuyển tải một số cảm tưởng của cả hai bản văn, văn bản này được phép đôi lúc lặp lại về trùng lệ của Tạng ngữ hay tính cường điệu của tiếng Anh. Tôi hy vọng độc giả sẽ chọn lựa thưởng thức điều này hơn là nhận thấy nó khó chịu, và chấp nhận câu chuyện bởi nó là sự chấp vá được tạo ra từ những tàn dư lịch sử đã sống sót gần một thiên niên kỷ.

Hầu hết bạn đọc sẽ quen thuộc với những vấn đề ngôn ngữ bao gồm đưa các chủ đề Phật giáo vào tiếng Anh, và đánh giá đúng nhu cầu đôi khi sử dụng những thuật ngữ Phạn ngữ hay Tạng ngữ ở những đoạn thích hợp hoặc chưa tồn tại trong tiếng Anh, ngay cả điều này đôi khi khiến việc đọc khá mệt mỏi. Phần chú giải tối thiểu, chủ yếu liên

TILOPA

quan đến các thuật ngữ được đánh dấu (số thứ tự) trong sách. Vốn không phải là người yêu thích thêm vào các chú thích dài, những giải thích và giới thiệu, đối với tôi dường như để các bản văn gốc trôi chảy hơn. Do vậy tôi xin nhận lời trách móc đối với bất kì sự không thỏa đáng nào mà độc giả lĩnh hội. Tôi hy vọng bài giảng năm 1981 đơn giản và kỹ lưỡng như có thể, tiểu sử của ngài Tilopa có thể truyền một số cảm hứng cho những ai đủ may mắn được tham dự trực tiếp nghe bài giảng của đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa thứ 12.

Kenneth Holmes,
Kagyu Samye Ling
Mùa hè 1987

GIỚI THIỆU

Tất cả những câu chuyện kỳ diệu và xác thực liên quan đến cuộc đời và sự giải thoát của các Bậc Thầy quý giá, những người đã thiết lập truyền thống Kagyu – dòng truyền thừa truyền đạt ý nghĩa đích thực, sự chứng ngộ Đại Thủ Ấn thì đây chỉ là một mảnh trong tiểu sử của ngài Tilopa, cho thấy cuộc đời vị vua của các yogin (hành giả Du già), và đạo sư thành tựu tâm linh mạnh mẽ thể hiện trong bốn giai đoạn:

1. Ngài đã tu tập đạt thành tựu tâm linh bằng cách giao phó bản thân mình cho các đạo sư ra sao.
2. Ngài thọ nhận giáo lý sâu xa từ các chủ Đà kì ni khác nhau và hiển lộ sự chứng ngộ của ngài như thế nào.
3. Ngài thọ nhận tất cả sự trao truyền gần gũi và thích hợp nhất từ Đức Phật Kim Cương Trì ra sao.
4. Ngài an trú trong trạng thái siêu phàm của sự thành tựu tối thượng và hướng dẫn các đệ tử như thế nào.

Qua đó chúng ta có thể hiểu được đôi chút giá trị về vô số các trạng thái thành tựu (siddhi) mà ngài đã đạt được, và những hoạt động giác ngộ của ngài giúp thuần thực vô lượng người và chúng sinh khác nhau.

LỜI CẢM ƠN

Của dịch giả Việt ngữ

Lời đầu tiên xin tỏ lòng biết ơn Đạo sư Tai Situ Rinpoche đã đồng ý cho phép dịch sang Việt ngữ cuốn sách này – đây là một bài giảng tuy ngắn gọn nhưng rất sâu sắc về quá trình tu tập đạt chứng ngộ hoàn hảo của Đại Thành Tựu giả Tilopa vĩ đại, người đặt nền móng cho sự ra đời Dòng Khẩu truyền Kagyu thuộc Phật giáo Kim Cương Thừa, Tây Tạng.

Xin hoan hỉ công đức lớn lao của tất cả các bạn đã đóng góp tịnh tài và công sức để ấn tống cuốn sách này, những người đã giúp chỉnh sửa các hình thư pháp cũng như bản in của cuốn sách. Thật sự tôi rất cảm kích bởi tâm rộng lớn của các bạn (những người là Phật tử và không phải Phật Tử) ở Việt Nam và nước ngoài.

Bất kỳ sai sót nào của bản dịch tiếng Việt đều thuộc về người dịch. Xin chân thành cáo lỗi với độc giả.

Tất cả công đức có được, chúng con xin hồi hướng cho tất cả chúng sinh trên thế gian này và trong Pháp giới bao la thoát khỏi mọi khổ đau, được sống trong hòa bình, hạnh phúc và đạt được Phật Quả!

Grenaa, tháng 6 năm 2024
Thu Sonam Chodron

PHẦN MỘT

NGÀI TU TẬP ĐẠT THÀNH TỰU TÂM LINH
BẰNG CÁCH GIAO PHÓ BẢN THÂN CHO CÁC
ĐẠO SƯ CỦA MÌNH NHƯ THẾ NÀO

TILOPA

Tilopa sinh ra¹ trong gia đình thuộc đẳng cấp Bà la môn (Brahmin)^b ở thị trấn gọi là Sha Te Gau u (có lẽ là Chittagong) hiện nay thuộc Bangladesh. Cha của ngài tên là Pranyasha, và mẹ là Kashi, trong một thời gian dài họ cố gắng có con nhưng không thành, và từng khẩn cầu sự giúp đỡ của Phật giáo và cả tôn giáo khác. Họ thường xuyên đi tới các đền thờ cầu nguyện thành tâm để có con, dâng nhiều phẩm cúng dường ở những điện thờ và cầu xin nhiều vị sư và thầy tế khác nhau thông qua cầu nguyện hay nghi lễ để giúp họ. Đây là hoàn cảnh mà sau cùng Tilopa được thụ thai và ra đời.

Theo tập quán thời đó, Pranyasha và Kashi thỉnh cầu các nhà tiên tri và hiền triết tiên đoán về số phận tốt hay xấu của đứa bé mới sinh. Vào thời điểm ngài sinh ra, do có nhiều điều kỳ diệu và phi thường xảy ra trong vùng, nên cha mẹ ngài rất quan tâm để phát hiện tương lai của ngài - đứa con duy nhất của họ ra đời sau rất nhiều lần cầu nguyện thành tâm và các điềm báo mạnh mẽ. Sau khi xem xét các phần thân thể của đứa trẻ và phản ứng của nó với việc khảo nghiệm, các bậc hiền triết Bà la môn thông thái được thỉnh mời đều đoán chắc rằng đứa

^b Ở Ấn độ có 4 đẳng cấp (hay tầng lớp): 1. Brahmins (bà la môn) gồm các giáo sĩ, thầy tu; 2. Kshatriyas: vua quan, chiến binh; 3. Vaishyas: các chủ đất, thương nhân; 4. Shudras là các đầy tớ. (Nguồn: Wikipedia)

*Chú thích đánh dấu chữ cái thường a, b, c... là của dịch giả Việt ngữ.

bé là một bậc phi thường, nhưng họ không thể nói điều gì rõ ràng hơn thế. Việc tiên đoán của họ bị trở ngại về bản chất đích thực của cậu bé. Liệu cậu sẽ là một vị chúa tể (*god*), rồng²(*nagas*), càn thất bà³(*gandhavara*), thiên vương (*planetary monarch*)⁴, hay một vị Phật (*buddha*)⁵? Đơn giản là họ không thể tiên đoán. Tất cả bậc hiền triết đều tin rằng, dù cậu bé là gì đi nữa thì tương lai sẽ là bậc vĩ nhân. Họ kết luận: “Một chúng sinh phi thường đã được sinh ra. Nếu nuôi dưỡng đúng đắn, thanh tịnh, cậu bé sẽ trở thành đáng siêu việt!”. Do đó cha mẹ ngài chăm nom ngài rất cẩn thận và đảm bảo ngài được nuôi dưỡng đúng đắn của tầng lớp Bà la môn.

Một hôm, trong khi cha đi làm ăn xa, mẹ ngài đang trông nhà, bất thành linh trên bức tường trước mặt, bà nhận thấy cái bóng của một bà cụ lưng còng đang chống gậy bước tới. Ngay lúc đó mẹ ngài lo sợ rằng có lẽ đây là một trong số các thần linh có thể gieo tác hại đối với đứa con trai duy nhất, bà Kashi nhận thấy mình đang hoảng hốt, sợ hãi và cảm giác như lả đi một chút vì con trai bà có thể bị giết hoặc làm cho bị bệnh! Theo bản năng bà di chuyển tới che chắn cho ngài, nhưng bà cụ đã ngăn trở và nói:

“Ngay cả người nuôi dưỡng cậu bé bằng sự chăm nom tốt nhất,

TILOPA

Cũng không thể tìm thấy bất kì nơi đâu có thể thoát khỏi cái chết!”

Không ai có thể ngăn chặn hay dứt lốt thần chết. Không pháo đài nào đủ mạnh để che chở ta khỏi cái chết, không nơi nào an toàn và không tài sản nào có thể can ngăn thần chết. Tất nhiên, một đứa trẻ kỳ diệu như ngài cũng sẽ chết như mọi người.

Những lời nói của bà cụ và sự thật của nó khiến mẹ ngài choáng váng, nhưng vẫn chưa hết, bà cụ còn cho hai lời khuyên vắn diệu như thơ. Như chúng ta sẽ thấy, bà sẽ ban cho ngài nhiều hướng dẫn cho đến khi ngài mất để sử dụng cuộc đời ngài gặt hái nhiều thành quả nhất. Bà cụ khuyên:

“Hãy để cậu bé chăm sóc đàn trâu và lợn lên trong hiểu biết

sau này Đà kì ni sẽ đến với sự tiên tri dẫn dắt.”

Sau đó bà biến mất (chính bà cũng là một Đà kì ni⁶). Sau sự xuất hiện gây xúc động này, mẹ ngài có ấn tượng sâu sắc chuyển thăm của bà cụ, chăm sóc ngài rất chu đáo theo lời khuyên trên. Bà dạy ngài đọc và để ngài chăn dắt đàn trâu của gia đình.

Một thời gian sau, một hôm khi ngài đang chăn trâu

và chuyên chú đọc một số Kinh điển, Đà kì ni già lại xuất hiện trước mặt ngài như bà đã báo trước và hỏi thăm: “Cha mẹ cậu là ai và cậu đang làm gì ở đây, chăn trâu phải không?” Ngài trả lời cha mình tên Pranyasha và mẹ tên là Kashi. Ngài tiếp tục giải thích rằng ngài đang tập đọc trong khi chăn trâu vì mẹ ngài khuyên như vậy. Chăn nuôi trâu là một phần trong kế sinh nhai của gia đình ngài. Nghe xong ngài trả lời, Đà kì ni già rất giận dữ rồi nói:

“Sai rồi, sai rồi! Người thật lắm lần.

Cha người là Cakrasamvara⁷ và mẹ người là Vajravarahi.

Đừng chăm sóc những con trâu – mà tập trung cho đàn trâu kinh nghiệm

trong khu rừng tràn đầy tỉnh thức!”

Một cách tự nhiên ngài thấy khó hiểu bởi tất cả những điều này. Ngài nhìn bà cụ và đáp lại chân thật rằng ngài chưa từng nghe tên của cha mẹ là Cakrasamvara và Vajravarahi mà vị Đà kì ni già có vẻ rất chắc chắn như thế. Ngài không biết “khu rừng tràn đầy tỉnh thức” ở đâu, cũng như không hiểu chút nào ngụ ý của bà “đàn trâu kinh nghiệm” là gì. Vị Đà kì ni già nói:

“Được, nếu như thế, cậu trước tiên phải học để hiểu thấu những kinh văn cậu đọc.

TILOPA

*Muốn như vậy cậu phải học Phật Pháp,
rồi cậu sẽ hiểu được.”*

Xuất gia

Theo lời khuyên của Đà kì ni già, Ngài bắt đầu học các Kinh điển khác nhau, ngài học cách trì tụng và bước đầu đến với Phật giáo. Thông qua học hỏi, ngài đã viếng thăm nhiều tu viện Phật giáo để thỉnh cầu sự giảng giải và các giáo lý về nhiều đề tài đã đọc. Chẳng bao lâu sau, ngài phát triển sự ngưỡng mộ sâu sắc với Giáo Pháp của Đức Phật, và hiểu rõ giá trị lợi ích của đời sống tu viện. Thôi thúc bởi điều này, cuối cùng ngài xuất gia. Ngài trở thành vị sư với pháp danh “Giác Tánh Phân biệt Tuyệt hảo” (*Prajnabhadra*). Dưới sự hướng dẫn của các vị tăng giám hộ khác nhau, ngài học những chủ đề chung theo các khóa của tu viện ngài ở, như là giới luật (*Vinaya*), khoa học về tâm và A tì bà luận (*Abhidharma*), các môn chung (kinh điển), vân vân. Thời gian trôi qua, ngài trưởng thành với trí tuệ kiến thức dồi dào, giữ gìn tốt giới luật của chư tăng, và thiền định giỏi.

Hai Đạo sư Saryapa và Matangi

Một hôm, trong một thời khóa thiền trước tượng Phật, ngài thấy những tia sáng chiếu ra từ chân đế bức tượng và nghe thấy âm điệu tuyệt vời nhất. Mặc dù hơi giật mình,

ngài cảm thấy được đắm mình trong sự tĩnh lặng. Đồng thời, kinh nghiệm thiền định của ngài được nâng lên ở mức độ chưa từng có. Sau đó một lúc, tò mò về khởi nguồn và ý nghĩa thị kiến của mình, ngài đứng dậy đi về phía bức tượng để xem xét bộ tượng. Ngài tìm thấy dưới bộ đó cất giấu một bản kinh văn quý giá – Mật điển Tara⁸ (tantra of Tara) đầy đủ. Dù có thể đọc được, ngài chưa thể hiểu ý nghĩa sâu xa của nó, nhớ lại sự chỉ dẫn tử tế và chân thật của Đà kì ni già, ngài cầu khẩn thành tâm bà đến và giúp ngài một lần nữa. Bà xuất hiện và nói:

*“Trong vùng đất có một nghĩa địa, Saraberaha,
Nơi trú ngụ của vị chúa tể phi thường xứ Ấn độ.
Hãy tới nghĩa địa đó sẽ tìm thấy đạo sư”*

Luôn tin tưởng vào hướng dẫn của bà, ngài tới Saraberaha. Tại đó ngài gặp Đại Thành Tựu giả Ấn độ Saryapa, người đã phát lộ ý nghĩa Mật điển Tara và các kinh văn khác cho ngài, cũng như ban cho ngài nhiều hướng dẫn cốt tủy. Vị sư tài giỏi *Prajnabhadra* cũng học hỏi với Đại Thành Tựu giả Matangi, có lẽ cũng ở khu nghĩa địa đó. Theo hướng dẫn của Đà kì ni già, ngài tìm thấy Matangi, người to lớn gấp đôi người thường và sống trong một túp lều cỏ. Trong suốt thời gian thọ nhận chỉ dẫn Kim Cương Thừa⁹ (*vajrayana*) từ hai đạo sư

này, ngài gìn giữ hoàn hảo các giới luật xuất gia. Một thời gian sau khi hoàn thành việc tu học, ngài quyết định trở lại tu viện của mình.

Nhận Giáo lý từ Đà kì ni già

Một hôm ngài đang đọc tụng 8000 bài kệ của “Trí tuệ Bát Nhã” (Prajnaparamita), Đà kì ni già hiển lộ trước ngài và tìm hiểu xem ngài có quan tâm để hiểu ý nghĩa chân thật, tinh túy của bộ kinh ngài đang tụng hay không. Tất nhiên ngài hiểu rõ.

Sau đó bà ban cho ngài sự chỉ dẫn trọn vẹn mọi khía cạnh của Mật điển Cakrasamvara¹⁰, giảng giải cho ngài hiểu rằng toàn bộ mật điển Cakrasamvara và trí tuệ thể hiện trong Trí tuệ Bát Nhã là một và đồng nhất. Chẳng bao lâu ngài đạt được hiểu biết trực tiếp sống động trong đặc điểm cốt yếu của chúng. Cho đến khi đó có sự thiếu tương quan giữa kiến thức lý thuyết của triết học Phật giáo và sự tu tập Kim Cương Thừa của ngài. Sự hiểu biết sâu xa được phát lộ ngẫu nhiên qua giải thích bất chợt của Đà kì ni già đã đưa hai khía cạnh này trở thành một điểm nổi bật rõ ràng trong cuộc sống của ngài. Như dấu hiệu của điều này, sự chứng ngộ của ngài bắt đầu lộ ra, bà nói:

PHẦN MỘT

*“Nghĩa của điều có ý nghĩa có thể không bao giờ là
vài thứ được nhận ra qua ý nghĩa ngôn từ.*

*Nước có thể gột sạch các vết bẩn nhưng không bao
giờ rửa sạch chính nó*

Vị yogin kiệt xuất, mọi khả năng tuyệt hảo,

*Buông bỏ tất cả ràng buộc của tự giải thoát bên
ngoài,*

Giữ vững ý nghĩa kim cương, tự giải thoát bên trong:

*Rời chân lý ý nghĩa tối thượng, thoát khỏi mọi suy
đoán sẽ phát lộ.”*

ཆེམ།མི།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།

ཆེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།

ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།

ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།

ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།

ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།ཤོག་མེམ།

Bình giải:

Ý nghĩa của lời dạy trên là tất cả những giải thích, trình bày rõ ràng, v.v có thể học được về khái niệm thông qua đọc sách và các bản văn, hoặc là qua thọ nhận trực tiếp chỉ dẫn cá nhân. Trong quá trình học hỏi đó, là quá trình bình thường đối với việc truyền đạt trí tuệ, viết ra các từ, hay những âm thanh nói ra, được sử dụng như những biểu lộ đại diện cho mọi thứ xảy ra trong cuộc sống. Chúng ta học cách đặt tên cho những thứ đó và nối kết các từ lại với nhau để thành ý tưởng ra sao; rồi tham khảo chéo và liên kết các ý tưởng đó thế nào. Giống như các biểu tượng của đại số biểu thị cho những thực thể vật lý, ngôn ngữ khái niệm của chúng ta biểu lộ cho những thực tế kinh nghiệm của thế giới tương đối - một thế giới mà mọi thứ phụ thuộc vào những thứ khác cho sự tồn tại của nó.

Các khái niệm có thể được phát triển một cách thông minh và liên hệ lẫn nhau để sản sinh ra ngôn ngữ trí tuệ để phản chiếu và giải thích về mọi dạng khác nhau của kinh nghiệm tương đối trực tiếp. Tuy nhiên dù việc sử dụng tương đối của nó thật kì diệu đối với việc học tập và truyền đạt, thì đại số học phức tạp vẫn có sự giới hạn. Đại số (và các biểu tượng tương đương của nó) không có khả năng sinh ra chứng ngộ trực tiếp của điều được

TILOPA

biết như ‘*Ý nghĩa của điều có ý nghĩa*’ – điểm chân thực của tâm, chứa đựng trong tâm mà chúng ta gọi là ‘chân lý tối thượng’^c không tùy thuộc vào điều gì cả.

Từ ngữ và công thức hình thành chân lý tương đối có thể sáng tỏ nhiều thứ và thay thế các ý tưởng lộn xộn bằng lập luận, nhưng chúng không thể vượt quá tính tương đối để nắm giữ tính tuyệt đối. Trong khía cạnh này, chúng giống như nước được dùng phổ biến để làm sạch các vết dơ bẩn, nhưng nước không bao giờ có thể gột bỏ sự ươn ướt, và chính nó.

Chúng ta có thể phân loại những nhà yogin (Du già¹¹) thành ba nhóm chung như: sơ căn, trung bình và cao nhất. Có hai yếu tố đưa đến sự khác nhau đáng kể giữa các yogin của ba nhóm này. Nhóm đầu tiên là trạng thái tiến triển và nội quán mà họ kế thừa như đặc tính tự nhiên của họ trong đời này, vì những nỗ lực của họ trong các tiền kiếp. Nhóm thứ hai là mức độ động lực mà họ tận dụng như cơ hội có được bởi tiềm năng đang có này: họ tu tập tốt và nhiều ra sao trong kiếp này.

Ta có thể minh họa sự khác biệt tồn tại giữa ba nhóm yogin thông qua ví dụ mỗi nhóm nhận thức đề mục của một kinh văn, ví dụ như “Sự Trang hoàng của Hiện lộ và

^c Chân lý Tuyệt đối: xem Phần Ba, mục 7: Thuyết phục người không tin Nhân – Quả

Chứng ngộ đích thực, Giáo lý Hướng dẫn Cốt tủy về Hoàn hảo Siêu việt của Giác tánh Cao quý” (*abhisamaya lamkara-nama-prajna paramitopadesa-sastra- karika*)¹²

Đối với một yogin bậc thấp, tiêu đề trên chủ yếu giúp họ như một chú dẫn, một cách thức nhận ra bản văn trong số hàng trăm bản văn khác. Đối với một yogin trung bình, tiêu đề đó sẽ giúp ích đánh giá nội dung và phạm vi của bản văn. Bằng cách đơn giản đọc tiêu đề, anh ấy hay cô ấy có được ý tưởng tuyệt vời về nội dung của chủ đề. Ngược lại, đối với vị yogin bậc cao vì có những khả năng phát triển siêu việt có thể sắp đặt và đồng hóa toàn bộ ý nghĩa của cuốn sách, ví dụ như tiêu đề Trí tuệ Bát nhã (*Prajnapramita*)¹³. Thật vậy, một trong số các lí do tại sao những đại sư thời trước khi biên soạn các bản luận giải (*sastra*)¹⁴ đã rất thận trọng khi chọn lựa tên tiêu đề, để người căn cơ cao có thể hiểu biết nội dung công trình của họ ngay khi nhìn bìa sách. Dĩ nhiên, đây là quan niệm khác biệt với nhiều tiêu đề sách hiện nay đặt ra chủ yếu bắt mắt và thu hút mỗi quan tâm của độc giả cùng lúc.

Prajnabhadra được các Đà kì ni ngụ ý như một yogin kiệt xuất nhất. Mọi khả năng của ngài đều toàn hảo, là người đã đến lúc buông bỏ mọi ràng buộc Biệt giải thoát bên ngoài. Hạnh nguyện của Biệt giải thoát (Duyên

TILOPA

giác; Phạn ngữ; pratimoksa) là những giới luật áp dụng cho các tăng, ni, người mới tu, và cư sĩ. Đây là những quy tắc tự kỷ luật được xác định rõ ràng đặt ra nhằm giúp họ tránh xa các hoạt động thân, khẩu có thể làm hại họ hay những người khác. Nhờ thoát khỏi tình trạng cuộc sống xung quanh đầy kích động, họ đạt được cấp độ Biệt giải thoát.

Vị Đà kì ni báo Prajnabhadra biết rằng đã đến lúc nên vượt ra khỏi giới hạn những định kiến tốt và xấu mà cấp độ Duyên giác dựa vào. Các định nghĩa đạo đức 'cắt bỏ và phơi khô', trắng và đen không có gì mới của cấp độ này được thiết lập để hướng dẫn những người chưa thuần thực bằng cách gạt bỏ những hoạt động bên ngoài về đạo đức nên làm hay không nên. Ngài có đủ sự phân biệt ở khía cạnh đạo đức bên trong và sự trưởng thành để có thể phán xét hoàn cảnh cho chính mình và tác động vào những hoàn cảnh đó lúc cần thiết thông qua việc áp dụng phương cách thiện xảo trong một phạm vi rộng lớn và hiệu quả hơn nhiều so với cấp độ Duyên giác được phép. Mặc dù nó có lẽ vượt ra khỏi những ý niệm về hành vi của Phật tử, hành động của ngài không bao giờ làm hại, ngược lại nó được trừ tính mang lại vô vàn lợi ích cho chúng sinh.

Đây là thời điểm ngài kiên quyết giữ những cam kết biệt giải thoát giới bên trong của Kim Cương Thừa, đối với ta người thích hợp giữ những cam kết (samaya) của Kim Cương Thừa sẽ tự động sở hữu cốt lõi tất cả giới nguyện của ba thừa Phật giáo, như Biệt giải thoát giới, Bồ tát giới, và Kim Cương Thừa giới. Những lời khuyên của Đà kì ni báo hiệu một giai đoạn mới trong hoạt động của ngài, bởi từ nay ngài sẽ cống hiến toàn bộ thời gian của mình cho tu tập Đại Thủ Ấn, hình thức cao nhất của thực hành tâm linh không suy đoán (non- speculative). Thiền quán của Đại Thủ Ấn được kết tinh bởi các phương pháp đặc biệt, gọi chung là “những phương tiện thiện xảo”. Các phương tiện siêu việt hé lộ những chân lý của nó là Bốn Pháp Trao Truyền của Sự Làm Chủ (xem ở dưới), như sự trợ giúp trong Đại Thủ Ấn mà ngài phải tu tập hoàn hảo mọi khía cạnh của nó.

Kết thúc bình giải.

Sau khi nói xong, Đà kì ni hứa trở thành nguồn trợ giúp chính cho ngài để đạt được chứng ngộ hoàn hảo, từ đó về sau bà đã giúp đỡ ngài trong mọi cách thức. Sự kiện này cho thấy hành trình rất đặc biệt của ngài bắt đầu đạt tới sự hiểu biết sâu xa đích thực.

Cho đến lúc đó, ngài đã là một vị tăng lý tưởng, rộng lượng, tử tế và thông thái, càng ngày thời gian của ngài

TILOPA

dành ra cho việc chăm nom tất cả học trò của mình càng nhiều hơn, họ hoàn toàn trông cậy vào sự hướng dẫn của ngài, do vậy họ rất tôn kính và phụng sự ngài. Đà kì ni biết rằng ngài phải tạm thời thoát ra khỏi gánh nặng trách nhiệm chung này để có nhiều thời gian hơn cho tu tập chuyên sâu, bà đã khuyên ngài ngày hôm sau nên nhảy lên mái tu viện, hành động quá khích, thét gào và sau cùng ném 8000 bài kệ Bát nhã xuống sông (tu viện xây bên cạnh sông có thể cho mát). Ngài không cần lo lắng vì bản kinh linh thiêng sẽ không bị hư hỏng, nước sông sẽ không đưa nó ra xa hay làm nát nó, và ngài cũng không gây ra hành động xấu nào vì Đà kì ni sẽ cứu bản kinh và hồi phục nó nguyên vẹn.

Vì vậy, trước sự ngạc nhiên của mọi người, vị tăng tài giỏi Prajnabhadra đã hành động điên rồ trên mái tu viện, nói năng huênh hoang cuồng dại rồi ném bản kinh cao quý xuống nước. Họ nói “tội nghiệp, tội nghiệp sư kia” “anh ta vốn rất tử tế, rất đáng tin, giờ nhìn anh ta kìa. Anh ấy hoàn toàn mất trí!”. Vì vậy, ngài được tự do thoát khỏi trách nhiệm của tu viện và tạo cơ hội cho mình tu tập vì sự giác ngộ viên mãn.

KAGYU – Bốn Pháp Trao Truyền của Sự Làm chủ

Tận dụng tự do vừa có được, Prajnabhadra thực hành thiền định rất miệt mài, khi cần thiết ngài đến gặp

các đại sư nổi tiếng nhất lúc đó như: Guhya, Darika, Dingi, vân vân để nhận thêm các phương pháp và hướng dẫn đặc biệt. Là người kiệt xuất nhất trong số các học trò, ngài nắm vững tất cả những giáo lý cốt tủy và có khả năng nhận thức các điểm chung và riêng biệt của chúng. Những dòng truyền thừa mà ngài kế thừa cô đọng lại trong bốn nhánh trí tuệ truyền khẩu. Do khía cạnh này, Kagyu là tên gọi xuất phát từ đó, vì Kagyu là tên tắt trong Tạng ngữ: *theg pa gsum gyi snying don bka kyi chos bzhi'i gdams ngag bar ma chad pa'i bargyu pa*. Dịch nghĩa là “dòng truyền thừa liên tục của hướng dẫn sâu xa và mật thiết trong bốn loại trao truyền sự làm chủ, ý nghĩa trọng yếu của ba thừa (yanas)”.

Cách viết trên đúng ra là cách phiên âm, *ka* là gọi tắt của *ka.pap.zi* có thể diễn đạt thoáng như “bốn pháp tu làm chủ sự trao truyền”. *Zhi* nghĩa đơn giản là bốn; *ka.pap* là từ ghép mà dường như không có nghĩa tương đương trong tiếng Anh. Nghĩa là trao truyền từ đạo sư tới đệ tử (về kiến thức, kỹ năng, nội quán, và khả năng giảng dạy) trong một lĩnh vực đặc biệt, cho tới lúc đệ tử sở hữu hoàn toàn mọi khả năng đó của đạo sư. Đây là cách thức xảy ra khi ai đó có tài năng, hay thiên bẩm, đạo sư đưa ra một chủ đề nhất định để phát hiện ra học trò giỏi nhất trong lĩnh vực đó và học mọi thứ từ sự chia

TILOPA

sẽ của vị thầy - ngụ ý là sự đánh giá ngẫu nhiên và khả năng đồng hóa nhanh chóng diễn ra khi học trò cảm nhận chủ đề một cách tự nhiên.

Bốn pháp Trao truyền của Kagyu trình bày dưới đây:

1. **Đại Thủ Ấn** (Tạng ngữ: *phyag.rgya.chen.po*. Phạn ngữ: Mahamudra) nghĩa là "Đại Thủ Ấn không đặc điểm", như là không có lễ thức, hình thức hay ngụ ý biến,
2. **Nội nhiệt** (Tạng ngữ: *gtum.mo*, nghĩa đen là "bà mẹ giận dữ",
3. **Tính trong sáng** (lucidity): (Tạng ngữ: *od.gsal* nghĩa là "rõ ràng như được soi sáng, đôi khi gọi là "ánh sáng trong suốt" theo cách dịch hiện đại), bao gồm giấc mơ, và pháp tu yoga trạng thái trung âm (bardo),
4. **Sự hợp nhất** (Tạng ngữ: *las.kyi. phyag.rya*; Phạn ngữ: karma mudra)

Những thuật ngữ tiếng Anh được cho ở trên do sự nhất quán, đã được dùng phổ biến dù người đọc có lẽ quen thuộc hơn với các thuật ngữ này trong Tạng ngữ và Phạn ngữ. Bốn pháp trao truyền này chứa đựng tinh túy của tất cả ba thừa của Phật giáo. Mỗi thừa bao gồm các thừa khác, và do đó mỗi cái chứa đựng mọi thứ - như sự nguyên vẹn được gọi là Đại Thủ Ấn.

Thời trước, một số đạo sư thành tựu các mức độ thiện xảo phi thường về một trong số bốn pháp này của Đại Thủ Ấn. Họ trao truyền năng lực đặc biệt cùng với mọi thứ liên quan cho những đệ tử giỏi nhất, vì vậy những dòng truyền chuyên biệt được phát triển.

Nếu một trong các pháp trên không chứa đựng cái toàn thể, thì Nội nhiệt (tumo) sẽ đơn giản chỉ là một kĩ thuật sinh ra khí ấm, không gì hơn là một lò sưởi bằng con người. Ánh sáng trong suốt sẽ như vài thứ phát sáng kiểu đèn pin. Những pháp tu này không phải như vậy. Nội nhiệt và Ánh sáng trong suốt là các pháp tu tập rất thâm sâu, được hỗ trợ hoàn hảo bởi nội quán của Đại Thủ Ấn, các mật chú, và giai đoạn quán tưởng Đại Thủ Ấn. Chúng rất trọn vẹn, mỗi pháp là một khía cạnh nổi bật của cùng một thứ.

Bốn khía cạnh này (một kiến thức mật thiết về tâm và ba phạm vi thiện xảo về phương pháp) kết hợp với nhau để tạo thành Đại Thủ Ấn như một toàn thể, được trao truyền rất thanh tịnh và hoàn hảo, thông qua dòng truyền thừa của các đạo sư hoàn hảo và đệ tử hoàn hảo từ thời Tilopa cho đến ngày nay. Chúng (bốn pháp) tạo thành trung tâm của truyền thống Kagyu (Dòng Trao truyền Sự Làm chủ) hiện tại.

Sự trực xuất và thiền định ẩn cư

Một xu hướng chủ đạo trong các tu viện thời Tilopa là chú trọng giữ hành xử bên ngoài thanh tịnh (thân và khẩu) trên cơ sở giới nguyên Biệt giải thoát, đồng thời phát triển sự rèn luyện tâm bên trong trên nền tảng phương pháp Đại Thừa. Lý tưởng của họ là lòng từ bi trong kỉ luật. Điều này dường như cũng áp dụng cho tu viện mà Prajnabhadra khi ở đó, không di chuyển. Mặc dù ngài khá hài lòng với tiến bộ đạt được trong thiền định và nội quán, khi ngài tu tập từng bước các chỉ dẫn của bốn pháp khẩu truyền đã nhận, những bạn đồng tu của ngài ngày càng đánh giá thấp về pháp tu của ngài, đặc biệt là hành động của ngài liên qua pháp tu thứ tư – sự Hợp nhất của Đại Thủ Ấn. Họ có lẽ đánh giá pháp tu này trong mối liên hệ với hoàn cảnh của họ lúc đó. Ngài tu tập khác xa với những gì họ quan tâm, tương phản rõ ràng với luật lệ độc thân của tu viện. Các sư rất khó chịu, cuối cùng hợp sức chống lại ngài và trực xuất ngài khỏi tu viện.

Những năm tiếp theo, các nơi chốn ngài tu thiền định không được ghi lại một cách hệ thống trong tiểu sử về ngài. Tuy nhiên ngài hình như đã thiền định mười hai năm trong một nghĩa địa ở Somapuri, tại đó ngài đã thiền định cực kì kiên trì với hai chân bắt chéo buộc vào sợi dây xích.

Một hôm Đà kì ni già trở lại và ban cho ngài thêm hướng dẫn:

*“Bây giờ hãy đi tới Vanga, ở phía Đông,
Có một cái chợ gọi là Pensalna,
Làm việc cho bà Barima và tôi tớ của bà.
Hãy mang mọi tu tập của mình tới điểm kết tốt cùng,
Ông sẽ đạt thành tựu.”*

Barima và Pensalna

Vanga là tên cũ của Bengal. Khi đến thị trấn Pensalna, Prajnabhadra thăm hỏi và chẳng bao lâu gặp được Barima, và phát hiện ra bà ấy và ‘các đồng sự’ là gái làng chơi. Tuy nhiên niềm tin vào chỉ dẫn của Đà kì ni già, ngài đã làm việc tận tụy như một đầy tớ của Barima vào ban đêm, và như thợ xay mè vào ban ngày. Đối với dân chúng, nghề nghiệp đầu tiên này ngài được biết như là Tilopa “thợ xay mè”. Trong Phạn ngữ, *Tila* là hạt mè, và *tila-pida* nghĩa là người xay/nghiền mè. Vào thời kì đó, Pensala Bengali có lẽ đã gọi ngài như vậy. Tạng ngữ đọc phiên âm tên ngài như Telopa.

TILOPA

Trong bài ca chứng ngộ (*doha*)^d của mình, Tilopa kể rằng từ lúc đó trở đi ngài 'không bao giờ lãng phí một khắc của cuộc đời để xao lãng'. Với tâm trong sáng chói ngời, ngài tận dụng triệt để mọi khoảnh khắc quý giá ngày cũng như đêm trong cuộc đời mình để tu tập. Kinh nghiệm thiền định của ngài ngày càng tiến triển, vì thế sinh ra kinh nghiệm chứng ngộ ổn định hơn, và chúng ngày càng đặc biệt không chỉ gia tăng sự phi thường và phạm vi mà còn tiến bộ qua những lĩnh vực mới hơn và sâu sắc hơn.

Chúng ta nên biết rằng Barima, người Tilopa đang phục vụ vào ban đêm không phải là một phụ nữ bình thường và cũng không phải trở thành gái điếm do bất hạnh. Bà là một Đà kì ni ở mức độ cao, một hóa thân của vị bồ tát phi thường đã hiển lộ ở đó theo cách không bình thường để giúp đỡ dân chúng địa phương, những người có số phận rất đặc biệt đưa đẩy họ đến thị trấn đó với sự hiện diện của bà. Đó là một trong số các thời đại và nơi chốn hiếm hoi mà bản chất - trí tuệ (*jnana*)¹⁵ – ý nghĩa chân thực của mọi thứ có thể nở rộ nhiều như sự chứng ngộ bên trong của nhiều người. Mọi điều kiện đã chín muồi: đó là lí do Đà kì ni già gửi Tilopa đến đó.

^d Doha (Chứng ngộ ca. Tạng ngữ: *gur*): một bài ca tâm linh có vần do một hành giả Kim Cương Thừa sáng tác ngẫu nhiên.

Một vài tác phẩm nói rằng Tilopa đã phục vụ Barima bốn năm, một số khác lại cho là sáu năm. So sánh tiểu sử của ngài với tiểu sử của các Đại Thành Tựu giả (*mahasiddha*)^e khác thì có thể là sáu năm. Dù là thế nào đi nữa, trong suốt thời gian sống tại Pensalna, những cư dân ở đó đã nhìn thấy ngài theo nhiều cách khác nhau. Một số người xem ngài là người rất uy lực, trong khi những người khác nghĩ ngài nhẹ nhàng, khiêm tốn. Một số người thấy ngài như ánh sáng hay sáng chói như lửa hoặc trong những cách thức dị thường. Sau nhiều năm trôi qua, hầu hết mọi người nghĩ rằng ngài là nhân vật phi thường, vì những dấu hiệu khác nhau đó khiến mỗi người đánh giá cao về ngài theo cách riêng của họ.

Như được tiên tri, một hôm ngài đạt thành tựu hoàn hảo. Mọi người nhìn thấy ngài ngồi trên không gian ở giữa cái lều ánh sáng cầu vồng, chiều cao khoảng bảy cây dừa tính từ mặt đất. Sự kiện khác thường này làm nảy sinh niềm tin to lớn đối với ngài, mọi người đã quỳ lạy và cúng dường hương, hoa trước hình ảnh bất ngờ này.

Khi nghe được tin này, nhà vua vội vàng đến tham gia cầu nguyện Tilopa và thay mặt dân chúng xin lỗi ngài vì không nhận ra sự hiện diện thiêng liêng của ngài, và đối

^e Đại Thành Tựu giả: Hành giả có chứng ngộ sâu rộng. Maha nghĩa là to lớn, vĩ đại; siddha là một hành giả thành tựu.

TILOPA

xử tệ với ngài như thợ xay mè nghèo khổ. Tilopa đã ban cho họ những giáo lý, gồm hai phần và ba câu kệ để giải thích cách thức con đường tu tập của ngài:

“Mặc dù ngay kẻ ngốc cũng biết dầu mè đến từ đâu

Luôn hiện hữu trong cốt lõi của hạt mè

Họ sẽ không bao giờ có thể sản sinh ra tinh túy đó

Nếu họ không hiểu mối quan hệ duyên sinh.

Cũng như thế, dù vậy

sự đồng thời và bản chất – trí tuệ bẩm sinh

Là bản tính cốt lõi của tất cả chúng sinh,

Trừ phi được chỉ ra bởi một đạo sư, sẽ không ai nhận ra nó.

Đúng như dầu mè, bản tính được hiển lộ

Thông qua nghiền hạt mè và

Bỏ đi vỏ ngoài của nó,

Vì thế điểm cốt lõi, cần phải được chỉ ra

“một và duy nhất” – Chân như,

Được dạy bởi đạo sư, ngài giải thích qua các biểu tượng,

Giống như dầu mè:

PHẦN MỘT

Tất cả các lĩnh vực bất phân, của một bản tính.

Kye ho!

*Ý nghĩa này, cực kỳ xa tầm với và rất khó để
thăm dò,*

Luôn rõ ràng sống động trong khoảnh khắc hiện tại.

Đây là một điều kì diệu thật sự!”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ।
 श्रीकृष्णाय नमः ।
 कुरु मे प्रसादं ।
 धर्मं च ज्ञानं च ।
 अर्थं चाश्रित्वा ।
 त्वत्पदाब्जयोनिम् ।
 हृदि स्थितिमाप्नुयेत् ।

၂၀၁၁ ခုနှစ်၊ ဇန်နဝါရီလ ၁ ရက်၊ နံနက် ၈ နာရီ
 ၂၀၁၁ ခုနှစ်၊ ဇန်နဝါရီလ ၁ ရက်၊ နံနက် ၈ နာရီ
 ၂၀၁၁ ခုနှစ်၊ ဇန်နဝါရီလ ၁ ရက်၊ နံနက် ၈ နာရီ
 ၂၀၁၁ ခုနှစ်၊ ဇန်နဝါရီလ ၁ ရက်၊ နံနက် ၈ နာရီ
 ၂၀၁၁ ခုနှစ်၊ ဇန်နဝါရီလ ၁ ရက်၊ နံနက် ၈ နာရီ
 ၂၀၁၁ ခုနှစ်၊ ဇန်နဝါရီလ ၁ ရက်၊ နံနက် ၈ နာရီ
 ၂၀၁၁ ခုနှစ်၊ ဇန်နဝါရီလ ၁ ရက်၊ နံနက် ၈ နာရီ

TILOPA

Bình giải:

Đây là bản tính cốt lõi, như tinh túy của hạt mè - dầu mè được biết luôn hiện diện trong hạt mè, ngay cả kẻ ngu ngốc cũng biết vậy - nó là một kiến thức phổ thông. Tuy nhiên, nếu ta không hiểu khởi thủy của mối quan hệ duyên sinh (ở đây nghĩa là tất cả các bước thực hành cần thiết để tạo ra hạt mè thành dầu mè) và nếu không nhận thấy giá trị hay nhu cầu của việc tạo thành dầu mè, ta sẽ hoàn toàn không thể tạo ra tinh chất đó. Cũng không nhất thiết rằng đôi khi dầu mè xuất hiện, bởi đó là đặc điểm thiết yếu của hạt mè, vì kĩ thuật và áp dụng là hoàn toàn cần thiết để điều đó xảy ra.

Cũng như thế, bản tính - trí tuệ (jnana) gắn liền với Phật tính, điều kiện tự nhiên, bẩm sinh diễn ra đồng thời với cuộc đời của chúng sinh và luôn hiện diện ở đó như là sự nhận diện chân thật của chúng ta, tinh khiết nhất bởi đặc tính của nó, là bản tính cốt lõi của mọi chúng sinh. Không cần phải nói 'bản tính – trung tâm' (heart – nature) một cách ví von thi vị, và cũng không liên quan gì với quả tim vật chất có chức năng bơm máu của chúng ta. Mặc dù thế, nhiều người phương Đông sẽ luôn chỉ vào tim mình khi họ muốn biểu lộ bản thân hay tâm trí họ. Lý do họ làm như vậy rất thú vị, bởi trái tim có vị trí gần như ở giữa kinh mạch năng lượng vi tế trung tâm của chúng ta.

Nó là mạng lưới chủ yếu đối với hệ thống phức tạp vi tế, khí (prana)¹⁶, các dòng năng lượng liên quan mật thiết với những hoạt động tinh thần của chúng ta. Do đó trái tim là điểm cốt lõi cho sự sống của chúng ta.

Nếu ta chưa biết làm thế nào để nhận thức bản tính này thông qua sự chỉ dẫn của một đạo sư đích thực thì ta không thể nhận ra ý nghĩa thực sự của nó. Một đạo sư không thể ban cho sự hiểu biết sâu sắc như thế. Đúng hơn là theo hướng dẫn của đạo sư, các học trò sẽ thành tựu điều này khi nội quán của họ chín muồi. Đây không phải là cách thức đạo sư có vài thứ như là tặng phẩm có thể truyền đạt cho bất kì ai nhưng lại từ chối một số người khác, vì bất kì lí do nào, đặc biệt là thiếu lòng từ bi v.v... Lòng từ bi của đạo sư là trong sáng và bình đẳng, không muốn gì hơn là mọi người có khả năng nhận thức trí tuệ sâu sắc, nhưng giống như kẻ mù không thể thấy hình tượng, vì vậy những người chưa sẵn sàng không thể có tầm nhìn phổ quát này, dù đạo sư của họ làm gì đi nữa.

Với cách thức này ta có thể đạt được sự trưởng thành cần thiết cho tu tập nội quán để tiến bộ theo hướng dẫn của đạo sư. Bằng cách thực hành như vậy, hai động lực chủ yếu tích cực – tịnh hóa¹⁷ những tác nghẽn và tích tập mọi thiện hạnh - sẽ phát triển tới mức độ cho phép ta nhìn thấy vai hóa thân (*nirmanarkya*)¹⁸ của Phật tính một cách

TILOPA

tự nhiên thích hợp với điều kiện của ta. Không có hướng dẫn của đạo sư, không có sự tu tập, thì điều này sẽ không bao giờ xảy ra dù ta mong muốn nhiều thế nào.

Một ví dụ khá rõ cho việc thăm ngấn cách này, là giữa điều ta mong muốn xảy ra và điều sẽ xảy ra vì những hành động của ta, như là sự truy tìm chung cho hạnh phúc hàng ngày. Tất nhiên mọi người đều muốn hạnh phúc và không ai muốn đau khổ. Mặc dù thế, mọi người không nhận thức về luật nhân – quả, do vậy không có khả năng phân biệt giữa một nhân của hạnh phúc vị lai và một nhân đau khổ vị lai. Trong cuộc tranh đấu mù quáng vì hạnh phúc trước mắt tạm thời, họ kết thúc bằng việc sản sinh ra nhiều hạt giống bất hạnh của tương lai. Ví dụ, người đánh cá, do niềm vui nhất thời của đánh bắt cá và thức ăn ngon miệng sẽ hủy hoại cuộc sống và tạo ra nhiều nhân đau khổ cho chính họ trong những kiếp sống sau này.

Đây là lí do tại sao trong Bốn Pháp Quán Niệm Vô lượng¹⁹, chúng ta không chỉ cầu nguyện cho mọi chúng sinh đạt được hạnh phúc mà còn cho họ tạo ra những hạt giống của hạnh phúc vị lai: không những thoát khỏi khổ đau mà còn chấm dứt tạo ra các nhân của nó. Giáo lý của Đức Phật trao truyền tới chúng ta thông qua các đạo sư đã mở mắt cho chúng ta thấy trò chơi quan hệ

nhân quả, bằng cách thay đổi một cách hệ thống những hành vi cuộc sống của mình phù hợp với các chân lý của nó. Chúng ta sẽ đạt được hạnh phúc mà chúng ta và mọi người tìm kiếm. Đó sẽ là niềm hạnh phúc to lớn và lâu dài bắt rễ từ sự hiểu biết sâu xa.

Bằng cách đập hạt mè và xát vỏ của nó, ta có được tinh chất hạt mè -dầu mè. Để làm như thế, người nghiền hạt mè phải tổ chức công việc và sử dụng công cụ đúng cách. Cũng như thế, một đạo sư phát lộ bản tính tâm như chứng minh chân lí tối thượng, chỉ ra điểm cốt lõi “một và duy nhất” là bản chất của mọi sự vật, thông qua sử dụng các phương pháp thích hợp, và các “công cụ” đặc biệt của các ví dụ (như là bản tính của hạt mè). Bản tính này biểu lộ với nhiều tên gọi khác nhau: *Chân như* (*suchness*), *Pháp tính* (*dharmata*), *Tính Không*, vân vân.

Hiện tại phần lớn chúng ta giống như những hạt mè khô! May mắn là nó có thể loại bỏ sự khô bởi quá trình bổ sung của tích tập (trí tuệ và công đức) và tịnh hóa (ảo tưởng và lầm lẫn). Quá trình này cho phép những phẩm tính đích thực của ta, mềm mại và bóng loáng như dầu được hiển lộ. Làm thế nào tu tập để điều đó xảy ra? nỗ lực tích tập công đức và tịnh hóa sẽ đưa đến việc biến mất từ từ các thói quen định hình trong tâm trí đã huân tập từ vô thủy, sự phân cực giả tạo chủ thể - đối tượng,

TILOPA

và việc phân chia tùy tiện của kinh nghiệm tâm trí về `tôi` và `nó`, `ngã` và `cái khác`, “tôi” và “tâm tôi”, vân vân. Khi những nhận thức đóng băng này tan ra, tất cả các tính chất cứng nhắc đi kèm do chúng sinh ra sẽ tan biến. Chứng ngộ sự bất phân chủ thể - đối tượng sẽ phát lộ bản tính như một của chúng, hay “sự hợp nhất vĩ đại”. Nó tươi mới và mềm mại.

Trong khi nói hai câu kệ cuối này, Tilopa đã đánh thức “kinh nghiệm phát lộ tâm” cho những người nghe của ngài, phơi bày ý nghĩa cực kì vượt tầm với và rất khó để tìm hiểu – ý nghĩa vô hạn, vô tận, nhưng sâu xa, nó không thể chạm tới bằng trí tuệ nhận thức thông thường. Bởi vì nó là “không thể nghĩ bàn và không thể nói được”. Làm thế nào và tại sao điều này là rất thực dù không thể bộc lộ, vì ý nghĩa vượt ra khỏi phạm vi tri thức, là chủ đề chính của Trí tuệ Bát nhã²⁰ của Đại Thủ Ấn, và nhiều giáo lý sâu sắc khác. Chúng cho thấy rõ ràng, trước hết nó phải được kinh nghiệm để hiểu được, và rằng không có mẫu hình nhận thức nào có thể giúp để mô tả nó thỏa đáng, vì mọi mô hình đó là những kí ức của những kinh nghiệm khác nhau, khác biệt về chất lượng và trải nghiệm. Trong Lời Cầu nguyện Đại Thủ Ấn²¹, Đức Karmapa thứ Ba, Rangjung Doje dạy rằng:

“Nó không thể được chỉ ra bởi bất kì tuyên bố nào như “đây là nó”

Nó không thể phủ nhận bởi tuyên bố “đây không phải là nó”

Không thể tiếp cận với kiến thức, bản chất vạn vật là không tạo tác:

Nguyện tôi có sự tin chắc về chân lí tối thượng.”

Mặc dù không phải luôn nhận thức được, thực tại của ý nghĩa đó luôn hiện diện như là bộ phận của bản tính ý thức của chúng sinh, nó không bao giờ bị tác động bởi sự ô nhiễm của lỗi lầm và ảo tưởng của họ. Nó ở ngay đây và ngay lúc này, rất sống động – rực rỡ, lấp lánh và trong trẻo. Có một bản tính bên trong như thế, và các đệ tử có thể hiểu đúng giá trị của nó, đây là điều kì diệu lớn lao thật sự.

Kết thúc bình giải.

Tilopa đã phát lộ một trong số các chân lí quan trọng nhất tới các đệ tử - sự hiện hữu của Phật tính (*tathagatagarbha*²² – *tiềm năng cho sự chứng ngộ viên mãn*) trong hai sự tịnh hóa:

1. Sự thanh tịnh hoàn hảo của bản tính – Phật tính là bản tính phổ quát, bản tính tối thượng của mọi chúng sinh. Nó hoàn toàn tinh khiết ở mọi thời và

TILOPA

mọi hoàn cảnh, dù nó ở trong những ai có tâm trí chưa thuần thực, hoặc trong những người đã trưởng thành trên con đường tu tập, hay là trong các vị Phật hoàn hảo. Khía cạnh thanh tịnh này luôn hiện diện.

2. Sự tịnh hóa thông qua tiêu trừ những che chướng ngẫu nhiên về sự giải thoát của từng cá nhân. Bản tính thanh tịnh lưu ý ở trên được hiển lộ do tiêu trừ có hệ thống mọi ảo tưởng và làm lẫn nhất thời đang ngăn che nó.

Tilopa tóm tắt kinh nghiệm của mình thông qua những câu kệ này. Ngài đã kết tinh quá trình nội quán của những người chín muồi cho việc hiểu biết bản tính tâm của họ. Giáo lý của ngài là yếu tố cần thiết sau cùng để hoàn thành các mức độ chứng ngộ khác nhau của họ. Một vài người trong số đó đạt được nội quán như Tilopa. Một số khác đạt được kiến thức và sự kiểm soát đặc biệt trong kiếp sống của họ, trở thành như Đức Phật Kim Cương Trì²³. Nhiều người được nhận quán đánh sinh lực và trường thọ.

Pháp nội quán mà họ thành tựu là vô tận và phi trung tâm, giống như không gian, không có trung tâm vì một trọng tâm là điểm giữa hai thái cực, nhưng không gian không có những thái cực như thế. Bản tính giác ngộ -

tathagatagarbha (Như Lai) – bao gồm tất cả, cho nên thông qua trí tuệ cố hữu của nó - là sự toàn giác, không có xa hay gần và không tách khỏi cái có thể nhận thức hay bất kì hoạt động nào hướng tới nó. Tâm giác ngộ toàn hảo không phải là một loại siêu trí tuệ, trung tâm cực nhạy cần tập trung vào phạm vi các lĩnh vực thuộc kiến thức. Bởi vì mọi thứ đã là bộ phận của nó (Phật Tính), bao la và chiều kích hiện tại không cản trở tới trí huệ vốn có và tính liên tục của nó.

Tilopa tiếp tục ban cho họ những giáo lý bổ trợ cho pháp nội quán đặc biệt. Điều này đưa đến các kết quả thứ yếu, như giác tánh cá nhân được gia tăng về những sự kiện quá khứ và tương lai. Sau này các đạo sư Phật giáo đã khôi phục lại những giáo lý của ngài, đặt thành một bài kệ cô đọng:

“Bản chất cốt lõi của dầu mè,

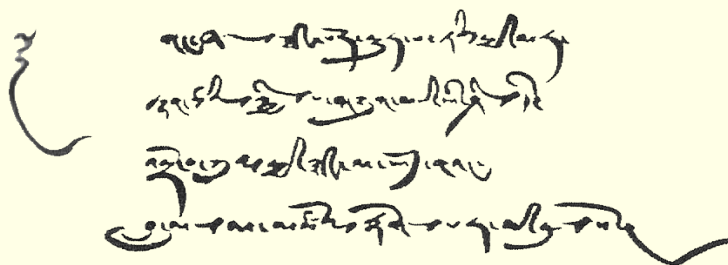
Là bản tính – trí tuệ tự nhiên bẩm sinh, hiện hữu tự phát

Là tinh túy của mỗi và mọi chúng sinh,

Vì vậy họ có khả năng chứng ngộ chân lí thật sự của nó

Vào thời điểm khi một đạo sư phát lộ cho họ.”

TILOPA



Tilopa

Đến đây kết thúc phần đầu tiểu sử của Tilopa, đạo sư của các yogin. Phần này thuật lại Tilopa đã tu tập để đạt thành tựu tâm linh bằng cách giao phó bản thân dưới sự hướng dẫn của các đạo sư.

PHẦN HAI

NGÀI ĐÃ NHẬN CHỈ DẪN SÂU XA TỪ
CÁC ĐÀ KÌ NI KHÁC NHAU VÀ HIỂN LỘ
SỰ CHỨNG NGỘ
CỦA NGÀI NHƯ THẾ NÀO

TILOPA

Tiếp theo Đà kì ni già lại khuyên Tilopa:

*“Sự truyền khẩu do các Đà kì ni thanh tịnh giữ gìn:
các đạo sư may mắn có thể thọ nhận chúng ở
Gandola trong vùng đất của Orgyen.”*

Bình giải:

Trong số tất cả những thứ tạo thành dòng truyền thừa khẩu truyền cho thấy cách thức đưa tới sự chứng ngộ đích thực, có một vài giáo lý (thực sự vẫn đang tồn tại) cam kết không bao giờ viết ra giải thích sự vi tế và sâu sắc của chúng. Những giáo lý này được gìn giữ bởi các cá nhân và được trao truyền từ đạo sư tới đệ tử vào thời điểm thích hợp. Những giáo lý như vậy do các Đà kì ni tinh khiết (như Đà kì ni Trí tuệ sống ở phía Tây vùng đất Orgyen) nắm giữ. Như chúng ta thấy dưới đây, có rất nhiều loại Đà kì ni, từ mức độ tương đối không thanh tịnh như chúng sinh thể gian đến các Đà kì ni Trí tuệ là những biểu lộ giác ngộ.

Orgyen là một địa danh mang tính lịch sử vẫn đang là chủ đề nghiên cứu và tranh luận. Tuy nhiên một địa danh có khả năng giống nó là Uddiyana núi Hindu Kush, hình như nằm phía Tây Bắc Ấn Độ ngày nay, thuộc lãnh thổ Afganistan. Ở đó, Gandola là nơi các chúng sinh may mắn – những đạo sư mà căn cơ tâm linh rất cao đã sẵn

sàng thọ nhận toàn bộ các chỉ dẫn (truyền khẩu), và rồi họ lại trở thành những người trao truyền và trì giữ trí tuệ đặc biệt mà họ là hiện thân.

Kết thúc bình giảng.

Bản thân Tilopa đã thọ nhận nội dung bên trong của các giáo lý này từ các đạo sư của ngài và cá nhân ngài không cần phải đến đó để nhận. Tuy vậy việc đạt được lần nữa các giáo lý này có giá trị vừa trực tiếp từ nguồn cội của chúng (Đà kì ni xứ Gandola), và tươi mới mà sau này Tilopa có thể trao lại cho các đệ tử của mình, từ đó tiếp tục trao truyền cho các thế hệ tương lai của dòng truyền thừa. Với ý định đó, ngài khởi hành đi tới vùng Gandola xa xôi để đạt được những chỉ dẫn của Đà kì ni, liên quan đến hộ pháp – các mạn đà la.

Gandola là nơi chốn rất thiêng liêng, đặc biệt là Đà kì ni. Bởi vì nơi ấy là sự hiển lộ gắn liền với thân, khẩu, tâm của Vajrayogini¹ - là một vị trí năng lượng mạnh mẽ không thể hình dung, người bình thường không thể đến đó, và gây ấn tượng sống động với những ai có khả năng đến đó. Đây là lãnh địa của một Đà kì ni chính với đoàn tùy tùng gồm có vô số các Đà kì ni chính thuộc năm loại:

TILOPA

1. Bản chất – giác tánh (*jnana*)
2. Hoa sen (*padma*)
3. Ngọc quý (*ratna*)
4. Hoạt động (*karma*)
5. Đa dạng (như kết hợp bốn loại của hành động: hàng phục, hiền lộ phần nộ, tích cực và gia tăng).

Mạn đà la của năm loại Đà kì ni này được bao quanh bởi rất nhiều chủ Đà kì ni Thế gian. Như tên của họ gợi ý, các loại Đà kì ni sau ít tiến hóa hơn so với năm loại trên. Mặc dù họ có thể có những hoạt động dữ dội không tiên đoán được, bồ đề tâm² của họ đã tỉnh thức và hoạt động với lòng sùng kính chân thành hướng tới những cam kết của họ để đạt được giác ngộ vì sự lợi lạc của tất cả chúng sinh hữu tình.

Khi Tilopa đến Gandola, ngài chạm trán đầu tiên với các Đà kì ni Thế gian. Họ thử thách ngài bằng cách sinh ra nhiều loại hình ảnh ảo giác, chứng tỏ quyền năng của họ trên phạm vi hình tượng và âm thanh, thông qua việc sản sinh những trải nghiệm như “trái đất dường như sắp nổ tung”, “toàn bộ hư không đang đầy lên...”, vân vân. Nhìn chung, Đà kì ni Thế gian sử dụng những khả năng đặc biệt và hoạt động phần nộ để trợ giúp những đệ tử có thiên hướng ổn định loại bỏ những kích động và nhằm lẫn, hoặc đôi khi giúp họ với quan niệm lệch lạc,

xua tan sự hiểu biết sai lệch của mình. Tilopa không cần trải qua những kinh nghiệm như thế. Ngài nói với họ:

“Bất cứ điều gì các Đà kì ni đang phô diễn không thể khiến một chút mây may trong lỗ chân lông của tôi run rẩy!”

Rồi ngài nhìn họ chằm chằm bằng cái nhìn Kim cương của trí tuệ rực sáng theo một cách rất đặc biệt, thể hiện ba phẩm tính riêng biệt: thân ngài hoàn toàn bất động, khẩu ngài im lặng không bị tác động, và tâm vô úy của ngài tràn ngập sự tự tin kim cương (vajra). Chỉ trong một khoảnh khắc, các Đà kì ni Thế gian đã bị hàng phục. Bởi vì tất cả năng lực của họ là thế gian và do vậy còn bị ô nhiễm³, họ hoàn toàn không thể gây ấn tượng với ngài. Hơn thế họ còn nhận thấy khả năng của họ bị phá hủy, không thể chịu đựng ngay cả một chút phẩm tính siêu thế gian biểu hiện trong cái nhìn toàn giác và rực sáng chân lý của Tilopa. Hoàn toàn bị chinh phục, họ bất tỉnh. Khi các Đà kì ni Thế gian tỉnh lại, họ cam kết phụng sự ngài với thân, khẩu, ý, và cùng nhau cất lời tán thán:

“Giống như những bướm đêm bị thu hút tới ngọn lửa sáng chói,

với cố gắng chế ngự ngài, chúng tôi đã bị hàng phục:

Chúng tôi xin phục dịch ngài ngay bây giờ.”

TILOPA

Bình giải:

Các Đà kì ni Thế gian có nhiệm vụ canh giữ, bảo vệ mạn đà la⁴, họ bị thu hút bởi quyền năng của Tilopa, như những con bướm đêm bị mê hoặc bởi ngọn lửa sáng chói rực rỡ. Họ đã đánh giá thấp năng lực của ngài và dẫn đến quyết định sai lầm là hàng phục ngài, vì họ nghĩ ngài là người bình thường và muốn dạy dỗ ngài. Họ bị hủy hoại vì sức mạnh thế gian của họ xung đột trực tiếp với sức mạnh tuyệt đối của tâm cao quý của Tilopa – không bị tác động và luôn sáng chói như ngọn lửa, cách tiếp cận đó cho thấy năng lực hạn chế của họ. Cố gắng thuần phục ngài thì chính họ lại bị hàng phục. Không thể giữ vai trò bảo vệ nữa, họ thề hoàn toàn trung thành với Tilopa. Từ bây giờ họ thuộc về ngài. Chính họ nhận ra điều này, nên đã nói “chúng tôi xin phục dịch ngài từ bây giờ.”

Kết thúc bình giải.

Sau khi chạm trán các Đà kì ni Thế gian, Tilopa đã gặp Đà kì ni là hiện thân năm khía cạnh hoạt động, tiến gần hơn tới trung tâm của mạn đà la, ngài lại đối mặt vô số phô diễn kỳ quái để thử thách ngài. Lần này họ tạo ra: những dòng sông lửa rực cháy, các đám mây dày đặc khí độc chết chóc, những vách đá dựng đứng bất ngờ, những lỗ nứt lan ra bởi những ngọn gió bất thường, vân vân. Bình thản trước những hiện tượng đó, ngài nói:

“Dùng đèn dầu để thách thức ánh sáng chói lọi của mặt trời, đơn giản chỉ một mỗi.

*Một yogin đã thoát khỏi mọi tư tưởng có rất ít nhu cầu
Luôn tìm kiếm càng nhiều những chỉ dẫn.*

*Tuy nhiên, như chất liệu dành cho những ai là chiếc
bình thích hợp*

*Điều quan trọng nhất là nhận sự gia hộ của dòng
truyền thừa.”*

Bình giải:

Thành tựu của Tilopa rất tuyệt diệu và có ảnh hưởng sâu rộng mà chúng ta có thể ví như ánh mặt trời chói lọi. So sánh với điều này, ngay cả năng lực dữ dội của các Đà kì ni chỉ là vật vãnh, giống như ngọn đèn dầu tí hon cố gắng ganh đua với ánh sáng chói lọi của mặt trời. Năng lực của Tilopa vượt trội, rạng rỡ hơn, nên đối với các Đà kì ni, việc tiếp tục phô diễn không mục đích chỉ lãng phí thời gian, mệt mỏi cho cả Tilopa và họ. Nói cách khác là “bây giờ hãy ngừng trò chơi vô nghĩa này!”

Là một yogin đã thoát khỏi sức mạnh tư tưởng, mọi hy vọng cũng như sợ hãi mà chúng tạo ra, ngài đã sở hữu cả hai: chứng ngộ và hiểu biết. Do đó Tilopa không cần các chỉ dẫn đặc biệt hoặc là sự chứng ngộ dòng truyền thừa mà các Đà kì ni có thể trao truyền lại. Nhìn

TILOPA

chung ngài cũng không cần tiếp tục đi lại để tìm kiếm nhiều hơn sự hướng dẫn.

Tuy nhiên, nhận thức rằng trong tương lai sẽ có 'những người là bình chứa thích hợp' – các đệ tử có khả năng nhận và tiếp tục duy trì các giáo lý của dòng truyền thừa, những người có hoàn cảnh rất khác với ngài, và cần mọi hình thức trợ giúp thích hợp. Ngài cũng biết rằng vì lợi ích của các đệ tử, điều quan trọng nhất là ngài nên nhận sự gia hộ và truyền khẩu của dòng truyền trực tiếp, hơn là những gì ngài đã đạt được trong các pháp tu tương tự từ những đạo sư trước đây của ngài.

Kết thúc bình giải.

Khi nói những điều này, một lần nữa Tilopa nhìn chăm chăm của cái nhìn trí tuệ kim cương rực sáng và ngay lập tức hàng phục các Đà kì ni. Mặc dù tiến hóa và tinh tế hơn các vị Đà kì ni Thế gian, năm loại Đà kì ni này vẫn rất non nớt so với Tilopa. Không có các cuộc giao tranh diễn ra. Thậm chí sức mạnh và trí tuệ ẩn tượng của họ vẫn bị bao phủ bởi tính nhị nguyên, dựa trên chủ thể - đối tượng, nền tảng người nhận thức và đối tượng nhận thức. Đương đầu với sự hiện diện tuyệt đối của Tilopa, tâm của họ bị lấn át và bất tỉnh. Khi tỉnh lại các Đà kì ni đứng bao quanh và thề phụng sự ngài. Giờ đây

ngài tiếp tục tiếp cận Đà kì ni bản tính - trí tuệ (*jananadakini*) quan trọng nhất.

Khi chủ của các yogin (Tilopa) và Đà kì ni Trí tuệ gặp nhau, trước bầu đoàn của tập hội Đà kì (*dakas*) và Đà kì ni, mỗi vị đều nghe thấy cặp âm thanh rền vang khác nhau như một tuyên bố tự nhiên và gây nổi kính sợ từ trên không trung, tiếng gầm vang của Pháp giới (*dharmadhtu*). Tilopa nghe thấy:

“Đây là Mẹ tối cao của tất cả chư Phật,

Đấng Chiến thắng và Thành tựu Siêu việt.⁵”

Cùng lúc, các Đà kì ni lại nghe:

“Đây là Cha của tất cả chư Phật, Cakrasamvara.”

Ngay lúc đó qua nguồn ít phát lộ này, các Đà kì ni nhận biết rằng đây là đạo sư của họ - Cakrasamvara một hiện thân tâm giác ngộ trong hình tướng của Tilopa, Đà kì ni cất tiếng hát với những lời dưới đây, với hai mục đích: gia tăng sự chứng ngộ và kinh nghiệm của ngài, và củng cố không chỉ sự tự tin Kim cương của ngài, mà còn của các học trò dòng truyền thừa trong tương lai - nhằm giúp họ chú ý của vào ý nghĩa chân thật, hơn là các thuật ngữ bên ngoài của chúng.

“Người mù nhìn nhưng không thấy hình tướng.

TILOPA

Kẻ điếc lắng nghe nhưng không nghe thấy âm thanh.

Người câm nói nhưng không ý nghĩa nào được hiểu.”

Mặc dù, thông thường những lời trên dễ làm ta chán nản, ngụ ý rằng ta không có khả năng để hiểu được chúng, ngược lại Tilopa rất vui khi nghe như vậy, và ngài nhận thức được ý nghĩa sâu xa của chúng ngay lập tức. Điều đó khiến ngài xúc động mạnh và kích thích ‘sự tự hào kim cương’ (*vajra pride*) của ngài, sự tin tưởng không thể suy xuyển của ngài đã sinh ra chứng ngộ thật sự. ‘Sự tự hào Kim cương’ là thuật ngữ dễ gây hiểu lầm và thường bị lạm dụng. Nó bị lầm lẫn gán cho cảm giác như ‘tôi tốt hơn, tôi biết tốt hơn, tôi biết mọi điều’ – một loại cảm giác không sợ trên cơ sở của sức mạnh tin chắc. Cảm giác đó chỉ là niềm tự hào bình thường của các tư tưởng thâm căn cố đế bắt nguồn từ sự mê lầm. Ngược lại sự tự hào Kim cương (ta có lẽ gọi là sự tin tưởng) là kết quả tự nhiên, không ảo tưởng của sự trưởng thành tâm linh.

Để làm sáng tỏ hơn một chút, có thể lấy một ví dụ không chỉ liên quan đến Kim Cương Thừa⁶, nhưng cho thấy khá rõ những hoàn cảnh khởi lên niềm tin tưởng đích thực. Do mục đích phân tích, ta có thể chia hành trình đi tới giác ngộ thành năm thời kỳ. Theo cách gọi truyền thống là các thời kỳ Tích tập (công đức), Áp dụng

(hay Nói kết), Quán chiếu, Trưởng dưỡng (hay thiền định), và Không thiền định. Thời kì thứ hai Áp dụng có bốn giai đoạn, trong đó giai đoạn ba gọi là ‘kiên nhẫn chịu đựng (forbearance)’ : một loại ngưỡng cửa giữa luân hồi⁷ và niết bàn, sau đó sẽ không bị tái sinh vào những cõi giới đau khổ⁸ nữa. Giai đoạn này gọi là Kiên nhẫn vì đòi hỏi ta phải đối mặt với sự trống rỗng (tính Không) và những thứ gắn liền với nó. Có rất nhiều trải nghiệm diễn ra trong quá trình nhập định, và ta có thể “nắm giữ chúng”. Làm chủ được giai đoạn này giúp ta kiểm soát được thứ gọi là ‘nhập định hiển lộ toàn bộ’, điều này đưa tới sự tin tưởng tự nhiên và lành mạnh trong phạm vi đó. Một sự xác quyết sinh ra bởi tất cả kiến thức và kinh nghiệm mà ta tập hợp được.

Tilopa đáp lại sự thách thức của Đà kì ni:

“Không có gì để nhìn! Đôi mắt của kẻ mù.

Không có gì để lắng nghe! Đôi tai của kẻ điếc.

Không có gì nói ra! Lời nói của người câm.”

Bình giải:

Khi ta vượt ra khỏi nhận thức của thế giới tương đối về mọi hiện tượng, và khám phá cách thức chúng thật sự là gì, ta sẽ phát hiện rằng trong số mọi hiện tượng ta trải nghiệm, không thứ gì (no thing)⁹ là tồn tại hoàn toàn

TILOPA

độc lập ngay từ tướng hiện đầu tiên. Thay vào đó ta phát hiện ra các phân cực tinh thần giả tạo về chủ thể và đối tượng tạo tác ấn tượng bởi tâm kinh nghiệm vài thứ hoàn toàn tách rời với chính nó, và điều đang kinh nghiệm như là một phần của đối tượng. Tâm bị nhảm lẫn trong sự phân chia vào hai thế giới của chủ thể và đối tượng, cả hai bị ảnh hưởng nặng nề bởi các điều kiện (nguyên nhân) và mê lầm.

Chân lý tuyệt đối của các đối tượng hiển nhiên đó, trong thực tế không có gì để nhìn. Đối với thị kiến toàn giác thấy mọi thứ thật sự thoát khỏi nhảm lẫn chủ thể - đối tượng và giống như bài kệ của Tilopa, như cái nhìn của người mù, không có người thấy và cái được thấy.

Bản chất của âm thanh cũng tương tự và tương sinh như thế, vì âm thanh không thể tồn tại như âm thanh khi chúng không được nghe. Ý tưởng âm thanh chỉ có ý nghĩa khi có một người nghe. Không có thứ độc lập để nghe được. Việc nghe với trí tuệ tự nhiên nhận biết âm thanh không có thực thể của chính nó, do đó giống như người điếc nghe - không có một phân biệt định tính giữa một người nghe đang lắng nghe và một âm thanh được nghe.

Về bản chất thật sự của mọi thứ và mọi chúng sinh đã bộc lộ trong Kinh Trí tuệ Bát nhã:

“... sự toàn hảo siêu việt của tánh giác cao quý này là không thể mô tả, không thể suy ngẫm và không thể bộc lộ...”

Đó không phải là một thực thể có thể miêu tả, không có gì để nói. Bởi vì sự tuyệt đối vượt ra ngoài bất kỳ sự phân biệt của vài “điều” có thể bộc lộ và cách biểu lộ phù hợp đối với nó (như siêu vượt nhận thức và người nhận thức), đặc tính tinh thần của nó giống như lời nói của người câm.

Kết thúc bình giải.

Mặc dù những lời trao đổi giữa Tilopa và Đà ki ni Trí tuệ là ít ỏi và đơn giản, nhưng ý nghĩa của chúng có ảnh hưởng sâu rộng. Cách thức trêu đùa ‘chua và ngọt’ này gọi là “lối nói riêng biệt” hay “lối nói ẩn mật”, một cách thức tiết lộ trêu tượng sử dụng lời ám chỉ, nói nhẹ và châm biếm đặc thù để chỉ ra sự khác nhau cốt lõi giữa hai quan điểm triết học và kinh nghiệm. Nó thường được sử dụng trong cách thức đánh lừa nhẹ nhàng. Bởi vì sự đáp lại của Tilopa đã phát lộ sự hiểu biết sung mãn về chân lý tuyệt đối, Đà ki ni Trí tuệ đã ngợi ca ngài:

“Tuyệt diệu! Bây giờ con trai quý giá, người kế thừa trí tuệ,

Hãy đi vào mạn đà la của chúng ta.”

TILOPA

Đây là giai đoạn đầu tiên Tilopa gặp Đà kì ni Trí tuệ, trong quãng thời gian ngài được bà cho phép thọ nhận những giáo lý của bà.

Bốn giáo lý “Viên Ngọc Nguyên Ước”

Giáo lý đầu tiên ngài nhận từ Đà kì ni Trí tuệ diễn ra chỉ thông qua các biểu tượng, không hề có một lời trao đổi. Bà cho ngài thấy một bức vẽ có một chủng tự, một vật tượng trưng, và một viên ngọc. Trong một khoảnh khắc Tilopa đã hiểu ý nghĩa của chúng. Bức vẽ đại diện cho hình tướng tinh khiết, chủng tự tượng trưng cho khẩu hoàn hảo, vật tượng trưng là tâm giác ngộ, và viên ngọc đại diện cho các phẩm tính Phật đà. Bốn điều này còn biểu trưng cho bốn thân (kayas. ‘Các hiện thân của giác ngộ’), đó là *hóa thân (nirmanakaya)*, *báo thân (sambhogakaya)*, *pháp thân (dharmakaya)*, và *sắc thân (svabhavikakaya)*¹⁰.

Chỉ qua vài khắc ngắn ngủi khi nhìn thấy các biểu tượng, Tilopa không những hiểu chúng, mà ngài còn được thọ nhận ngay lập tức “sự trao truyền im lặng” và dòng truyền thừa của Đà kì ni Trí tuệ cũng như hiểu thấu chính xác những giáo lý bên trong mà ngài cần đạt được. Đây là ba giáo lý Kim Cương Thừa “Viên Ngọc Nguyên Ước” của thân, khẩu, và tâm, tất cả hợp lại thành “Viên Ngọc Thứ Tư”. Chúng được gọi là “Những Viên Ngọc

Nguyễn Ước” bởi vì như tên gọi, chúng rất hiếm và đặc biệt, là sự chỉ dẫn và gia hộ độc nhất của dòng truyền thừa nắm giữ bởi các Đà kì ni Gandola. Hơn nữa, một Viên Ngọc Nguyễn Ước có tác dụng tức thì, cung cấp điều ta muốn khi ta nghĩ về nó. Tilopa đã nhận trọn vẹn sự trao truyền các giáo lý qua sự thấy những biểu tượng của Đà kì ni Trí tuệ. Đây cũng là hoàn thành hướng dẫn tiên tri của Đà kì ni già, ngài đi tới đó để thọ nhận giáo lý bất thành văn quý giá. Ngài còn chính thức thỉnh cầu của từng hướng dẫn (bốn giáo lý trên), ngài nói:

“Hình tướng tuy trống không là siêu phàm, khác biệt, kho tàng quý giá của thân thanh tịnh,

Từ nó tôi thỉnh cầu Viên Ngọc Nguyễn Ước Chung.

Không thể miêu tả là siêu phàm, khác biệt, kho tàng quý giá của khẩu hoàn hảo.

Từ nó tôi thỉnh cầu Viên Ngọc Nguyễn Ước của samaya (sự cam kết).

Thoát khỏi mọi quan niệm là siêu phàm, khác biệt, kho tàng tâm cao quý.

TILOPA

*Từ nó tôi thỉnh cầu Viên Ngọc Nguyên Ước của
chân tâm^f.”*

Bình giải:

Điểm đầu tiên của những hướng dẫn này giải thích về khía cạnh Hóa thân (*nirmanakaya*) của giác ngộ, liên quan đến hình tướng và sự trống không cố hữu của nó.

Điểm chỉ dẫn thứ hai giải thích khía cạnh ‘kinh nghiệm hoàn hảo’ (*sambhogakaya*), liên quan tới samaya, một chủ đề vô cùng rộng lớn và sâu sắc, có thể tạm dịch như ‘Sự Cam kết đạt giác ngộ’ hoặc đơn giản hơn chỉ là “cam kết”. Samaya đóng một vai trò sống còn trong thực hành Kim Cương Thừa, bởi vì nó thiết lập những điều kiện mà qua đó ‘Chân như’ bản tính tâm có thể được chứng ngộ.

Điểm chỉ dẫn thứ ba giải thích khía cạnh “Pháp thân” (*dharmakaya*) của giác ngộ liên quan đến đặc điểm của tâm, và đặc biệt liên quan tới giáo lý Đại Thủ Ấn về không thiên định (*non mediation*).

Kết thúc bình giải.

Đà kì ni Trí tuệ đáp lại bằng ba đoạn kệ. Ý nghĩa bên ngoài của chúng nhấn mạnh sự trống lẹ của “Viên Ngọc

^f Chân tâm, bản tính tâm, hay bản tâm mang ý nghĩa như nhau trong bản dịch Việt ngữ.

Nguyện Ước” thông qua phô bày những phẩm tính đặc biệt cần có để đạt được chúng. Tâm thông suốt của Tilopa lập tức biết ý nghĩa bên trong của các đoạn kệ này, hiểu thấu chúng trong những giáo lý đó. Bà nói:

“Đối với Viên Ngọc Nguyện Ước Chung

Ta cần chìa khóa của kinh nghiệm và hướng dẫn.

*Không có chỉ dẫn, nó có lẽ không bao giờ được
phơi bày.*

Đối với Viên Ngọc Nguyện Ước của Sự Cam kết

*Ta cần chìa khóa uyên thâm của việc nắm vững
trao truyền,*

*Không có những pháp đối trị, nó có lẽ không bao
giờ được phát lộ.*

Đối với Viên Ngọc Nguyện Ước của Chân tâm

Ta cần chìa khóa của tánh giác cao quý sâu xa.

Không có chứng ngộ, nó có thể không bao giờ bộc lộ.

၅၇၁။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၇၂။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၇၃။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၇၄။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၇၅။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၇၆။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၇၇။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၇၈။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၇၉။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ
 ၅၈၀။ ခေါ်ဝေါ်ဝေခေါ်ဝေ

Bình giải:

Viên Ngọc Nguyên Ước Chung

Để đạt được viên ngọc đầu tiên trong ba kho tàng quý giá của nội quán ta cần có hai chìa khóa:

1. Sự hướng dẫn có tầm nhìn xa trông rộng (Tạng ngữ: lung.bstan” (viễn kiến), do các đạo sư, hộ pháp, hay bốn tôn¹¹ ban cho ta.
2. Kinh nghiệm thiền định vững chắc¹², đồng hóa tốt. Sự thuần thục này đến từ việc tu tập quán tưởng thích hợp và các kĩ thuật thiền định dẫn vào bên trong hơn là bên ngoài, sự chứng ngộ.

Hai điểm này liên quan mật thiết với nhau hơn là thoát nhìn ban đầu, bởi lẽ khi kinh nghiệm thiền định vững mạnh đạt tới điểm nhất định, thì chính nó tự nhiên đem lại một vài hình thức hướng dẫn, dựa trên cơ sở kiến thức tương lai. Lời khuyên có tính chất cảm ứng này chỉ diễn ra đúng thời điểm, cho phép lĩnh hội được một vài hiểu biết sâu sắc hơn hay là cần thiết. Không có sự hướng dẫn viễn kiến như vậy, điểm này và các giáo lý tương tự có thể không bao giờ được phát lộ, bởi lẽ bản tính của chúng quá vi tế đối với một tâm trí chưa được hướng dẫn có thể nắm bắt được.

Viên Ngọc Nguyện Ước của Sự cam kết

Để đạt được kho báu thứ hai – Viên ngọc Thành tựu Nguyện ước Samaya – ta cần có những chìa khóa thanh tịnh và đặc biệt chỉ đạt được thông qua dòng truyền thừa không gián đoạn của sự làm chủ trao truyền. Những chìa khóa này là các kỹ năng khác nhau, không có chúng, ta không thể làm chủ các kỹ năng được gọi chung là các pháp đối trị. Đó là những pháp được chứng thực hữu ích đối với những vấn đề có khả năng xảy ra trên con đường tâm linh, riêng chúng có khả năng và sức mạnh đối trị hiệu quả với những khó khăn tạo ra bởi tâm trí cứng nhắc, các định kiến, tính không thích nghi, thiếu tin tưởng (hay là lạc lối), vân vân. Để gìn giữ thích hợp các Cam kết ta cần có một tâm thức trưởng thành tràn đầy tin tưởng thanh tịnh và mạnh mẽ. Trưởng thành và tin tưởng là những phẩm chất bền vững cần nổi trội một cách tự nhiên, bởi ta kế thừa từng bước trao truyền các kỹ năng tu tập từ đạo sư của mình. Không có tính phổ quát và khả năng làm việc mà sự thừa hưởng này mang lại, ta hoặc là quá non nớt để thọ nhận chỉ dẫn về sự Cam kết, hoặc là không đủ kỹ năng để gìn giữ nó. Như vị Đà kì ni nói, “nó sẽ không được phát lộ”. Mặc dù kho báu thứ hai này vẫn tồn tại trong trạng thái nguyên vẹn, ta chỉ được tiếp cận tới chúng thông qua

giáo huấn chuyên biệt đã trao truyền từ thời Đức Phật qua những dòng truyền thanh tịnh.

Sự tin tưởng mạnh mẽ thuần khiết (có các khía cạnh bên ngoài, bên trong và tối thượng) được tăng cường dần dần. Lúc ban đầu, năng lực đối trị của nó có lẽ dao động một chút, giống như sự thành công đầu tiên khi ai đó phá bỏ thói quen xấu như hút thuốc lá. Người đó kiểm soát để giữ quyết định bỏ thuốc lá nhưng vẫn cảm thấy căng thẳng và không thoải mái với việc này. Khi thời gian trôi qua, anh ấy hay chị ấy trở nên thoải mái hơn và chắc chắn về điều mình đang làm với sự xác quyết không lay chuyển.

Có một câu chuyện khá khôi hài và lạ lùng minh họa cho sức mạnh của lòng tin tưởng. Chuyện rằng ngày xưa có vị vua giữ một con linh trưởng đầy sức mạnh như một loại vệ sĩ vì kỹ năng sử dụng kiếm như một samurai của nó. Một đêm nọ, linh trưởng đang gác cho nhà vua đang ngủ rất say, một con ruồi đậu trên mũi vua, linh trưởng rất sùng kính nhà vua nhưng lại ngu ngốc nên lia mũi kiếm nhanh và điều luyện nhằm giết con ruồi. Rất may cho nhà vua, đúng lúc đó có một đầy tớ đang đi tuần trong cung, nhìn thấy thế lập tức nhảy vào bảo vệ vua. Không hề do dự một khắc, mặc cho hình dạng kinh khủng của linh trưởng, anh ấy đã cứu mạng nhà

TILOPA

vua. Dù câu chuyện này không phải là một ví dụ hoàn hảo, nhưng cho thấy vài ý nghĩa khi tính do dự tiêu tan giúp lòng tin tưởng khởi lên từ sự cam kết.

Viên Ngọc Nguyện Ước của Chân Tâm

Kho báu thứ ba là Viên ngọc Hoàn thành Ước nguyện của Chân tâm (the wish-fulfilling germ of true nature). Nó chứa các giáo lý chỉ ra Bản tính tâm. Những kinh nghiệm tạo ra thế giới tinh thần của chúng ta có tính xác thực (Tạng ngữ: *sNang.lug*) và bản tính thật sự (Tạng ngữ: *gNang.lug*). Điều chúng dường như là và điều chúng thật sự là. Những chi tiết bề ngoài có khuynh hướng che đậy phẩm tính kinh nghiệm bên trong của chính chúng, giống như cảnh rượt đuổi trong một phim hành động khiến ta quên rằng đó chỉ là một bộ phim.

Để đạt được kho báu thứ ba, trong trường hợp này, ta cần chìa khóa của giác tánh (jnana. Bản chất - giác tánh) là hình thức vi tế nhất của trí tuệ (Prajna) (giác tánh - phân biệt: discerning - awareness). Không có chứng ngộ mà trí tuệ mang lại, ta không thể thâm nhập xuyên qua các lớp che phủ của thực tại hiển nhiên, và do vậy ta thiếu đi sự vi tế và nội quán cần thiết để nhận thấy chân thực điều mà giáo lý “Chân tâm” đang chỉ ra. Chúng không thể được phát lộ.

Trí tuệ (prajna) cần được trưởng dưỡng từ khi mới khởi đầu, là hiểu biết rằng thức tỉnh tâm là điều đang diễn ra thật sự. Quá trình tỉnh thức được gọi một cách ẩn dụ là “con đường”, và chỉ đi theo con đường đó cho đến khi kết quả bộc lộ. Trong hành trình đó, khởi đầu ta học hỏi để phân biệt những đặc điểm kinh nghiệm khác nhau. Sau cùng đưa đến sự chứng ngộ về bản chất bên trong của chúng, khám phá được chúng luôn luôn là một và như nhau. Đó là khi trí tuệ trở thành giác tánh (jnana). Tánh giác – phân biệt trở thành bản chất – giác tánh.

Đi vào trong “bản chất - giác tánh” được gọi là ‘chứng ngộ’. Theo ý nghĩa từ nguyên là vài thứ được làm thật sự, hiển nhiên, trong trường hợp này là Chân tâm. Hơn nữa, ‘Chân tâm’ đó không gì khác hơn là chứng ngộ chính nó, bởi nó là trí tuệ được trực nhận bằng trí tuệ trong quá trình hoàn hảo của chính nó.

Kết thúc bình giải.

Để kết luận, ba đoạn kệ đó bộc lộ ý nghĩa bên ngoài: ta cần đạt được sự hướng dẫn đúng đắn về sau, áp dụng các đối trị chính xác, phát triển tâm thuần thực và đạt tới vài sự chứng ngộ đích thực vì do tánh giác của chân tâm. Nếu không, ta không thể đạt được ba Viên Ngọc Nguyện Ước này.

TILOPA

Liên quan đến các vai trò của ba thân Phật, ý nghĩa bên trong của ba đoạn kệ ít rõ ràng. “Ba hiện thân của giác ngộ viên mãn” là ba cách thức chủ yếu mà trong đó sự giác ngộ có thể được kinh nghiệm. Những vai trò liên quan của ba khía cạnh này như sau:

1. Tầm hoạt động quan trọng của “khía cạnh hóa thân” dành cho hướng dẫn tương lai, đôi khi trong hình thức tiên tri, để dẫn dắt các cá nhân qua những giai đoạn tiến triển của kinh nghiệm. Chúng ta có thể nhận thấy ở trên, đây là hai chìa khóa đạt tới Viên Ngọc Nguyên Ước Chung, liên quan chủ yếu đến các khía cạnh vật lý.
2. Trong số những hoạt động của khía cạnh “kinh nghiệm hoàn hảo” (hay Báo thân. ND) nhằm ban chỉ dẫn cùng với làm chủ sự trao truyền. Báo thân hoàn toàn mang ý nghĩa huyền ảo truyền đạt các pháp đối trị tinh tế và siêu phàm, là chìa khóa đạt Viên Ngọc Nguyên Ước của sự Cam kết (samaya) liên quan chủ yếu tới khẩu.
3. Bản tính của khía cạnh “pháp thân” là sự chứng ngộ siêu việt và giác tánh sâu xa. Chúng tạo thành chìa khóa đạt tới Viên Ngọc Nguyên Ước của Chân tâm liên quan chủ yếu tới phạm vi tinh thần.

Trở lại với ý nghĩa bên ngoài, chúng ta có thể thấy rằng đó là một thách thức trực tiếp đối với Tilopa, ngụ ý: “... nếu ông không sở hữu các chìa khóa này thì chúng tôi sẽ không ban cho các giáo lý ông thỉnh cầu...” Tilopa đã đáp lại với tất cả sự oai nghiêm của những phẩm tính trong tu tập, được phát triển dưới sự hướng dẫn của những đạo sư Đại Thành Tựu giả của ngài. Ba câu kệ đầu tiên đáp lại của ngài liên quan tính toàn thể:

“Những từ ngữ đặc biệt của các giáo lý Đà kì ni phát lộ tâm,

Ngọn đèn giác tánh tinh túy xua tan bóng đêm vô minh,

Tự nhận biết chính nó, diễn ra bởi chính nó và soi sáng trong chính nó;

Cốt lõi sự hướng dẫn tiên tri này và kinh nghiệm, tôi đã có được.”

Bình giải:

Những giáo lý Đà kì ni phát lộ chân tâm được diễn đạt trong lời nói ẩn mật của họ. ‘Ẩn mật’ với ý nghĩa tự ẩn mật, khác biệt một cách tự nhiên, vì nó chỉ có ý nghĩa với những ai chứng ngộ đầy đủ để hiểu thấu chúng. Các thuật ngữ đặc biệt của họ (Đà kì ni) phát lộ giác tánh, ngọn đèn sáng chói bản chất - giác tánh tự động xua tan

TILOPA

bóng đêm vô minh. Bản chất - Giác tánh hoàn toàn siêu vượt tính nhị nguyên. Tự nhận biết chính nó đồng thời với bất cứ thứ gì – đó là trực ngộ. Toàn bộ diễn ra bởi chính nó, là một hiển lộ ngẫu nhiên mà không bao giờ bị tác động bởi nhân – quả. Trong sáng tự nhiên và do vậy trí tuệ sắc sảo, nó sáng soi trong chính nó. Đây là chìa khóa của sự hướng dẫn tiên tri và kinh nghiệm mà ngài đã sở hữu.

၇ အစွမ်းအားရှိသူများ

အားလုံးအားဖြင့်

အားလုံးအားဖြင့်

အားလုံးအားဖြင့်

အားလုံးအားဖြင့်

TILOPA

Kết thúc bình giải.

Sự đáp lại lần thứ hai của ngài liên quan đến chìa khóa thứ hai là khẩu, ngài nói:

*“Không có bất kì sự sản sinh nào,
Tâm chính nó là Pháp thân tự giải thoát
Trong đó khởi lên Đại Thủ Ấn tự giải thoát,
Chìa khóa này của sự Cam kết tự giải thoát, tôi đã
có được.”*

Bình giải:

Bản tâm không phải là một sản phẩm. Không có quá trình nhân – quả sản sinh ra nó. Do vậy bản tâm (hay chân tâm) không cần giải thoát. Không cần quá trình xóa bỏ hay sửa đổi, không có gì cần được giải thoát và không cần một người giải phóng khỏi nhân quả. Đặc tính tự giải thoát của tâm là Pháp thân. Nó thực sự là như thế, bởi lẽ nó chính xác như cách nó là, sáng chói tự nhiên và bộc lộ sự tự do của chính nó. Lời khuyên Đại Thủ Ấn cho thấy tính tự giải thoát luôn hiện hữu trong ta, xảy ra với những người trực nhận về đặc tính vốn có này của bản tâm.

Từ trước cho đến lúc đó, Tilopa đã thọ nhận, tu tập, và gìn giữ các hình thức hoàn toàn thanh tịnh khác nhau

của samaya mà phát lộ từng mức độ cho ngài trong quá trình tu tập Kim Cương Thừa. Ngài luôn giữ sự Cam kết rất thanh tịnh, liên tục và đã chứng ngộ hoàn toàn về Chân như¹³ – Pháp thân. Giác tánh này trong chính nó là hình thái cao nhất của sự Cam kết, giải thoát tự nhiên, hơn là hướng tới một vài sự tự do. Bởi vậy được gọi là “sự cam kết tự giải thoát”.

Toàn bộ lý do trì giữ các cam kết Kim Cương Thừa vì Chân như luôn hiện hữu trong mọi người, do đó việc giữ samaya là cần thiết, điều này cuối cùng sẽ kích thích tánh giác của họ về Chân như, cho phép trực nhận tâm như nó thật sự là. Thành quả gìn giữ sự Cam kết chắc chắn diễn ra và không thể sai lầm, ngay cả nó có thể bị trì hoãn một thời gian rất dài bởi ai đó đi lạc hướng. Thí dụ, ai đó giữ samaya một thời gian nhưng phạm phải một ác hạnh kinh khủng, như là một trong số năm ác hạnh tồi tệ nhất gây ra sự đột tử của họ. Ngay cả trong trường hợp đó, mặc dù phải tái sinh nhiều lần trong các cõi thấp do lỗi lầm của mình, nhưng cuối cùng do sức mạnh tiềm tàng của người đó ở tiền kiếp đã từng tu tập Kim Cương Thừa và giữ samaya sẽ được đánh thức. Sau này thiện hạnh đó sẽ đem lại những hoàn cảnh thuận duyên dẫn họ đến giác ngộ.

TILOPA

Không có cách thức nào khác hơn đạt tới Chân như thông qua Chân như, đó là lý do chúng ngộ Chân như, Pháp thân trong tự thân là toàn bộ cam kết cao nhất, tự giải thoát, hơn là giải thoát cuối cùng. Tilopa đã sở hữu bí quyết của sự cam kết tự giải thoát.

༥༠། བཤམ་ཡན་སྒྱུ་མཐོན་པ་ཡི།

མེམ་པ་ཉིད་རྩད་གྲོལ་ལྟོ་མ་སྒྱུ་ལ།

རྩད་གྲོལ་ལྟུག་ཀྱི་ཆེན་པོ་ལ།

ན་མ་རྩིས་རྩད་གྲོལ་ལྟོ་མི་གཤམ་ཡོད།



TILOPA

Kết thúc bình giải.

Điểm cốt lõi thứ ba liên quan đến tâm, Tilpa nói:

*“Bằng cách không tạo tác bất kì đối tượng tâm trí nào
Và không gây ra một chút hồi tưởng,
Chân tâm, bản tính của mọi thứ được nhận ra
Như là Pháp thân: tôi đã sở hữu cốt lõi này của
Sự giác ngộ.”*

Bình giải:

Tilopa còn sở hữu chìa khóa thứ ba, sự chứng ngộ - nội quán trong một Pháp thân không phân biệt, tâm như nó thật sự là, bản chất của mọi thứ. Ngài đã đạt được thị kiến sâu xa của mọi sự vật qua phương pháp phát triển kỹ năng không suy đoán, cũng không tạo tâm quan niệm chấp trước, và ngay cả không có một chút hồi tưởng.

TILOPA

Kết thúc bình giải.

Với ba sự xác nhận này Tilopa đã thu phục toàn bộ sự ủng hộ của Đà kì ni Trí tuệ và đoàn tùy tùng của bà. Họ chia sẻ với ngài tất cả chỉ dẫn, quán tưởng, chấp thuận và sự giải thích họ sở hữu, và mọi hướng dẫn sâu xa của dòng truyền thừa trao truyền, đặc biệt mật điển gốc của Cakrasamvara gồm 51 chương mà vẫn sử dụng cho đến ngày nay.

Sau này, khi Tilopa hoàn tất thọ nhận trọn vẹn tinh túy của những giáo lý đó, Đà kì ni Trí tuệ ban cho ngài lời khuyên trong ba câu kệ và một câu kệ hướng dẫn:

*“Nếu mong ước thành tựu thân hoàn hảo
cần nỗ lực trong các giai đoạn quán tưởng.
Nếu mong muốn đạt được khẩu tối thượng
nên trì tụng các mật chú cốt lõi.
Nếu mong ước đạt được tâm cao quý
cần nỗ lực tu tập Đại Thủ Ấn.*

*Bây giờ hãy đi tới chốn ẩn dật Cudamani,
Tại đó quan tâm đến Naro,
Ngài sẽ nuôi dưỡng nhiều đệ tử
Và mang lợi lạc cho nhiều chúng sinh.”*

Bình giải:

Thân hoàn hảo nhất là các sắc tướng hiện thân của giác ngộ, gọi là “Hóa thân” với mọi dấu hiệu đặc biệt của thành tựu vô song và được phú cho nhiều năng lực và khả năng của lòng vị tha. Để thành tựu thân tướng hoàn hảo như vậy, ta cần phát triển các giai đoạn thiền định quán tưởng¹⁴ đạt tới trạng thái ta trở thành đồng nhất với những hình tướng hóa thân được miêu tả.

Cũng như thế, nếu ta mong muốn đạt mọi thành tựu trong truyền đạt, khả năng tối thượng của khẩu thuộc Báo thân, trước hết ta cần chuyên tâm trì tụng mật chú. Mật chú là hình thái cao nhất của khẩu, đầy ắp sự gia hộ của dòng truyền thừa, và là tinh túy của Báo thân.

Chân tâm cao quý, bất biến và siêu phàm nhất là bản chất giác tánh (jnana) thuộc về Pháp thân. Nó không có sắc tướng, không cần nỗ lực, và khởi lên ngẫu nhiên những hình tướng vô khái niệm của thân, khẩu, và tâm. Để thành tựu tâm sáng tỏ như thế, ta phải nỗ lực tu tập Đại Thủ Ấn.

Tilopa đã thọ nhận rất nhiều hiểu biết từ ba câu kệ đầu tiên: đặc biệt lợi lạc cho những đệ tử tương lai trong dòng truyền của ngài, bởi vì mặc dù sự tu tập lý tưởng là kết hợp thân, khẩu, và phát triển tâm, nhưng đôi khi

TILOPA

các đệ tử muốn chuyên sâu vào một trong số các lĩnh vực đó trong một giai đoạn nhất định. Lời khuyên của Đà kì ni Trí tuệ bộc lộ điều cần làm trong các trường hợp như thế.

Đoạn kệ cuối phát lộ rằng Đại học giả Naropa¹⁵ sẽ là người kế thừa tâm linh của ngài, và những thành quả giáo pháp và hoạt động giác ngộ của Tilopa sẽ ảnh hưởng cực kỳ sâu rộng. Hiện nay chúng ta có thể nhận thấy lời tiên tri của bà đã trở thành sự thật như thế nào. Lợi lạc khởi nguồn từ cuộc đời Tilopa vẫn tiếp tục cho đến nay và sẽ tiếp tục trong tương lai, vượt hơn năm trăm năm và vượt qua sự xuất hiện của vua Sambala trên trái đất này¹⁶. Dòng truyền thừa Tilopa – là dòng Kagyu của chúng ta hiện nay – đã sản sinh rất nhiều đạo sư vĩ đại, vài người trong số đó là Đại Thành tựu giả, và chắc chắn sẽ sản sinh nhiều hơn nữa. Hoạt động của các ngài rất thanh tịnh và tràn ngập năng lượng mà ngày nay chúng ta vẫn được tận hưởng vận may tốt lành siêu phàm này - được tiếp cận tới những giáo lý mà chính Tilopa đã nhận và trao truyền lại. Những tiên tri đáng tin cậy khác nhau bảo đảm rằng dòng truyền thừa của chúng ta sẽ tiếp tục mang lại lợi ích to lớn tạm thời và tối thượng cho thế gian này.

Kết thúc bình giảng.

Sau khi ban cho các câu kệ trên, Đà kì ni tan thành ánh sáng và biến mất.

Chín Giáo lý của Đà kì ni Vô Sắc tướng

Tilopa đã có một cuộc hành trình kỳ diệu từ Gandola tới Cudamani¹⁷, trong chuyến đi này ngài nhận được Chín Giáo lý từ các Đà kì ni Vô sắc tướng. Ngài nghe những giáo lý này như điệu nhạc đẹp để tối thượng đang chuyển động, tiếng hát ngọt ngào như âm thanh tự nhiên, không nguồn gốc cất lên từ chân tâm.

“Đối với sự trưởng thành và giải thoát, hãy cắt đứt những nút thắt lộn xộn của tâm.

Đối với sự cam kết, hãy nhìn vào gương là chính tâm của bạn.

Đối với kinh mạch và năng lượng, hãy tạo sinh khí cho các mạch và trung tâm.

Đối với đại lạc, hãy canh giữ viên ngọc quý của khẩu.

Đối với trí tuệ, hãy nhìn với ánh sáng của bản chất - giác tánh.

Đối với sự giải thoát tự nhiên, hãy trông cậy vào Đại Thủ Ấn

TILOPA

Đối với chất liệu cao quý nhất, hãy tắm trong mặt trời chúng ngộ.

Đối với thực hành, hãy như lưỡi kiếm chém vào nước.

Đối với những khía cạnh tương tự, hãy chú ý sự phản chiếu của ngoại cảnh.”

ဆဲးကွဲလှပေသောဂြိုဟ်သုတေသန

သင်္ကေတပုံပြင်သောလေ့အံ့

ဆွေသွယ်သောလေ့အံ့

စာလိပ်စာပုံပြင်သောလေ့အံ့

ဂြိုဟ်ပုံပြင်သောလေ့အံ့

လေ့အံ့

သင်္ကေတပုံပြင်သောလေ့အံ့

ဆွေသွယ်သောလေ့အံ့

လေ့အံ့

TILOPA

Chín câu kệ này là giáo lý cô đọng vẫn tồn tại cho đến nay, bao trùm tất cả các pháp tu tập của Kim Cương Thừa. Những từ ngữ đơn giản của chúng giống như sự hướng dẫn vô giá cho các đệ tử chí thành, đặc biệt trong những thời đại khó khăn và rối ren. Khi ta trì tụng hay suy tưởng ý nghĩa của chúng có thể mang lại sự trợ giúp sáng tỏ lớn lao. Chúng soi sáng con đường chân chính để đi theo và tiêu trừ những nghi ngờ không dứt.

Bình giải:

1. Trưởng thành và Giải thoát

Phẩm tính bên trong của tâm trường cửu không bị tác động là hai sự thanh tịnh, biểu hiện ở đây là hai điểm chính – trưởng thành và giải thoát. Điểm đầu tiên là sự trong sáng tối thượng của nó, không bao giờ bị ô nhiễm bởi nhầm lẫn hay nghiệp (karma). Mỗi một và mọi phẩm tính giác ngộ luôn hiện hữu trong nó (tâm).

Điểm thứ hai, giải thoát ngụ ý sự chứng ngộ tâm trong sáng xảy ra khi ta tu tập đúng đắn làm tiêu tan những lầm lẫn và kích động tạm thời đang che phủ các phẩm tính vốn có của tâm. Bức màn che chướng tạm thời sự thanh tịnh là những tư tưởng, nhận thức - thói quen gây ra sự phân biệt người nhận thức và đối tượng nhận thức. Sự lệch lạc không cần thiết đó của tâm hoạt động

như các nút thắt lộn xộn cần được cắt đứt vì nó trói buộc giác tánh tự nhiên của ta.

2. Sự cam kết (Samaya)

Đối với tâm không bị che chướng, sự cam kết bất biến luôn hiện hữu. Không may là đặc tính này không rõ ràng đối với tâm mê lầm mà trải nghiệm đối tượng như các thực thể bên ngoài, và tin tưởng như vậy. Điều này dẫn đến một nhu cầu cho những cam kết giả tạo giữa chủ thể bên trong và khách thể bên ngoài. Để tiêu trừ tính ảo tưởng nhị nguyên này, ta cần học hỏi để nhận ra bản tâm ta như chiếc gương, chứa đựng cả hai: chủ thể và khách thể. Theo cách đó, ta sẽ hiểu thấu hình ảnh thật của tâm ta với phẩm tính samaya (cam kết), tự nhiên, không nỗ lực.

Chư bồ tát của mười địa⁹ thường xuyên quán chiếu trong sự trống rỗng. Các ngài tiến bộ bằng cách luôn luôn tinh lọc quá trình nhập định của mình, tuy vậy vẫn có chút ít vết cặn – hình thức rất vi tế của tính nhị nguyên. Họ trải nghiệm một cảm giác phân chia giữa tâm quan sát của họ và kinh nghiệm hiện tượng của nó. Vì vậy các ngài phải quán chiếu hai thứ này cho đến khi sự thật hiện lên trọn vẹn và tự nhiên.

⁹ Các địa (bhumi) Bồ tát: còn gọi là các giai đoạn chư bồ tát trải qua cho đến khi đạt giác ngộ, Theo truyền thống Kinh điển có mười địa, còn theo Kim Cướng Thừa là mười ba địa.

TILOPA

Diễn đạt theo cách khác, đơn giản hơn về điểm thứ hai (samaya) này trong chín giai đoạn, là ta nên quan sát tâm để có thể hiểu biết nó tốt hơn. Sau đó ta sẽ đạt được mức độ tốt nhất để thay đổi chính ta, đưa vào các thiện hạnh và loại trừ tất cả ác hạnh.

Các đạo sư Khadampas¹⁸ thỉnh thoảng giữ hai tụ đá cuội nhỏ trắng và đen bên cạnh khi thiền định. Bằng cách trở nên tỉnh giác các hoạt động tâm trí của mình, các ngài học để biết phân biệt những niệm tưởng thô sống động từ nền tảng yếu hơn. Trước tiên có thể là những suy nghĩ tin tưởng vào Phật, Pháp, Tăng, hay là các kiến thức nhất định rằng ta sẽ chết nhanh nếu bị đầu độc. Những niệm tưởng nền (còn gọi là “niệm tưởng kẻ cắp”) là dấu vết lớn vờn của các ngò vực tạo ra những ý tưởng thành các câu hỏi làm yếu đi sự tin chắc của ta như: “Tam Bảo có thật sự thanh tịnh không...?” hoặc “Có lẽ ta sẽ sống sót...” vân vân.

Bất cứ khi nào các ngài có một ý nghĩ tích cực khởi lên, họ cho viên đá cuội trắng vào tụ trắng, khi nào có một ý nghĩ tiêu cực họ cho một viên cuội đen vào tụ đen. Vào lúc bắt đầu, tụ đá đen thường to hơn, nhưng khi họ quen thuộc hơn với thói quen tâm trí của mình và có thể thay đổi chúng, tụ đá trắng trở thành áp đảo. Điểm chủ

yếu ở đây là quan sát trực diện tâm trí là bước khởi đầu hướng tới sự thay đổi thật sự.

Tóm lại bản phác thảo sự cam kết này, đầu tiên chúng ta cần học để làm thế nào nhìn vào tâm, tiếp theo rèn luyện chánh niệm và tỉnh giác, sau đó trở nên thiện xảo trong việc giữ gìn các thệ nguyện, giới luật, và sự Cam kết. Sau đó nhận biết về sự tin tưởng và chứng ngộ “cái thấy” này của bản tâm. Ta nhìn vào gương để thấy sự phản chiếu, và thậm chí sẽ là tốt hơn nhận thấy khuôn mặt thật của mình.

3. Khí (prana) và kinh mạch (nadi)

Khi thực hành các bài tập yoga ta đạt lợi ích to lớn, bởi các bài này được thiết lập đặc biệt để thuần phục khí (các dòng năng lượng) và kinh mạch của chúng. Hoạt động tinh vi của các mạch và luân xa (chakras) khác nhau hình thành bởi các luồng chảy năng lượng này, có thể gia tăng sự phát triển của ta và giúp đem lại chứng ngộ sâu sắc. Một thí dụ đơn giản là: khi thân ta thẳng, các kênh năng lượng sẽ thẳng, khởi lên luồng chảy của năng lượng thông suốt, điều này đến lượt nó cho phép sự chuyển động trực tiếp của năng lượng tập trung (giọt vi tế. bindu) giúp cho tâm trong sáng và ổn định.

TILOPA

Yoga dạy cho ta làm thế nào để sử dụng thân vi tế bên trong phù hợp với ngoại cảnh. Có rất nhiều loại bài tập yoga khác nhau, ví dụ trong “Sáu pháp Tu của Naropa”, ta học cách làm sạch khí tiêu cực và sửa chữa kinh mạch. Sáu pháp này chứa đựng các bài luyện tập dành cho khí và kinh mạch hoạt động: như ta biết cách cảm nhận mọi thứ thích hợp để luồng khí lưu chuyển trở thành tích cực hơn là tiêu cực.

4. Đại lạc (great bliss)

Viên ngọc quý giá của khẩu được coi là cốt lõi của khí và cái này đến lượt nó là giọt vi tế (bindu) của trí tuệ (jnana), như chúng ta nhận thấy nhiều lần, đặc tính chân thực của mọi hiện tượng là trí tuệ. Kinh mạch là cốt lõi của thân, bên trong chúng một kích hoạt giọt vi tế này để hoạt động như sự trợ giúp cho cả hai: bản chất - giác tánh và đại lạc liên đới của nó. Để miêu tả những giáo lý này thật không dễ dàng vì nó liên quan mật thiết với những điểm trên về khí và kinh mạch, (bất cứ điều gì đều đơn giản hơn điều này.)

Tu luyện đại lạc có nhiều khía cạnh, mỗi cái được phát triển qua những bài thực hành đặc biệt. Điểm chung của chúng là vận hành dựa trên mối liên hệ giữa bên trong và bên ngoài, giữa khí và giọt vi tế, giữa các yếu tố của tu tập hợp nhất (union), vân vân. Ta học hỏi để biết giữ gìn

các mối liên hệ đúng đắn (bồ đề tâm), và bảo vệ chúng ra sao trong nhiều cách thức khác nhau.

5. Trí Tuệ (intelligence)

Trong trường hợp này, trí tuệ (vidya) là tâm trí trong sáng/ minh mẫn. Do đó, chân tâm, bằng sự mở rộng bản chất của mọi hiện tượng trải nghiệm tinh thần là sự trống rang, nhưng không phải là sự trống rỗng theo ý nghĩa là một trạng thái mù mờ, chết chóc, không phải sự trống rỗng của hư không trợ trụ. Tâm trống rang vẫn có sự sáng tỏ thường hằng. Đó là sự trong suốt rõ ràng tràn ngập bởi trí tuệ vĩ đại nhất, trí tuệ siêu việt nhất, nhận biết chân tâm là trống rang tự nhiên của những trải nghiệm lâm lẩn và kích động trước khi đạt giác ngộ.

Sự hướng dẫn của các Đà kì ni là để nhìn vào trí tuệ sáng rõ. Làm thế nào? với trí tuệ sáng rõ, ngọn đèn của bản chất - giác tánh. Những giáo lý về sự trong sáng gồm có chỉ dẫn về ‘ánh sáng trong suốt’ (Tạng ngữ: od.gsal) và “chuyển di thần thức” (Tạng ngữ phowa) cho phép ý thức đi vào các cõi thanh tịnh lúc qua đời.

6. Sự Giải thoát Tự nhiên

Trong tu tập Đại Thủ Ấn, cách nhìn (view) và hiểu biết đóng vai trò quan trọng hơn phương pháp thiện xảo. Ở đây thuật ngữ ‘thiện xảo’ (*upaya*) nghĩa là tất cả các loại

TILOPA

tu tập thiện xảo, đặc biệt trong “Sáu Pháp Yoga”. Vì cách nhìn và hiểu biết là hai yếu tố quyết định cho đến khi đạt giác ngộ, ta cần phải tiếp nhận triết lý hoàn thiện nhất và rồi điều chỉnh nó phù hợp với bất kì hiểu biết thực hành nào đang thấm vào do thiền định.

Nếu tất cả đều diễn tiến tốt đẹp, thực hiện đầy đủ các chỉ dẫn tu tập Đại Thủ Ấn, chỉ ra tính nhất như (sameness) tinh thần của hiện tượng, điều này sẽ mang tới cuộc sống theo cách thức luôn hiện diện sâu sắc như những tuyên bố của triết lý Đại Thủ Ấn. Trông cậy vào sự kết hợp lý thuyết và tu tập cho phép mọi thứ mà trong những hoàn cảnh khác có lẽ bị xem như các chướng ngại tự tiêu trừ và trở thành sự giải thoát tự nhiên.

Một nút thắt trong cuộn dây thường cần người gỡ ra, ngược lại một con rắn xoắn lại thoát ra khỏi chính nó nhẹ nhàng và nhanh chóng. Hiện tại ta có lẽ đang bị giới hạn bởi tính nhị nguyên và mọi nút thắt do tính nhị nguyên tạo ra. Khi ta nhận ra sự nhị nguyên không phải là những thứ khác với chính ta, ta sẽ thấy tâm, giống như con rắn, có khả năng thoát khỏi chính nó, tất cả bởi chính nó. Làm thế nào có thể làm được như vậy, nó được chỉ dẫn rõ ràng trong các giáo lý Đại Thủ Ấn.

7. Chất liệu cao quý

Thuật ngữ Tạng ngữ “dam.rdzas”, phát âm “tam-dze” định nghĩa hoặc là “chất liệu cao quý và kì diệu trong nguồn gốc của nó” hay là “chất liệu của sự cam kết”. Theo cách dùng đại chúng, nó trở thành tên cho nhiều loại khác nhau như thuốc uống, các loại hạt, thuốc làm từ thảo mộc, và các thành phần đặc biệt do các bậc hiền thánh tạo ra và ban sự gia hộ. Nếu ta khám phá sâu bên trong những ý nghĩa này, chúng là một và giống nhau. Mặt khác sự khác biệt này rất nhỏ, một lý do thành chất liệu samaya vì nó chỉ có tác dụng thực sự cho những người giữ cam kết sâu sắc.

Trong trường hợp này chất cao quý nhất của mọi chất liệu – không mô phỏng và tinh chất không pha trộn mọi thứ- là sự chứng ngộ siêu việt cao nhất. Đó là vài thứ rất quan trọng. Giống như tắm nắng hầu như đốt nóng ta với mặt trời và ban cho ta nhiều loại vitamin. Do vậy tắm trong mặt trời chứng ngộ thu hút ta gần hơn tới điều đó và làm đầy lại những gì đang mất đi. Có một nhu cầu lớn cho nó (sự chứng ngộ).

8. Cách hành xử

Khi nước bị lưới kiếm chém vào, nó không biết hy vọng cũng không sợ hãi. Những gợn sóng tan nhanh chỉ

TILOPA

sau một vài phút thậm chí không để lại dấu vết nhỏ nhất của điều vừa trải qua. Đây là một thí dụ tuyệt vời cho cách hành xử của một yogin, trong thiền định hành giả yogin phải nhận ra bản tính ‘không sinh’ (unborn)¹⁹ của mọi sự vật/ mọi thứ mà anh ta trải nghiệm trong mọi pháp tu của mình. Các kinh nghiệm này không nên trở thành nguyên nhân của hy vọng hay sợ hãi; mong đợi hay lo lắng. Trong các hoạt động hàng ngày, các yogin đang tu tập phát triển Đại Thủ Ấn nên chuẩn bị cho bất cứ điều gì, nếu cần như vậy – như trở thành vị vua trong một khoảnh khắc rồi tiếp theo thành người nghèo nhất trên trái đất.

Các yogin đều có cha mẹ, họ hàng, người quen. Các yogin nên quan tâm những người thân theo mọi cách có thể, hơn là khó chịu chống lại họ hay xã hội mà họ thuộc về, nhưng yogin không nên có chút tham luyến và mong cầu nào. Khi những người thân qua đời như kết cục không tránh khỏi, vị yogin không nên khóc lóc do thương tiếc và mất đi sự liên hệ với thực tại. Thay vậy, anh ấy hoặc cô ấy nên làm bất kì điều gì mang lại lợi ích nhất cho tâm của người vừa mất, bất kì tâm ấy có thể ở đâu.

Một đạo sư Đại Thủ Ấn đích thực có thể đương đầu với bất kì điều gì xảy ra. Như đã lưu ý ở trên, ông ấy nên đương đầu một ngày là vị tử phú đáng kính và hôm sau

mất tất cả. Tuy nhiên, cho đến khi đạt được sức mạnh tự nhiên như thế, ta cần hành động phù hợp với việc đánh giá trung thực về vị trí của mình. Bằng mọi giá phải tránh những sắc thái của sự thành thạo giả bộ, và một điều rất quan trọng là các đệ tử nên nhận thức về tác động của các hoạt động hàng ngày của mình vào người khác. Sự tin tưởng vụng về, không quan tâm, có thể dẫn đến nhiều hiểu lầm không cần thiết đối với mọi phía. Điều này dễ dàng khởi lên sự lăng mạ cho chính bản thân ta, và Phật giáo với điều ta bị nhận diện, một danh tiếng xấu xa.

9. Sự Tương tự

Tất cả ngoại cảnh – vạn vật nhỏ và lớn phụ thuộc nhau tạo ra môi trường của chúng ta, và chia sẻ một điểm chung, trong thực chất không cái nào tự thân là tốt hay xấu; hay cần được điều chỉnh hoặc bị từ chối. Nếu có sự đánh giá mang tính đạo đức thì nên phán xét thái độ chủ quan của ta đối với những thứ đó, hơn là (phán xét) bản thân chúng, và cần xem xét việc sử dụng, hay đối xử tệ đối với những thứ ta gán cho chúng.

Thí dụ trong một khu vườn có ba người với ba bản tính khác nhau, một người bình thường, một người sầu muộn, và người còn lại hay ghen tị. Người bình thường tận hưởng khu vườn, vui thích những bông hoa mùa

TILOPA

xuân, tắm trong hồ bơi, v.v... Người sầu muộn nhận thấy mọi thứ thật khổ sở. Kẻ ghen tị trở nên khó chịu và nghĩ “tôi không có ao hoa lily (hoa súng) đẹp như thế này.”, vân vân. Cùng một khu vườn nhưng lại có ba cách nhìn chủ quan khác nhau.

Ý nghĩa của điều này bộc lộ trong đoạn thứ chín bài kệ của các Đà kì ni Vô Sắc tướng là như vậy. Khi ta đạt giác ngộ thực sự, đặc tính kinh nghiệm luân hồi (tự đau khổ liên tục) và niết bàn (siêu vượt đau khổ) là giống nhau. Thuật ngữ Tạng ngữ liên quan sự giống nhau này là - ro.snyom, nghĩa là ‘như hương vị’. Mỗi cái là bản chất của thứ khác. Cả hai cái đều có bản tính bất nhị. Không có gì để chấp nhận hay chối bỏ. Khi để ý tâm gương ngoại cảnh ta sẽ thấy trò chơi của sự phản chiếu Chân như bên trong và nên tu tập phù hợp.

Đối với chúng ta, kết quả của điểm trên liên quan tới mọi thứ như một phần của thiên định. Khởi đầu khá khó khăn: như rất khó cảm thấy sự tương tự trong trải nghiệm giữa bức tượng Đức Phật và một quả bom nguyên tử. Tuy vậy, có một số tiên tri thú vị nói rằng khi Đức vua Sambala đến hành tinh của chúng ta, tất cả vũ khí mất hết sức mạnh – ngay cả bom nguyên tử cũng trở thành đồ chơi vô hại.

Kết thúc bình giải

Trên đây là một giải thích ngắn gọn về một vài khía cạnh trong Chín giáo lý của Đà kì ni Vô sắc tướng. Tilopa đã thọ nhận đầy đủ sự trao truyền của họ, bao gồm rất nhiều thứ mà có lẽ liên quan những cách thức như sau:

1. Tất cả giáo lý liên quan đến các giai đoạn của Đại Thủ Ấn, 'một điểm' v.v...
2. Mọi hình thức Cam kết trong Kim Cương Thừa.
3. Các pháp tu về khí và kinh mạch.
4. Tất cả phương pháp của con đường phương tiện thiện xảo, bao gồm cả những thứ thuộc Kim Cương Thừa.
5. Quan niệm sâu xa và sáng tỏ.
6. Những giấc mơ Tự giải thoát và hình tướng huyền ảo.
7. Mọi ý nghĩa tương đối và thiết thực của sự chứng ngộ.
8. Sự Cam kết (samaya) của Kim Cương Thừa về vô quan niệm.

TILOPA

9. Tầm quan trọng của tất cả chúng sinh và những sự việc; làm thế nào liên hệ với những thứ này trong tu tập.

Những kết luận này thuộc phần hai về tiểu sử Tilopa, đạo sư của các yogin, thuật lại ngài đã nhận những hướng dẫn sâu xa từ các chủ Đà kì ni khác nhau, và làm hiển lộ sự chứng ngộ của ngài như thế nào.

PHẦN BA

TILOPA ĐÃ NHẬN SỰ TRAO TRUYỀN
TỪ ĐỨC PHẬT KIM CƯƠNG TRÌ NHƯ
THỂ NÀO.

TILOPA

“Sau đó, trong “Cõi Trời Cao nhất”,

Ngài nhận sự trao truyền cá nhân từ Đức Phật Kim Cương Trì,

như nắm sự chứng ngộ bên ngoài, bên trong, bí mật, ẩn mật nhất và Chân như.”

Bình giảng

Tilopa chưa bao giờ đi đâu để nhận những phát lộ này, vì cõi trời cao nhất (phạn ngữ: *akanishtha*, Tạng ngữ: *og.min*) đây không phải là nơi chốn cụ thể mà tương ứng với một trạng thái của tâm trong ngữ cảnh này. Còn gọi là *dharmadhatu*: “khoảng không vũ trụ bao la” (Pháp giới) không phải là nơi nào cụ thể vì nó là mọi nơi.

Cũng như vậy, Đức Kim Cương Trì (Vajradhara) không phải là ai đó cụ thể, như một số chúng sinh cúng dường ngài vài thứ, mà là một khía cạnh của tâm giác ngộ. Kim Cương Trì hiển lộ khác nhau như *Hóa thân*, *Báo thân* hay *Pháp thân* tùy thuộc vào mức độ phát triển kinh nghiệm của hành giả tu tập, nhưng là một khía cạnh của tất cả sự giác ngộ ở mọi nơi xuyên suốt thời gian và không gian. Khi Đức Phật Thích ca Mâu ni đạt giác ngộ, ngài trở thành như các vị Phật khác. Tilopa tình cờ đạt được kinh nghiệm tâm giác ngộ như Đức Phật Thích Ca

theo cách thức đặc biệt này mà chúng ta gọi là *Kim Cương Trì*.

Ba trong số năm sự trao truyền cá nhân Tilopa thọ nhận gồm: bên ngoài, bên trong và bí mật là vài thứ có thể mô tả, trong toàn bộ thời gian tu tập Kim Cương Thừa nhưng chỉ dẫn chính thức đã nhận cũng được mô tả đầy đủ. Hai cái khác gọi là “ẩn mật nhất” và “chân như” là vượt ra ngoài bất kì mô tả nào, ngoại trừ dấu hiệu gian khổ mà người đi trước có lẽ được trải nghiệm cho đến khoảnh khắc cuối cùng đạt giác ngộ.

TILOPA



Thuật ngữ mô tả cách thức Tilopa thọ nhận nội quán “trao truyền cá nhân” đôi khi được dịch như “khẩu truyền” (whispered transmission), Tạng ngữ là *nyan.brgyud* dịch nghĩa đen là “nhĩ truyền” (heard transmission). Tuy nhiên, điểm chính được mô tả là rất sâu xa trao truyền trong cách thức rất ẩn mật từ đạo sư tới đệ tử. Không viết ra hay giảng dạy giáo lý theo lối thông thường. Đây là sự soi sáng mật thiết diễn ra trên nền tảng chung của kinh nghiệm phát triển và cân bằng. Trong ngữ cảnh này nó là cách truyền cảm sự giác ngộ trực tiếp phát lộ năm khía cạnh cho Tilopa.

Kết thúc bình giảng.

Thông qua các trao truyền này, bản thân Tilopa thành tựu “trạng thái không thiên định” – Pháp thân, lĩnh vực của tâm giải thoát vào trong trạng thái thanh tịnh tuyệt đối của bản tâm bằng cách thoát khỏi hoàn toàn mọi cấu nhiễm tạm thời. Nói cách khác, ngài trở thành một vị Phật toàn hảo, biểu lộ khía cạnh đặc biệt được biết như Kim Cương Trì.

Tên gọi Kim Cương Trì nghĩa là “bậc trì giữ Chùy Kim cương” biểu thị sự bất biến, vì Chùy Kim cương (*vajra*) tượng trưng cho sự không thể phá hủy và không biến đổi. Theo nghĩa thông thường, *vajra* có nghĩa là kim cương được dùng để biểu lộ: sự bất biến, luôn thanh tịnh, điều

TILOPA

kiện của tâm tự nhiên. Bản tính bất biến phát lộ qua việc xóa bỏ mọi kích động và mê lầm đã từng ngăn che sự sáng rõ của bản tâm. Khi quá trình tịnh hóa đạt tới đỉnh, có vài điều thứ diễn tả như “sự gặp gỡ của Pháp thân, mẹ và con”, chúng nhận ra nhau và hòa vào nhau.

Tất cả thực hành chúng ta tu tập giống như đưa trẻ Pháp thân đang lớn dần. Chúng hoạt động trong thế giới của chủ quan (chủ thể) và đối tượng (khách thể), nơi mà ai đó phải làm vài thứ. Tuy nhiên, sự chứng ngộ đích thực là vượt ra khỏi những thứ đó, không có chủ thể và khách thể. Giống như người mẹ là lí do cho đứa con trai tồn tại và dấu ấn di truyền hướng về quá trình phát triển của nó. Khi sự phát triển đạt tới đỉnh, chủ thể và khách thể được thay thế bằng trạng thái giác ngộ đồng thời và ngẫu nhiên của Kim Cương Trì, nó diễn ra một cách tự nhiên. Mặc dù tất cả chúng ta, mỗi người trong chúng ta cuối cùng sẽ đạt kinh nghiệm như thế, đây là điều rất quan trọng, nhưng trong lúc này chúng ta cần tu tập chăm chỉ ở mức độ “đứa con”, thông qua thọ nhận các kiến thức và hướng dẫn từ trợ giáo, đạo sư, Đà kì ni, v.v...

Sự giác ngộ của Tilopa là một kết quả tự nhiên và không cần nỗ lực, ngài tiếp tục trợ giúp các học trò và đệ tử bằng cách xuất hiện trong thế giới cá nhân của họ, với mọi loại hiển lộ hóa thân. Một vài sự kiện sống động

diễn ra theo những tương tác này thường gọi phổ biến là “huyền diệu”. Đôi khi trong suốt giai đoạn này, để nhấn mạnh mối quan hệ của ngài với Đức Kim Cương Trì, Tilopa đã có một tuyên bố rất nổi tiếng:

“Ta, Tilopa không có đạo sư là người.

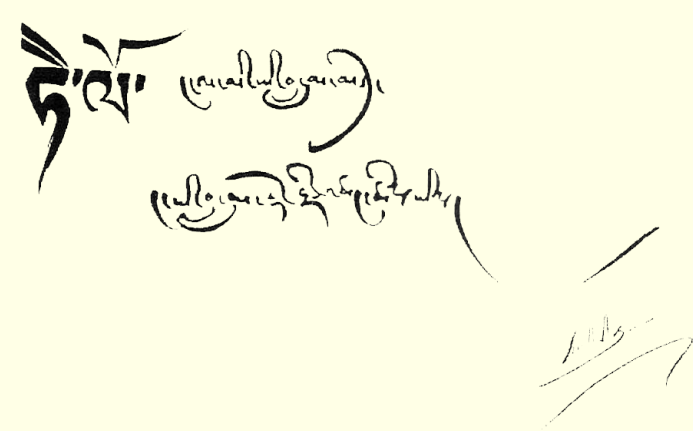
Đạo sư của ta là Đức Kim Cương Trì phi thường.”

Chúng ta nên cẩn thận để không diễn giải sai lệch tuyên bố của ngài, vì nó không phải tạo ra do tính kiêu ngạo hay sự vô ơn của ngài đối với nhiều đạo sư nổi tiếng, họ đã giúp đỡ Tilopa ở thời kỳ đầu trong cuộc đời ngài. Điều chắc chắn rằng ngài đánh giá cao tất cả những học giả, đại thành tựu giả, và các Đà kì ni đã trợ giúp ngài rất nhiều, và Tilopa luôn kính trọng họ.

Trong cuộc đời Tilopa vào thời kỳ này, như chúng ta thấy ngài đã đạt chứng ngộ hoàn hảo và làm chủ hoàn toàn sự nhập định như kim cương (vajra- like- samadhi)¹: ngài được truyền cảm hứng trọn vẹn bởi Đức Phật Kim Cương Trì và sở hữu sức mạnh xác quyết tuyệt đối – những trao truyền cá nhân phi thường. Tất nhiên sau này các đệ tử Ấn độ của ngài có lẽ sẽ tìm kiếm thông tin về các đạo sư của ngài và các truyền thống tu tập mà ngài đại diện. Tilopa trả lời rất tự nhiên như trên để gây ấn tượng cho các học trò về sức mạnh và tính chất tươi mới

TILOPA

của trực nhận chứng ngộ của ngài, và mối liên kết trực tiếp của ngài với giác ngộ.



Đây là những kết luận thuộc phần ba trong tiểu sử của Tilopa, đạo sư của các bậc yogin, thuật lại ngài đã nhận những trao truyền từ Đức Phật Kim Cương Trì như thế nào.

PHẦN BỐN

AN TRÚ TRONG TRẠNG THÁI
SIÊU PHẠM CỦA SỰ THÀNH TỰU
TUYỆT ĐỐI, TILOPA HƯỚNG DẪN
CÁC ĐỆ TỬ NHƯ THẾ NÀO

TILOPA

Giờ đây Tilopa trong trạng thái giác ngộ đồng thời là Kim Cương Trì đã trợ giúp vô số chúng sinh hướng tới giải thoát. Chúng ta có thể nhận thấy những giáo lý của Tilopa trong bảy câu chuyện đặc sắc dưới đây về những người được chuyển hóa thông qua sự gia hộ của ngài, chúng ta sẽ thấy các giáo huấn của Tilopa.

1. Những vị yogi
2. Một kẻ ngoại đạo
3. Nhà ảo thuật
4. Người bán bia
5. Một ca sĩ bậc thầy
6. Một người đồ tể
7. Người không tin luật nhân – quả

Bảy câu chuyện ngắn dưới đây miêu tả Tilopa sử dụng năng lực huyền diệu của mình để thuần phục họ.

1. Thuần phục các vị Yogin

Từ nguyên gốc yoga, yogi v.v nghĩa là “hợp nhất, kết hợp”. Những vị yogin kiệt xuất nhất, tâm của họ hợp nhất với ý nghĩa cao quý nhất (Chân như) – một sự hợp nhất đạt được qua tu tập Kim Cương Thừa. Vào thời đại của Tilopa đã có vài người đạt tới mức độ đó, nhưng cũng có nhiều yogin bậc thấp thực hiện nhiều loại luyện tập khác nhau về thể chất và tinh thần. Một số người đã

đạt được những năng lực đặc biệt hoặc các kỹ năng chuyên biệt trong thiền định.

Ví dụ, có một câu chuyện về vị yogin, một hôm đang ngồi trên không cách điện thờ ba mét nhận thấy nếu ông ta duỗi cánh tay thì ngón tay của ông có thể chạm tới điện thờ. Ông ấy đã thử và thành công. Tuy vậy sau vài ngày khả năng đó bị mất đi. Năng lực thiền định và các hoàn cảnh hữu hình nổi trội chỉ tạm thời đủ mạnh mẽ để sinh ra hiệu quả đặc biệt đó.

Một trong số các vấn đề (sai lầm) của loại kinh nghiệm như thế, hay nhìn chung với bất kỳ kiến thức đặc biệt nào, ta có thể dễ dàng trở nên kiêu ngạo với thứ đã đạt được và bị mắc kẹt ở đó, tất cả động cơ để tiến bộ bị tiêu hao lãng phí. Khi Tilopa thuần phục những vị yogin, ngài đã ngăn trở tính kiêu ngạo này và giúp họ tạo ra phòng tuyến bảo vệ lâu dài – đó là sự nhận thức Chân như đích thực.

Ở phía Nam tiểu lục địa có một vị Đại đế (maharaja)¹ rất yêu thương mẹ mình. Ông hiến dâng rất nhiều cho cuộc sống tốt lành của bà mẹ về tâm linh cũng như thế gian. Một hôm Đại đế hỏi mẹ rằng ông ấy có thể làm gì để khiến bà hài lòng và trợ giúp khía cạnh tâm linh của bà bằng cách tạo ra vài thiện hạnh mạnh mẽ. Sau một hồi suy nghĩ, bà nói nhà vua nên mời nhiều học giả (pandita²), thành tựu giả (siddha³) và Đà kì ni đến thủ phủ của họ làm một mạn đà la⁴ phi thường, và ban cho

TILOPA

bà và thần dân lễ quán đánh, không có gì khiến bà thỏa mãn hơn việc đó..

Vị đại đế sai những người đưa tin đi khắp nơi tìm kiếm và thỉnh mời những vị cao quý đó. Từng người đến và sau cùng trở thành hàng nghìn người. Đặc biệt tại địa điểm được chọn, sự tập hợp ấn tượng và độc nhất này là thiết lập mạn đà la và chuẩn bị những phẩm cúng dường dồi dào, phong phú được sắp đặt đẹp đẽ, ngay ngắn. Khi mọi người đang bận bịu làm việc, một Đà kì ni già cất ngang công việc cất tiếng hỏi “Tốt rồi, ai trong số các vị sẽ chủ trì những nghi thức này? Không có chủ lễ thì sẽ hỗn loạn. Nếu chư vị không thể chọn ai, tôi sẽ rời đi!”

Nhận ra câu hỏi có lý của Đà kì ni già, mọi người bắt đầu tự hỏi “Ai trong số chúng ta là thích hợp nhất?” Các vị yogin và Học giả đề xuất chính họ, hay bạn bè của mình, và tuyên bố họ đáp ứng tiêu chuẩn, nhưng không ai đủ phẩm chất và năng lực trở thành chủ lễ theo cách lựa chọn tự nhiên và thuyết phục. Sau đó Đà kì ni già nói “Rất tốt, các vị nên mời em trai tôi vì ông ấy có thể làm chủ lễ”.

Vì vậy họ mời Tilopa. Ở khía cạnh này, ta nên hiểu rằng trong số nhiều người cao quý này, họ có chức vị khá nổi tiếng, họ quen mặc đẹp và được tôn trọng. Khi thấy Tilopa, diện mạo trần truồng và nghèo khổ đang đến từ xa, họ khá khó chịu. Sự kiêu hãnh của họ bị chọc tức

khi người không ấn tượng như thế sẽ chủ trì các nghi lễ, họ ra sức ngăn cản ngài đến bằng cách sử dụng mọi kỹ năng của sức mạnh thần thông chống phá lại ngài. Tuy nhiên, những phép màu đáp trả của Tilopa tràn đầy trí tuệ sáng chói của ngài, khiến những phép thần thông của họ trông thật thảm hại, nếu so sánh thì rất giống trò chơi của trẻ con, chúng không còn là phi thường nữa. Chẳng bao lâu họ nhận ra rằng họ đang chứng kiến một chúng sinh quá đổi siêu phàm và chào đón ngài như một vị chủ lễ.

Hướng về những vị khách, Tilopa đã hiển lộ mạn đà la từ mọi lỗ chân lông trên thân ngài. Khi ngài làm thế (như chúng ta biết câu chuyện Milarepa và sừng trâu yak⁵), không có mạn đà la biến mất hay thân ngài mở rộng, tất cả khách dự đều nhìn thấy một mạn đà la chi tiết sống động trong từng lỗ chân lông của ngài. Họ có thể thấy điều kỳ diệu này bởi sự hiện diện áp đảo của ngài đã phá hủy tính kiêu ngạo của họ, cho phép hoạt động tâm linh trước đây của họ bây giờ gặt hái thành quả. Tilopa dạy rằng:

“Kye ma! khi an trú hãy trú trong trung tâm của hư không.

Khi bạn nghỉ ngơi; hãy nghỉ trên đầu ngọn giáo.

Khi bạn nhìn; hãy nhìn như mặt trời.

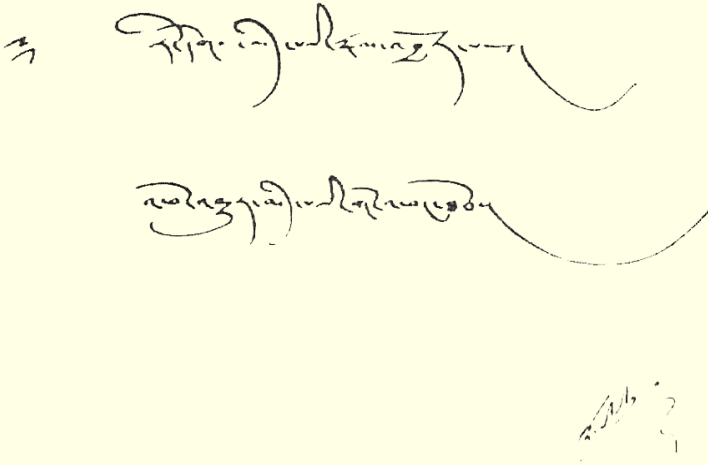
TILOPA

Ta, Tilopa, một yogin nhận ra chân lý tối thượng, thoát khỏi mọi hình thức của sự nỗ lực.”

Bình giải:

Kya ma là tiếng khóc hay điều đau buồn. Lòng bi mẫn của ngài đối với tất cả vị yogin này – những người không có chứng ngộ thực sự. Nếu ai đó muốn phô diễn những phép huyền diệu như ngài thì họ phải an trú trong trung tâm hư không, Pháp giới (dharmadhatu) – chân lý tối thượng, cõi giới ‘tối cao nhất trong tất cả’⁶, như đã lưu ý ở trên, có thể không bao giờ có một trung tâm bởi vì không gian được biết là không có chỗ tận cùng. Điều này nên là pháp tu thường xuyên của họ (yogins). Một vị yogin chân chính không nên có hy vọng hay sợ hãi, không mong đợi hay lo lắng. Như Tilopa từng nói:

“Một yogin không hy vọng hay sợ hãi sẽ an trú trong trạng thái không thay đổi hay dịch chuyển.”



Do đó khi ta đắm mình trong trạng thái Nhất như là đã sẵn sàng để nghỉ ngơi trên đầu ngọn giáo nếu cần thế. Với việc bàn cãi và ganh đua, những người đáng kính đó đã chứng tỏ không vượt ra khỏi các khuynh hướng của mình và vẫn là nô lệ cho những hy vọng và lo lắng thầm kín.

Vì mặt trời chiếu sáng, các hành tinh quay xung quanh tạo nên dịch chuyển ngày và đêm. Những đám mây hoặc các hiện tượng nguyệt thực hay nhật thực cũng thay đổi ánh sáng trên trái đất. Cuộc sống trên bề mặt hành tinh (trái đất) là sự dịch chuyển liên tục từ sáng tới tối hay tối tới sáng, tuy vậy, trên các tầng trời cao hơn, mặt trời chính nó cũng không có gì để làm với tất cả những thay đổi tương đối trên trái đất: nó chiếu sáng liên tục với sự sáng chói. Khi một yogin nhìn mọi thứ,

TILOPA

cách nhìn của anh ta nên nghỉ ngơi trong bản tính tâm chói sáng đó, siêu vượt những ý nghĩ bất chợt thoáng qua của tâm. Cách nhìn của anh ta được ví von nên như thiên thể mặt trời.

Tilopa là một yogin đã chứng ngộ chân lý tối thượng vì vậy ngài thoát khỏi mọi sự phức tạp tinh thần liên quan đến nỗ lực. Tuyên bố của ngài phát lộ tới các Học giả, Yogin, và Đà kì ni rằng ngài đã chứng ngộ thành tựu tối hậu.

Kết thúc bình giải.

Sau này họ (yogin) bắt đầu tu tập để đạt chứng ngộ trọn vẹn giống như Tilopa. Trước đây mỗi người tu tập pháp tu riêng biệt của mình. Sau đó do lòng từ ái của Đại đế và hoàng hậu, và phương pháp thiện xảo của Tilopa, tất cả họ có thể tìm ra cách thức cá nhân đạt đến mục đích tối thượng chung. Nếu không họ vẫn bị ách tắc trong vũ trụ nhỏ bé của mình.

2. Hàng phục Người ngoại đạo

Tirthika (Tạng ngữ: mu.steg.pa) là thuật ngữ sử dụng phổ biến trong Tạng ngữ để chỉ những người không phải Phật tử, hoặc là một triết gia với triết lý không hoàn hảo. Nó được định nghĩa như “một người trên ngưỡng cửa của sự hiểu biết rất thuần khiết”: gần như chứ không phải khá gần – có lẽ ở bậc thứ chín của mười bậc thang.

Điều này nghĩa là họ hiểu sai về sự tối thượng bởi lẽ tư tưởng của họ về điều này vẫn bám chấp vào quan niệm cực đoan về tồn tại và không tồn tại. Dù phép nguy biện của họ cao, thấp hay phức tạp thế nào là khá gần với chân lý tuyệt đối của vạn vật. Giống như ai đó có thể xây tòa nhà một trăm tầng trên đỉnh núi Everest và tưởng nó là điểm cao nhất, nhưng nhìn từ vệ tinh hay hành tinh khác thì nó có vẻ rất thấp.

Trong thời đại của Tilopa, khu đại học Nalanda ở trung tâm phía Bắc Ấn độ rất hưng thịnh, thu hút các đạo sư thông thái nhất của nhiều trường phái triết học Phật giáo (Tạng ngữ: gzhung.lugs). Bên cạnh các học giả Phật giáo vĩ đại, trên khắp tiểu lục địa xứ Ấn lúc đó còn có nhiều triết gia Hindu và giáo phái khác tài giỏi, một số người thích chứng minh tôn giáo của mình là bậc nhất. Họ rất giỏi phương ngữ, thỉnh thoảng họ thăm viếng những trung tâm Phật giáo để thách thức các học giả tại đây tranh luận, người thắng cuộc sẽ tự động có được cộng đồng đạo hữu (của người thua cuộc) đi theo. Những cuộc tranh luận này thường diễn ra ở địa điểm công cộng rộng lớn, với sự hiện diện của một tiểu vương (địa phương) hay đại vương - các vị này không những là chủ tọa tối cao cuộc thi đấu, là người phán xử mà còn chịu trách nhiệm đưa ra phán quyết cuối cùng.

TILOPA

Những cuộc thi giữa các tôn giáo này không phải chỉ là hình thức xã hội “thử thách bằng tranh luận” duy nhất. Trong những cuộc thi công cộng như thế, những kinh văn và luận giải mới của Phật giáo bị coi là không thể chấp nhận cho đến khi chứng minh được tính đúng đắn của nó. Tác giả phải bảo vệ mọi phần trong tác phẩm của mình chống lại các đối thủ được công nhận là người có thẩm quyền trong triết học Phật giáo. Nếu công trình của ông ta trùng hợp với toàn bộ giáo lý của Đức Phật thì sẽ được hợp nhất trong tiêu chuẩn đã chấp nhận. Nếu sai, công trình sẽ bị đốt công khai ngay tức khắc. Nếu tác giả khẳng khái giữ ý tưởng của mình, ông ta có khả năng bị hoàng gia trừng phạt. Thi hành phán xét là vai trò và bổn phận của nhà vua, có lẽ sự trừng phạt có chút tàn bạo nhưng không thiên vị, do hệ thống này mà Phật giáo giữ lại sự thanh tịnh của mình rất lâu.

Một vị ngoại đạo cùng thời Tilopa được coi là Thành Tựu giả (siddha). Trong số nhiều sức mạnh khác nhau, ông ấy có một năng lực khá đặc biệt; chúng ta có thể hiểu được nó qua huyền thoại. Câu chuyện kể rằng có một lần, một thành tựu giả rất độc ác, không bao giờ bị giết bởi bất kì vũ khí nào khi chân của ông ta chạm đất. Để đánh bại ông ta, một đệ tử của giáo phái Vishnu^h hóa

^h Vishnu: là một trong ba vị thần tối cao của Hin du giáo. Vị thần Bảo tồn hay giữ gìn thường xuất hiện trong nhiều hóa hiện khác nhau.

thành quái vật bốn tay, mặt sư tử, sức mạnh khủng khiếp và các cánh tay dài với móng vuốt mạnh mẽ. Khi anh ta đối đầu với Thành tựu giả độc ác, anh ta nâng thân của ông này lên khỏi mặt đất và xé toạc thân thể ra rồi ăn tim ông ấy. Vị ngoại đạo trong câu chuyện của chúng ta có khả năng như vị đệ tử Vishnu này. Ông ta rất nổi tiếng và mọi người cực kì kính sợ ông ấy.

Tin tức lan truyền rằng ông ta đang trên đường đến Nalanda để thách thức các học giả ở đó tranh luận, tin này thu hút và lôi cuốn nhiều người. Mọi người xếp hàng trên đường và cúi chào đánh lễ khi ông ta đi qua. Tất cả đều làm vậy, ngoại trừ Tilopa đứng im và cư xử với vị này như những người khác. Thành tựu giả bị sốc vì hành động láo xược này và hỏi “ông tự tin rằng ông có thể tiếp tục sống sau khi biểu lộ sự coi thường của ông với tôi như thế”. Tilopa đáp lại: “Ồ vâng, tôi nghĩ thế!”.

Vị Thành tựu giả ngừng một chút ngẫm nghĩ và đánh giá tình hình. Rồi ông ta thách thức Tilopa một cuộc thi lớn – cuộc tranh luận liên quan cả hai kiến thức và kỹ năng huyền diệu, với sự hiện diện của Đại vương.

Khi sự chuẩn bị cho cuộc đua tranh hoàn thành. Vị Thành tựu giả ngoại đạo đến cùng với bầu đoàn của mình, nhiều đạo sư và học giả Phật giáo đến ủng hộ Tilopa. Một đám đông lớn tập hợp và khi mọi thứ đã sẵn sàng, quốc vương tới và chủ trì cuộc đua tranh. Cuộc so

TILOPA

tài đầu tiên là tranh luận, vị ngoại đạo bị đánh bại khổ sở. Điều này không thể tránh được bởi vì lập luận của Phật giáo, mà Tilopa là đạo sư, là lập luận tự nhiên, là bảy phân loại của nhận thức đúng đắn, phản ánh trung thực cách thức mọi thứ chân thật như nó là. Đó là chân lý phổ quát trước bất kỳ ảo tưởng và sự hiểu sai nào đều bị sụp đổ, cho dù người đó thông thái thế nào.

Sau đó họ phô diễn sức mạnh huyền diệu. Lần đua tranh đầu tiên, trên cơ sở sự sáng tạo an bình, vị ngoại đạo thua. Ông ta nổi giận và tuyên bố hung hăng rằng: “Thông qua sức mạnh tràn ngập khắp ba cõi, ta có thể triệt hạ bất kì chúng sinh nào!”

Cách tu tập của các đạo sư Hin đū dựa trên luyện tập hơi thở và lòng sùng mộ hướng tới thần Vishnu. Thành tựu giả này cảm nhận ông ta chính là Vishnu với tất cả năng lực, điều khiển sinh tử, cùng với khả năng rung chuyển ba chiều kích toàn bộ vũ trụ như ông ta muốn. Vì vậy, trong sự hung nộ thần thánh tráng lệ, ông ta phun ra ngọn lửa độc hại rất mạnh mẽ. Tilopa đơn giản dập tắt nó bằng cái nhìn Kim cương và đưa nó trở về nơi nó phát ra.

Vượt trội hơn hẳn mọi phép huyền thuật phô diễn của kẻ ngoại đạo, Tilopa đã hát bài chứng ngộ ca cho nhà vua và tất cả khán giả:

“Khi nhìn, hãy nhìn với đôi mắt của người mù,

Khi khát, hãy uống nước của ảo ảnh.

Nếu phiền muộn, hãy rót đầy bình với khí.

Ta là Tilo, thoát khỏi mọi sợ hãi”

Bình giải:

Nếu vị ngoại đạo muốn nhận thấy ý nghĩa mà Tilopa đã chứng ngộ, ông ta phải nhìn với đôi mắt của người mù, ngài bảo họ, áp dụng vài giáo lý của Đà kì ni. Vị ngoại đạo nhìn thấy nhiều thứ nhưng ông ta luôn nhìn qua con mắt ghen tị, v.v. Để siêu vượt các giới hạn tạo ra do quan niệm nhị nguyên, ông ta cần tầm nhìn trên cơ sở cái nhìn của “mắt mù”, vượt ra ngoài chủ thể và đối tượng, hình ảnh và cái nhìn.

Ông ta khát do không thỏa mãn và có nhu cầu áp chế hay cải đạo người khác. Đây là cách thức các đạo sư ngoại đạo muốn khi thách thức Phật giáo, ngược lại không bao giờ xảy ra như thế đối với Phật giáo. Nếu ông này cần sức mạnh như thế, thay vì cố gắng tiếp tục tranh luận với sự ghen tị, sẽ tốt hơn nhiều cho ông ấy dập tắt sự khao khát mạnh mẽ bằng cách học uống nước của ảo ảnh. Thí dụ ông ta nên khám phá sự mãn nguyện trong việc hiểu biết bất phân của kinh nghiệm hiển lộ và tính không của nó. Ảo ảnh là một thí dụ hay về trải nghiệm đối tượng bên ngoài chuyển thành không có gì

TILOPA

cả về các đặc tính của tồn tại mà thoát nhìn dường như hiện hữu rất rõ ràng.

Đầu tiên, bị tính ghen tị chi phối, kẻ ngoại đạo muốn tranh đua với Tilopa. Bây giờ bất lực và tuyệt vọng, sự chú ý của ông ta bị tản mát và không biết phải làm gì tiếp theo, do vậy Tilopa khuyên ông ta rót đầy bình chứa của ông ấy với khí, làm đầy kinh mạch (nadi) bên trong với trí tuệ (prana) để có thể nhận ra chân lý tối thượng về chính mình. Sau này ông ta có thể giống như Tilopa, thoát khỏi mọi sợ hãi vì nhận biết “Chân như” của sự tối thượng, xua tan nỗi sợ và những gốc rễ của ghen tị.

Kết thúc bình giải.

Theo cách đó Tilopa đã dạy kẻ ngoại đạo qua tranh luận, sức mạnh huyền diệu và bài ca chứng ngộ huyền bí nhằm giúp ông ta và các đệ tử của ông nhận ra rằng sự tiếp cận của họ không phải là tội bậc. Đây không phải là siêu tài nghệ nhưng là cách thức nhanh nhất, hiệu quả nhất giúp họ vượt qua vài chương ngại còn lại, ngăn cản họ khỏi con đường hoàn hảo của cuộc sống, bởi vì trong thực tế pháp tu của họ cho đến lúc đó không bị loại bỏ khỏi Phật giáo như ta có lẽ nghĩ vậy. Về cơ bản họ chỉ thiếu hai yếu tố: lòng bi mẫn vô hạn và chân lý tối thượng. Điều sau là hiểu biết rằng mọi thứ là siêu vượt ngôn từ, tư tưởng và trí tưởng tượng.

Mặc dù tất cả họ đã trở thành Phật tử, nhưng một vài người trong số họ vẫn chưa thể nắm bắt ngay lập tức triết lý Phật giáo về Chân như. Về điểm này, Tilopa đã ban cho giáo lý về hai loại Bồ đề tâm tương đối và Bồ đề tâm tuyệt đối. Nhiều người trong số đó đạt được nội quán sâu xa và một số trở thành Đại Thành Tựu giả, những vị được nói là vẫn sống tới ngày nay do làm chủ được sinh lực. Người đứng đầu của họ trở thành Đại Thành tựu giả nổi tiếng Napukgawa sống tại nơi linh thiêng thuộc Silwalsa gần Rajgir, ở đó với sự hiện diện của ông, hoạt động như năng lượng hỗ trợ cho những đệ tử Phật giáo.

3. Hàng phục Nhà Ảo Thuật

Thời đó ở Ấn độ có nhiều thầy phù thủy, pháp sư và nhà ảo thuật không chỉ là những người trình diễn sân khấu mà còn là người thu hút kinh nghiệm chủ quan của mọi người. Một người trong số đó có khả năng tạo ra những người lính ma thuật theo thuật giả kim. Dù không ai có thể hãm hại họ bởi vì lính ma thuật là ảo ảnh, tạo tác ma thuật, nhưng họ có thể hại mọi người bằng cách tác động vào tâm trí những người đó. Nhà ảo thuật sắp xếp họ chống lại một quốc vương nhỏ - người mà ngày càng tuyệt vọng vì quân đội của ông ta bị thất bại liên miên.

TILOPA

Một hôm nhà vua có thị kiến một Đà kì ni nói cho ông biết rằng bà có người họ hàng có thể giúp nếu nhà vua mong muốn. Do vậy nhà vua đã mời ‘người họ hàng’, dĩ nhiên đây là Tilopa. Trong lúc đó, bốn đội quân lính ma thuật hùng mạnh của nhà ảo thuật đang tấn công lực lượng quân đội nhà vua còn sót lại. Ngay lập tức, Tilopa đáp trả bằng cách hóa hiện hàng triệu quân sĩ kỳ diệu và tiêu diệt nhanh chóng từng binh sĩ ma thuật kia. Chứng kiến quân đội ma của mình bị triệt tiêu, nhà ảo thuật vỡ mộng mất hết sức mạnh và trở thành một người bình thường. Ông ta tố cáo Tilopa: “Ông là một yogin Phật giáo đã giết hàng ngàn binh sĩ!” Tilopa đáp lại bằng một chứng ngộ ca:

“Nếu giết, hãy giết các chúng sinh ảo ảnh.

Khi thiên định, hãy thiên như một xác chết.

Nếu nói được, hãy nói như người câm,

Sau đó vương quốc Pháp tính sẽ đạt được.”

Bình giải:

Bài kệ trên có hai hàm ý: mối liên quan với bản thân Tilopa, giải thích tại sao ngài có quyền bảo vệ quốc vương và tiêu diệt các binh sĩ ma, và ngụ ý liên quan tới nhà ảo thuật cho biết ông ta cần làm gì để chiến thắng. Trước hết, chúng ta xem xét đoạn kệ phản ánh cách

thức thiện xảo không lo lắng của Tilopa ra sao khi ngài sử dụng phép màu để phát lộ chân lý.

Tilopa không cần giận dữ, không bám chấp hay dính mắc, không có những ý tưởng sáng tạo hay những thứ tạo tác, việc của ngài là tiêu trừ những chúng sinh ảo ảnh gây hại. Cũng như thế, khi tu tập thiền định, ngài đạt thành tựu vì không có chấp nhận hay chối bỏ, giống như thầy ma ngài không phản ứng. Khi ta phủ xác chết bằng những viên kim cương, nó không phản kích và xúc động với những gì xảy ra. Ngay cả ta đặt thầy ma vào thùng rác nó cũng không giận dữ.

Như chúng ta đã thấy trong các giáo lý của Đà kì ni, lời nói của ngài như của người câm; không thực và thoát khỏi mọi quan niệm của người nói và lời nói. Tilopa sở hữu mọi phẩm tính này, đã đạt tới vương quốc Pháp tính⁷ (Dharmata), bản tính phổ quát và xuyên qua nó là trí tuệ mãnh liệt và hoạt động giác ngộ, chứ không phải thói tội lỗi xấu xa, vì thế ngài đánh bại đội quân ma thuật.

Bây giờ chúng ta hãy xem đoạn kệ trên áp dụng cho nhà ảo thuật ra sao. Nếu ông ta ham thích các trận chiến đánh nhau, sát hại kẻ thù của mình, và tạo ra những chiến binh ma để chống lại đội quân của nhà vua, thì có lẽ tốt hơn ông ta nên chiến đấu và giết chết những ảo tưởng về cái tôi được tạo nên bởi: ham muốn, gây hấn, ghen tị, vô minh và kiêu ngạo. Những tạo tác ma thuật

TILOPA

tương tự này là sản phẩm của nhà ảo thuật nhưng không phải là một phần thực chất của ông ấy. Chúng không phải là chất liệu tồn tại riêng biệt. Chiến đấu với chúng (sự tạo tác ảo ảnh) là trận chiến cao quý nhất.

Những nhà ảo thuật và pháp sư phải tập luyện rất nhiều, về thuật giả kim, chú thuật, thiền định, nghệ thuật trình diễn, và duy trì ảo ảnh. Đối với họ năng lực thiền định là khá quan trọng. Nếu ông ta thực sự muốn thiền thì nên thiền định giống như một xác chết. Điều này nghĩa là sự tập trung của ông ta không nên dính mắc, nhằm lẫn với ngoại cảnh. Ông ta nên sử dụng chất liệu ảo huyền, trì tụng thần chú ảo huyền, đi vào nhập định huyền ảo, nhưng trong khi làm thế cần nhận ra đặc tính chân thật của những thứ đó. Đây là loại thiền định tốt nhất đối với các nhà ảo thuật hơn là than khóc việc mất đi những sản phẩm ảo huyền của chính mình.

Nếu ông ta muốn nói, thí dụ như thu hút năng lực trung tâm cổ họng – là trung tâm năng lượng cốt lõi cho giấc mơ và ảo ảnh, ông ta cần học nói như người câm. Ông ta biết nhiều về hoạt động của luân xa (cakra) cổ họng, nhưng cho tới điểm này thì kiến thức của ông ta bị bóp méo. Do vậy, mặc dù nhà ảo thuật có thể đánh lừa những người khác nhưng ông ta không thể thay đổi chính mình. Bằng sự hiểu biết hiện tượng khí như là giấc mơ, như là huyền ảnh, ông ta có thể sử dụng trung tâm

cổ hòng và sức mạnh truyền đạt ‘như người câm’, không mang tính nhị nguyên. Để làm được như thế, nhà ảo thuật cần phát triển tiềm năng trọn vẹn của trung tâm cổ hòng, chứ không phải chỉ một phần.

Nếu và khi thực hành tất cả những thứ trên, ông ta sẽ có được vương quốc bản tính chân thật. Ngay cả nếu ông ta đánh bại nhà vua, vương quốc mới có lẽ chỉ tồn tại đến khi nhà ảo thuật chết. Sự thống trị và pháp thuật của nhà ảo thuật có thể có kéo dài khoảng ba mươi hay bốn mươi năm, và trong suốt thời gian đó chúng (đội quân ma) đòi hỏi ông ta rất nhiều. Sức mạnh và vương quyền đòi hỏi nhiều thứ: cai trị người dân thật dễ hơn nhiều so với các chiến binh ma. Vương quốc thế gian vô thường đòi hỏi suy nghĩ nhiều, làm việc và chăm nom nếu giữ được giá trị tốt đẹp của nó. Thay vì cai trị vương quốc đầy đau khổ, ông ấy tốt hơn là thống trị vương quốc của chân lý tối thượng, vương quốc bản tính cốt lõi – trạng thái tối cao của mọi thứ/ hiện tượng mà không có mối đe dọa ganh đua nào.

Để nhận biết rằng tất cả hiện tượng là bản chất không thật của chúng, là sự tồn tại phụ thuộc lẫn nhau, đó là kiến thức cao quý nhất mà một ảo thuật gia có thể đạt được. Đây là đỉnh cao của hiểu biết đúng đắn mà pháp thuật cho thấy bản tính phi vật chất của các tướng hiện. Ví dụ, một nhà ảo thuật đang ngủ khá dễ dàng nhận biết

TILOPA

các giấc mơ chỉ là mộng mị; sau đó anh ta sẽ dễ dàng đạt Thành tựu giả (siddha) khi đang mơ.

Kết thúc bình giải.

Tilopa đã ban cho nhà ảo thuật hướng dẫn về tướng hiện huyền ảo và giấc mơ. Mọi kinh nghiệm trước đây của ông ấy khi là một nhà ảo thuật, trong thiền định và bản chất ảo ảnh, v.v giúp ông dễ dàng nhận thấy bản tính ảo huyền của mọi thứ, bao gồm nhà ảo thuật và các phép thuật của mình. Thông qua chỉ dẫn bậc nhất trong tất cả hướng dẫn thọ nhận từ Tilopa, ông đã đạt chứng ngộ vĩ đại và trở thành Đại thành tựu giả “người nói chân lý” ở nghĩa địa Hahagopa – một địa điểm rất đặc biệt không xa Bồ đề Đạo tràng (Bodh Gaya) – ngày nay ta có thể viếng thăm điểm hành hương này. Thời trước, nơi đó từng là địa điểm rất nguy hiểm.

4. Giáo huấn người bán bia

Chất cồn gây say có khả năng khiến nhiều người trở nên điên dại và gây ra nỗi đau khổ to lớn. Nói chung, sự ảnh hưởng của bất kì chất cồn nào cũng có hại. Ngày xưa có một con khỉ đuổi bắt con mèo trong quán của một phụ nữ bán bia và rượu. Sự hỗn loạn kinh khủng đã xảy ra như sau: khi chúng chạy vòng quanh bên trên các vò rượu, cuối cùng làm đổ các vò và làm hỏng tất cả bia rượu của bà ta, chưa tính chúng làm vỡ rất nhiều bình bia khác. Ban đầu bà ta rất giận dữ bởi đây là kế sinh

130

PHẦN BỐN

nhai duy nhất, là tài sản quý giá nhất của bà - chúng đã bị phá hủy chỉ trong vài khắc ngay trước mắt bà ta bởi trò điên dại của hai súc sinh này. Khi sự giận dữ nguội đi, bà ta cảm thấy dày vò đến đau khổ và rơi vào trạng thái phiền muộn kinh khủng.

Một số người bạn đã khuyên bà nên cầu nguyện Tilopa và nhờ ngài giúp đỡ. Do hoàn cảnh khốn khổ, trước tiên bà cầu nguyện Tilopa rất thành tâm và tập trung. Sau đó bà đến gặp Tilopa kể ngài nghe về tình cảnh khốn khó của mình và cầu xin ngài giúp đỡ. Khi trở về cửa hàng bà nhận thấy tất cả vò bia không những còn nguyên vẹn mà còn đầy ắp. Do nhận ra ngài đã khôi phục mọi thứ như cũ trong một tích tắc tập trung, bà trở lại thăm Tilopa và khiêm tốn thỉnh cầu ngài chấp nhận bà làm đệ tử. Tilopa chấp nhận và ban cho bà lời giáo huấn thông qua một chứng ngộ ca về thức uống bao hàm hai ý nghĩa:

“Khi khát nước, hãy uống chất độc đang sôi.

Nếu giận dữ, hãy giết con khỉ của niệm tưởng.

Hãy làm đầy mọi thứ với vị nếm đồng thời.

Tilo giàu có bởi tài sản của sự tối thượng.”

Bình giải:

Chất lỏng độc hại riêng nó đủ để hại ta, và thậm chí gây ra chết chóc khi đun sôi. Chúng ta thường xuyên uống một loại chất độc – đó là chất độc của động cơ tiêu

TILOPA

cực (klesa) và đôi khi còn đun sôi lên. Điều này giết chết niềm hạnh phúc của chúng ta bây giờ và mãi mãi. Nếu chúng ta khao khát mong muốn thì tốt hơn nên ít nhất uống một cách thích hợp: sử dụng khao khát hay giận dữ cho một kết thúc tích cực hơn là tiêu cực.

Chúng ta có lẽ mong muốn trở thành Chư Phật hay Chư Bồ tát. Chúng ta có thể khao khát mọi phẩm tính thiện hạnh tốt đẹp. Do đó, chúng ta có lẽ nên giận dữ với những khuynh hướng xấu xa và chất độc bên trong chúng ta hơn là hướng tới người khác và ngoại cảnh.

Khi kết quả của tiền nghiệp trở ra với chúng ta đưa đến sự không hài lòng, chúng ta trở nên giận dữ, sân hận. Các kinh điển thỉnh thoảng nhắc đến sáu mươi “sự không mong muốn” xảy ra trong thời đại này – từ vô minh tới khao khát và gây chiến. Về cơ bản, những điều này như các vọng tưởng giống như con khỉ - những kẻ tàn phá.

Nếu do tiền nghiệp, chúng ta phải trải qua nỗi đau khổ nhất định thì cũng nên cảm thấy lợi lạc từ việc này và hãy để nó trở thành niềm khích lệ vì sự ân hận thành tâm về bất kì nghiệp xấu nào ta đã làm trong quá khứ tạo ra bất hạnh này. Điều này có thể giúp chúng ta tiêu trừ một số nghiệp và là lựa chọn rất tốt, còn hơn là tâm trạng và hành vi tội tệ chỉ làm tình hình xấu hơn do gia tăng khía cạnh tiêu cực của nó. Sức mạnh, sự thành tâm, và hối

tiếc gỡ bỏ mặt nạ che đậy những tính cách hạn chế của chúng ta và giúp chúng ta tránh sự tái diễn của chúng. Đó là cách áp dụng thấu đáo để loại bỏ khả năng của các nghiệp như vậy xảy ra trong tương lai. Chúng ta cần nỗ lực hết sức với thái độ tích cực như hồi tiếc chân thành, nếu không chúng ta sẽ đi theo khuynh hướng tự nhiên là tự tội nghiệp (đáng thương) và yếu đuối.

Năm độc tâm trí (ham muốn, ác cảm, vô minh, ghen tị và ngạo mạn) là sự bóp méo trên bề mặt của tâm thanh tịnh cơ bản, đặc tính thường xuyên của chúng là năm trí tuệ (jnana)—trí tuệ bất nhị của Phật tính. Cho đến khi đặc tính cốt lõi này của tâm chưa được chứng ngộ thì nó bị làm lẫn bởi cái ngã cá nhân, tạo ra cảm giác cái Tôi. Đây là vô minh. Mọi bóng tối của vô minh đơn giản là không nhận thức được năm trí tuệ, là kết quả tạo ra bởi năm độc và sự ảo tưởng cái tôi. Ngược lại của quá trình này, là sự nhận ra bản tính bên trong của năm độc đó, gọi một cách ẩn dụ là “thức uống” của chúng.

Những cảm xúc và tư tưởng không ổn định là con khi đang phá hủy mọi tiềm năng của chúng ta đối với sự kỳ diệu này. Lấy ví dụ về người bán bia, tại sao con khi hư đồn lại tàn nhẫn với bà ta? Sự tình cờ không phải lỗi con khi mà là lỗi của chính bà ấy. Giống như gạo được sinh ra từ hạt thóc dù là ở đâu, vì thế những khổ đau hiện tại có lẽ xảy ra nơi đã có các nhân quá khứ thích hợp. Người

TILOPA

bán bia chỉ nhận lại nghiệp quả của những gì đã làm trước đây. Các nghiệp trước đây đã tạo ra tiềm năng nghiệp (Tạng ngữ: *b.sags*), ở đây có thêm ý nghĩa đặc biệt là 'khả năng sản sinh các kết quả' chính là các tư tưởng của bà ấy lúc đó. Thay vì kiểm soát ý nghĩ của mình, bà lại để chúng điều khiển mình. Vì vậy, thay vì giận dữ với mèo và khỉ, bà ta nên thực sự giận dữ với những vọng tưởng của mình, vì chúng là nguồn gốc của tai họa: bà nên triệt tiêu quá trình của các tư tưởng tiêu cực.

Các loại hạt có tiềm năng trở thành rượu. Nho có thể thành rượu vang. Mặc dù trong suốt đời sống của cây trồng, nó chỉ hiện hữu những điều kiện đặc biệt mà các tiềm năng cố hữu có thể thật sự trở thành những thực tại hiển nhiên.

'Chân như' là cố hữu của mọi hiện tượng. Đây là điều kiện bên trong, trong số những thứ khác, tiềm năng giác ngộ của chúng diễn ra cùng lúc với thực tại bên ngoài của chúng. Phẩm tính luôn đi cùng với hai điều này được bộc lộ trong Tạng ngữ: (*lhan.skyes*) có thể dịch là "cố hữu" hoặc là "đồng thời". Chân như bao trùm và chứa đầy mọi thứ, là bất biến trong mọi hoàn cảnh. Chân như có vị độc nhất của sự xác thực, không kỹ xảo. Những lời của Tilopa nói với người bán bia rằng nếu bà ta có thể xoay xở giết "con khỉ" (vọng tưởng) và uống "thuốc độc" thì tất cả vò rượu sẽ được làm đầy với hương vị Chân như bẩm sinh. Như câu nói:

“Chúng ngộ một thứ là chúng ngộ tất cả.

Chúng ngộ mọi điều là không biết bất cứ điều gì.”

Mọi thứ có đầy đủ vị cốt lõi bẩm sinh của nó. Để hiểu rằng là sẵn sàng trở thành bất cứ điều gì. Nếu bà ấy có thể làm rõ ràng bản chất của mọi thứ thì bà sẽ như Tilopa và sở hữu viên ngọc quyền lực của chân lý tối thượng - không bao giờ bị mất đi. Tilopa đã hồi phục tất cả hàng hóa của bà ta mà không cần mua gì cả như vò, bình mới v.v... Ngài rất giàu có vì có được sự Tuyệt đối là tài sản.

Kết thúc bình giải.

Tilopa đã ban cho người bán bia lời chỉ dẫn Đại lạc, dựa trên sự bất phân của Đại lạc và tính Không. Chết còn gây say là một ví dụ thú vị về tính không của sự gia trì bình thường. Ban đầu ta cảm thấy không tốt hoặc bị mắc kẹt trong tình huống khó khăn. Những người không có trợ giúp của Giáo Pháp có lẽ cảm thấy nên đi quán rượu và uống say khi gặp tình cảnh như thế. Sau đó, họ cảm thấy rất sợ hãi. Họ đầy can đảm để ngập chìm trong trạng thái mê mẩn sung sướng đó. Mọi người đều biết hạnh phúc khi say là không thực và cũng không kéo dài. Chẳng có gì thay đổi bên ngoài thật sự. Không có chút xíu nào về điều kiện gây nên đau khổ đã biến đổi. Vì thế niềm vui sướng ấy rất phù du. Nó xuất hiện ở đó nhưng không có

TILOPA

thực chất. Nó trống không; niềm vui và sự trống không là không tách rời.

Cuối cùng bà bán bia trở thành một yogini (du già nữ) vĩ đại ở Sosarling.

5. Giáo huấn Ca sĩ Bạc thầy

Trong năm kiến thức chuyên ngành thứ yếu⁸, bài hát thuộc về nghệ thuật sáng tác, thơ ca và đặc biệt kịch nghệ. Trong năm kiến thức chính, nó là bộ phận thuộc kiến thức sáng tạo, nghệ thuật trong thuật ngữ rộng lớn nhất. Nghệ thuật gồm có sự sáng tạo của tinh thần, khẩu và thân, mỗi cái có hai điểm chung và các lĩnh vực đặc biệt. Ví dụ hình thái tinh thần tốt – xấu được phân loại như là “chung” trong khi quán tưởng (visualisation) là ‘đặc biệt’. Trong sáng tạo bằng lời nói, hình thức đặc biệt là thần chú hay trì tụng kinh điển. Những hình thức thông thường là bài hát, phát biểu, đàm thoại, v.v...

Ngày xưa ở Ấn độ có một người đàn ông được thiên phú cho khả năng ca hát. Anh ta không chỉ có giọng hát hay mà còn có kiến thức tuyệt vời về âm thanh, và có thể sử dụng chúng để chuyển hóa hoàn toàn tâm trạng của người nghe, khiến cho những người có nỗi buồn nặng trĩu như là mất cha mẹ cảm thấy nhẹ nhàng và vui tươi trở lại. Nghe anh ta hát, người ốm sẽ quên đi sự nhức nhối và đau đớn của mình. Khi anh ta cất lên tiếng hát buồn thê lương, những khán giả đang vui sẽ cảm thấy

tràn ngập sâu muộn và luyến tiếc quá khứ. Nếu anh ta trình bày một bài hát nóng rực ở nơi lạnh lẽo, người nghe cảm thấy ấm áp và giai điệu lạnh lẽo của anh ta có thể khiến khán giả cảm thấy mát mẻ trong cái nóng như đốt của mùa hè xứ Ấn. Một số nghệ sĩ như thế có khả năng chuyển hóa nhiều thứ một cách tự nhiên. Ở bảo tàng Ba la nại (Benares) còn giữ một phần sót lại của cây đàn sitar bị cháy. Người ta nói rằng khi cây đàn này chơi giai điệu nóng bỏng nó gây ra những ngọn lửa, còn khi âm nhạc tạm nghỉ nó biến mất.

Một hôm vị ca sĩ đang ngồi trong khu vườn xinh đẹp, và huýt sáo với loại nhạc cụ veenaⁱ. Có một khán giả nhỏ bé lắng nghe chăm chú và xúc động mạnh bởi giai điệu bài hát. Khi Tilopa đi qua, hát ư ử một cách tình cờ. Dù không chủ ý, giai điệu ngài hát nho nhỏ nghe hay hơn nhiều, quyến rũ hơn rất nhiều giai điệu của vị ca sĩ và khiến mọi người chú ý. Vị ca sĩ ngừng hát và quay về phía Tilopa hỏi “Tại sao ông lại quấy rối buổi biểu diễn của tôi như thế này?” Anh ta lại hỏi “Ông muốn đua tranh với tôi phải không?” Tilopa đáp lại “Không” “Nhưng tôi không phiền nếu anh muốn tranh tài.”

Vì vậy, một cuộc tranh tài công cộng diễn ra và kéo dài vài tuần. Vị ca sĩ trình bày toàn bộ các tiết mục của

ⁱ Veena còn gọi là vina: chỉ các loại đàn dây của Ấn Độ cổ xưa, và có rất nhiều loại veena khác nhau.

TILOPA

mình với mọi tâm trạng khác nhau. Tiết mục của Tilopa không cần nỗ lực nhưng luôn luôn tốt hơn, không bao giờ kết thúc. Vị nghệ sĩ thất vọng do bị thua và khá giận dữ, anh ta khóc than “Nhưng tôi là một ca sĩ có thể làm mê say những chúng sinh trên thiên giới Phạm Thiên (Brama)”. Tilopa đã ban cho anh ta một bài chứng ngộ ca vừa là sự đáp lại vừa là lời giáo huấn của ngài:

“Khi lắng nghe, hãy nghe với đôi tai của kẻ điếc

*Nếu đáp lại, hãy đáp lại với giai điệu bài ca của Càn
thát bà.*

Mọi thứ nghe được chỉ như tiếng vọng,

Sự trình bày kỳ diệu của âm thanh và trống không,

Với Tilo, bậc yogin của âm nhạc, là phi thường.”

Bình giải:

Dòng đầu tiên của bài kệ giống như cuộc đối thoại của Tilopa với các Đà ki ni, ta cần lắng nghe theo cách thức siêu vượt những quan niệm về mọi thứ để được nghe và đang lắng nghe.

Càn thất bà (*gandhavra*) (Tạng ngữ: *dri.za* – chúng sinh ăn mùi hương) là thuật ngữ chỉ chung các chúng sinh trong những dạng thức tồn tại khác nhau: một vài ở cõi trời, một số là nhân ngư, và một số khác là động vật. Vị vua của Càn thất bà được cho là có thân người

và đầu ngựa, họ nổi tiếng là những nghệ sĩ âm nhạc giỏi nhất, họ sống trong dạng thức khác thường chỉ có mùi hương, màu sắc, và phi vật chất.

Những người mới qua đời cũng xếp loại trong dạng thức Càn thất bà. Sau khi chết trạng thái tâm của họ vẫn còn tham, sân, kiêu mạn, vân vân, khiến cho họ cảm thấy đói dù không có thân vật lý. Giống như Càn thất bà, họ cảm thấy được nuôi dưỡng bởi mùi thơm. Các thầy (lamas) đốt hương, thực phẩm và nhiều vật phẩm khác để cúng dường mùi hương từ khói như cách nuôi dưỡng, và giúp họ trải nghiệm nó như những mùi vị khác nhau và thỏa mãn hương vị và mùi thơm.

Càn thất bà được minh họa như những nghệ sĩ âm nhạc tài ba, đặc biệt là về thanh nhạc để giúp và truyền cảm cho họ trong nghệ thuật. Khi Tilopa đáp lại giai điệu của Càn thất bà, chúng ta có lẽ nghĩ rằng ngài có ý rằng ca sĩ nên hát hay và truyền cảm, nhưng ý nghĩa thực sự là vi tế hơn nhiều.

Khi Càn thất bà được nuôi dưỡng bởi mùi hương, họ trải nghiệm hương vị và mùi thơm không giống như các chúng sinh có dạng thức vật chất. Trải nghiệm của họ không có nền tảng vật chất. Điều thú vị này được sử dụng ở đây tương tự như đối với kinh nghiệm của sự tuyệt đối - ở khía cạnh không có phân chia giữa việc làm và hành động, và điều diễn ra hoặc được nói là không

TILOPA

thực sự tồn tại hay không thể nói là không tồn tại. Vì vậy, lời khuyên của Tilopa đáp lại vị nghệ sĩ là tính tuyệt đối của âm nhạc, hơn là sáng tác âm nhạc như một bộ phận tách biệt.

Mọi âm thanh là tiếng vọng với hai ý nghĩa. Đầu tiên là đặc điểm của âm thanh chỉ là những sản phẩm phụ của hoàn cảnh tạo thành. Điều ta nghe không phải là thứ khởi nguồn. Một ngón tay gảy một dây đàn, nó ngân lên và sau đó qua cấu trúc của tai nghe, vân vân, sản sinh ra một âm thanh đặc biệt theo từng người. Sự kết hợp của hơi thở và vị trí cuống họng sinh ra âm thanh bằng lời thực hiện trên hơi (khí) rồi sau đó nó được ai đó nghe ở đâu đó. Đầu tiên điều dường như chỉ là một âm thanh, nhưng trong thực tế là một chuỗi tạo thành các phản ứng; người nghe luôn nghe một thực tại không nguyên vẹn.

Một ý nghĩa khác là bản tính bất nhị của âm thanh và tính không. Bởi vì Tilopa biết rằng âm thanh ở đó như trải nghiệm, nhưng chúng không có thực thể độc lập, ngài nhận ra sự không phân chia của âm thanh và tính không. Nhận thấy mọi sự phô diễn và tính không giống như tiếng vọng, nên ngài rất thiện xảo về âm nhạc.

Chứng ngộ ý nghĩa của sự tối thượng, ngài nắm bắt bản chất của âm nhạc, ngài trở thành vị yogin về âm nhạc một cách tự nhiên. Sự hình thành kỳ diệu của âm nhạc – âm thanh và tính không – ngài có thể tạo ra

không giới hạn. Đó là lí do không ai có thể đua tranh với Tilopa.

Thông qua chứng ngộ ca, Tilopa không chỉ giải thích tại sao ngài giỏi hơn mà còn giúp vị ca sĩ thấy rằng anh ta có thể đạt được như thế. Tilopa ban cho anh ta hướng dẫn đặc biệt về “âm thanh im lặng” của chân tâm. Mặc dù đây là vài điều rất thâm sâu, nhưng chúng ta có thể khái quát vài điểm về ý nghĩa của nó bằng cách giữ im lặng và khám phá những âm thanh bên trong – những thứ không ai làm nhưng là kết quả hoạt động của khí (*prana*), kinh mạch (*nadi*) và giọt vi tế (*bindu*).

Vị ca sĩ bậc thầy đạt chứng ngộ cao và trở thành Trì Minh Vươngⁱ (Vidyadhara) bắt tử “Du dương mà Im lặng” ở vùng đất Nagaras.

Kết thúc bình giải.

6. Chuyển hóa người đồ tể

Không giống như những người bán thịt ngày nay ở Phương Tây, hầu hết là những người bán và xẻ thịt, vào thời đại Tilopa họ là người giết và mổ xẻ súc vật để cung cấp thịt cho mọi người. Đôi khi trong một ngày họ giết rất nhiều súc vật.

ⁱ Bậc nắm giữ trí tuệ của mật chú. Một vị thầy chứng ngộ rất cao một trong bốn giai đoạn của Mật thừa.

TILOPA

Có một đồ tể thường giết mổ những con vật còn rất nhỏ vì muốn cho con trai yêu quý của ông ta ăn loại thịt mềm nhất. Một hôm ông ta giết một con dê nhỏ và nấu món ragu rất ngon cho cậu con trai. Vào lúc ông ta ra ngoài nhà bếp để món ra gu hầm trong một cái nồi lớn. Tilopa nhận thấy đã đến thời điểm phải giúp người đồ tể, ngài làm phép biến các phần thân lớn của dê như: đầu, cánh tay, chân, v.v thành đứa con trai của ông ta, đồng thời giấu cậu bé đi.

Khi đồ tể trở về, ông ta mở nắp nồi để xem món nấu của mình ra sao. Nhìn thấy các bộ phận của đứa con trai đang bị nấu, ông ta quá khiếp sợ rồi ngã xuống bất tỉnh. Trước đó khi đi dạo xung quanh, ông ta từng nghe rằng bất cứ điều gì ta làm nó sẽ báo ứng với ta. Nhìn lại cuộc đời mình, ông cảm thấy hối tiếc kinh khủng vì đã sát hại nhiều súc vật và hoàn toàn cảm nhận mất mát về điều đã làm. Ông ta rơi vào trạng thái trì trệ, nhiều ngày trôi qua không ăn uống khiến ông ta sắp chết do thiếu ăn.

Tilopa đã xuất hiện trước ông ấy và hỏi ông ấy điều gì đã xảy ra. Người đồ tể giải thích câu chuyện của mình, khóc lóc kể về những tội lỗi ông đã làm. Tilopa hỏi: “Ông muốn tiếp tục sát sinh nữa không?” Ông ta đáp “Không, không”. Tilopa nói:

“Ông biết, ông không phải héo hon nữa.

*Vì nếu ông cam kết chân thành từ nay trở đi
không bao giờ sát sinh bất kì chúng sinh nào,
Ta sẽ hồi sinh đứa con trai của ông.”*

Người đồ tể hứa hẹn chân thành, Tilopa trả lại con trai cho ông ấy và ban giáo lý cho ông ta qua một chứng ngộ ca huyền bí:

“Nếu cắt, hãy cắt đứt gốc rễ mọi thứ.

*Nếu làm sạch, hãy loại bỏ khí - tâm thông qua
chóp đỉnh.*

*Nếu nướng, hãy nướng bằng lửa của vũ trụ khi
hoại diệt.*

*Nếu cho ăn, hãy cho ăn cam lồ nhận thức tự nhiên
tươi mới.”*

Bình giải:

Người đồ tể giết những con vật bằng cách cắt cổ họng chúng. Sau đó ông ta rửa sạch ruột và da, thiêu hết lông của chúng, rồi nấu chúng và phục vụ như thực phẩm. Cổ họng là vị trí mỏng manh, đường dẫn dễ tổn thương của tất cả kinh mạch sống trong cơ thể. Nếu muốn cắt, ông ta nên cắt đứt nguồn cung cấp tham, sân và vô minh, hơn là cắt cổ họng súc vật. Gốc rễ chung của ba độc này là bản ngã phải được cắt bỏ.

TILOPA

Sau khi chết, ruột của động vật được làm sạch và sinh lực sẽ rời cơ thể. Nếu ông ta cần làm sạch vài thứ thì sẽ tốt hơn nên đưa sinh lực – sự hòa trộn bất phân của tâm và khí (prana) ra khỏi cơ thể qua luân xa đỉnh đầu. Điều này giúp tâm của chúng sinh khi chết được đi vào những chiều kích trải nghiệm thanh tịnh. Sau đó Tilopa ban cho ông ta những hướng dẫn về Chuyển di Thần thức (Tạng ngữ: *pho.wa*), một pháp tu để thực hành điều đó.

Nếu ông ta phải nướng vài thứ, điều tốt nhất nên sử dụng “nhiệt bên trong” của Nội nhiệt (tumo), đốt cháy mọi bất tịnh của thân thể giống như lửa cháy khi vũ trụ chấm dứt, khi mặt trời trở nên nóng hơn gấp bảy lần hiện nay mọi thứ sẽ bị tiêu hủy. Tilopa đã ban chỉ dẫn “nội nhiệt” cho ông đồ tể.

Nếu ông ta cho ai đó ăn, thay vì nuôi dưỡng về thể xác, ông ta nên nuôi dưỡng và phục hồi “đứa trẻ giác ngộ” Phật tính bên trong, nuôi nó với trí tuệ nhận thức tự nhiên, tươi mới mọi khoảnh khắc, cam lồ tươi mát tự nhiên. Ông ta nên nuôi dưỡng nó với “loại thịt mềm” như vậy cho đến khi nó trưởng thành viên mãn trong mọi khía cạnh.

Kết thúc bình giải.

Vị đồ tể thọ nhận giáo lý này, về việc phá hủy siêu vượt hành động phá hủy và những thứ bị phá hủy, giống

như nhiều người khác, ông trở thành một Thành tựu giả ở Sri Lanka.

7. Thuyết phục Người Không tin Nhân quả

Trong thuật ngữ chung nhất, ta có thể nói rằng các trường phái triết học không phản ánh toàn bộ chân lý thường có hai loại chủ yếu: những người mặc nhiên công nhận sự vĩnh hằng/ bất diệt, tức là có “sự bất tử”, và những người phủ nhận hậu quả tự nhiên của hành động “ (thuyết Tịch diệt).

Thuyết Bất tử có rất nhiều triết lý khác nhau. Đặc biệt thích hợp với những câu chuyện này là những nhà Nhất nguyên luận hay thuyết Đa thần giáo, họ tin rằng thế giới này được tạo ra đầu tiên bởi một vị Trời (hay nhiều vị Trời) như là Phạm Thiên hay Isvara, và cách duy nhất để đạt tới hạnh phúc tối thượng là phụng sự các vị trời này. Sự phụng sự bao gồm cúng dường (vật sống hay cái khác) cho các vị trời đó với hy vọng họ sẽ ban ơn huệ trong hình thức thành tựu tâm linh cho người thờ phụng. Điều này đi cùng với nỗi sợ hãi sự phẫn nộ của các vị thần, và không nên lơ là tuân thủ những yêu cầu tôn giáo đặt ra. Những người theo thuyết Bất tử tin tưởng các vị thần của họ luôn an trú bất diệt trong một điều kiện tuyệt đối.

Tóm lại, những người tin thuyết Bất tử là vô minh về các điều kiện bên trong đích thực của tất cả mọi thứ, sự

TILOPA

tối thượng thực sự (như giác tánh bất nhị, siêu vượt người nhận thức và sự nhận thức), họ quy cho kinh nghiệm chủ thể và đối tượng của họ tới một thánh thần thiêng liêng bên ngoài đầy quyền năng và vĩnh cửu, hơn là về sự phân biệt nhị nguyên của tâm trí. Tư tưởng của họ có xu hướng trở thành rất thực và rất cụ thể.

Những người theo thuyết Tịch diệt (có nhiều loại, như: chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa hoài nghi, thuyết hư vô, v.v) nhìn mọi thứ chỉ như là đang diễn ra mà không có lý do xác đáng nào khác, họ không thấy có sự chứng minh nào đúng đắn về lâu dài của thuyết nhân quả. Theo họ, mọi thứ tồn tại độc lập như nó là và không có gì cả.

Có một vị giáo viên (đồng thời là một triết gia. ND) theo thuyết Tịch diệt đã từng nghe rất nhiều về Tilopa, đạo sư Phật giáo vĩ đại nhất thời đó, ông ta rất ghen tị với sự nổi tiếng của ngài, và bắt đầu mơ màng viễn vông “Nếu ta đánh bại ông ấy, giống như đánh bại tất cả Phật tử. Những đệ tử của ông ta sẽ đi theo ta và chẳng bao lâu mọi người sẽ nghe rằng ta trí tuệ hơn Tilopa thế nào. Thật hãnh diện!” Tham vọng này xui khiến ông ta mời Tilopa đến để tranh luận về Phật giáo. Tilopa chấp nhận và đến vùng vị triết gia cư ngụ. Ông ta nói: “Tôi không tin chút nào về nhân – quả; mọi thứ hiện hữu là tự nhiên đơn giản, giống như mặt trời mọc, mưa rơi, các hạt đậu hình

tròn, và những cái gai thì sắc nhọn. Thân và tâm diễn ra tự nhiên phù hợp với chúng.”

Tilopa không đáp lại. Thay đó ngài bật tràng cười rất lớn, dữ dội, cho thấy ngài nghĩ lời tuyên bố kia thật nực cười. “Ông không đồng ý phải không?” ông ta hỏi Tilopa. Ngài trả lời “Không”. “Ông có thể chứng minh nhân quả cho tôi không?” Tilopa nói “Nếu anh muốn”. Sau đó bằng sức mạnh gia hộ của mình, Tilopa cho vị triết gia thị kiến siêu phàm, ông ta có thể nhìn thấy xa và gần, mọi cõi giới khác nhau: chư thiên, rồng nagas, tinh linh, v.v. Ông ta rất ngạc nhiên nhìn thấy cảnh sống an nhàn xa hoa của các chư thiên; lạc thú của họ khiến ông ấy bị cuốn hút bởi sự hấp dẫn không thể kiểm soát hướng tới cõi thiên.

Ông ta kinh sợ khi nhìn thấy những nỗi đau khổ khủng khiếp của địa ngục, nó khiến ông kinh hoàng tột độ. Thị kiến chân thực về những thứ đang diễn ra với chúng sinh khác trong các trạng thái đó gần như khiến ông ta phát điên. Bất lực và khiếp sợ trước trải nghiệm cảnh tượng vừa thấy, ông van xin Tilopa giúp đỡ. Ngài đã ban cho vị triết gia một chứng ngộ ca:

“Qua những tội lỗi gây ra bởi hành động,

Địa ngục xuất hiện trong chính tâm ta

Ta có lẽ không muốn thế vì ta bất lực.

Thông qua thiện hạnh ta tạo ra.

TILOPA

Ta kinh nghiệm niềm vui sướng của cõi thiên:

Trạng thái đáng ao ước – nhưng ta có lẽ chưa gieo nhân của nó.

Giống như bình minh và những cái gai dài nhọn

Không ai tạo ra, ngoài chính bản thân chúng.”

Bình giải:

Nghiệp (karma) nghĩa là hành động. Các ác hạnh xác định như điều kiện của tâm trong cách tiêu cực, gây ra hai tổn hại: một là đem lại kết quả trái ngược với mong đợi vì nhân và quả, và những biến đổi đặc tính khác thúc đẩy. Trong bài chứng ngộ ca trên, những điều này được gọi là thiết lập các khuynh hướng tội lỗi của đau khổ và có hại.

Những dấu ấn tiềm thức được tạo nên bởi các hành động tiêu cực có thể tác động đến tâm rất mạnh mẽ, sau một thời gian, nó trải nghiệm hình ảnh và cảm giác trong địa ngục. Vì địa ngục không phải là một địa điểm bên ngoài, nhưng là một tướng hiện ảo giác trong tâm trí ta. Ta có lẽ không muốn đi qua một kinh nghiệm dài và hoang tưởng như thế nhưng khi nó xảy ra, ta khá bất lực, không thể làm gì cả. Ngay khi nhân và các điều kiện dẫn tới trạng thái chủ thể tồn tại, nó bị giới hạn hiển lộ ở một nơi (cõi giới. ND) hay nơi khác. Không có cách nào

để tránh khỏi nhân quả, làm chệch hướng của nó hay thay đổi nó.

Ta có thể xếp loại lạc thú hay đau khổ là kết quả từ nghiệp thành bốn loại, tùy theo khi nào chúng xảy ra:

1. Kết quả xảy ra ngay trong đời này – vì động cơ, hành động hay đối tượng của hành động rất mạnh mẽ. Cả hai nhân và quả xảy ra trong cùng một kiếp sống.
2. Kết quả diễn ra trong kiếp sau, bởi vì tiềm năng hành động khá mạnh mẽ trong một đời. Những quả này sẽ xảy ra trong đời kế tiếp.
3. Kết quả những thứ khác với thời gian không chắc chắn, ví dụ những người hành động pha trộn, như tội lỗi lớn đi theo vài thiện hạnh. Thiện quả có lẽ xảy ra trước những quả ác hạnh.
4. Những kết quả có lẽ không phải trải nghiệm bởi vì pháp đối trị được áp dụng. Một vài nghiệp có thể tạo các chương ngại như là ốm đau, v.v, cũng có thể được tiêu trừ hoàn toàn hay một phần vì những tu tập thiện xảo, nhất là pháp tu tịnh hóa được áp dụng để tịnh hóa nghiệp xấu. Nghiệp quả sẽ phải trở ra nếu không có những phương tiện thiện xảo đó. Chẳng có ai ra phán quyết hay chỉ định trừng phạt. Điều kiện bên trong tâm tự nó có

TILOPA

cả hai năng lực để sản sinh kết quả và năng lực biến đổi nhờ các pháp đối trị thích hợp. Tất nhiên, điều kiện của tiềm thức không phải là thứ ta có thể nhìn vào như một danh mục, nó không phải luôn rõ ràng đúng như nghiệp nào đã được xóa bỏ và nghiệp nào chưa.

Một tiềm năng nghiệp của ta được tạo thành, được tích tập thông qua thiện hạnh ta làm, kết quả có thể được tái sinh cõi thiên với trải nghiệm niềm hoan lạc của chư thiên. Khi tiềm năng không đủ sản sinh ra một kết quả tuyệt vời như thế, ví dụ khi ta không gieo các nhân tốt đẹp của nó thì không thể tái sinh cõi đó, dù ta mong muốn nó nhiều ra sao, biết về lạc thú cõi thiên hay tham luyến vào đó. Một nhân là không đủ tạo ra một kết quả.

Nếu nhiều người nghĩ thiên đường là trạng thái thật sự đáng ước ao và muốn kết thúc ở đó, điều duy nhất họ cần làm là học hỏi làm thế nào để phát triển các nhân của nó. Nếu không họ sẽ tiếp tục sinh trong các trạng thái thấp hơn, và giống như người ốm không có thuốc và bác sĩ, muốn khỏi bệnh nhưng thiếu phương tiện để làm như vậy, do đó bắt buộc không được khỏe lên. Đối với những người mong muốn kết quả tốt đẹp nhưng không biết làm thế nào để thúc đẩy chúng, thì cần sự giúp đỡ rõ ràng, đây là tìm kiếm ai đó có khả năng chỉ ra điều cần làm và sau đó phải thực hành.

Chúng ta kinh nghiệm những nghiệp quả là hậu quả tự nhiên của cách thức mà tâm trí chúng ta đã tạo những điều kiện cho các nghiệp trước đó, giống như sự phản chiếu trong gương là kết quả tự nhiên của khuôn mặt soi vào nó. Nếu khuôn mặt xấu dù ta không thích, ta sẽ chỉ thấy khuôn mặt xấu xí, trong khi đó điều không hiện hữu đơn giản lại không được nhìn thấy. Cho tới khi nghiệp vẫn vận hành, nếu các nhân tiêu cực không được đối trị đúng lúc, thì quả của nó sẽ phải trở ra. Nếu đối trị đúng cách, trải nghiệm đó có thể được biến đổi.

Vị triết gia nói về mặt trời mọc và những cái gai dài nhọn không do ai tạo ra là thật, vì không có đáng sợ thế, chúa, rồng hay ai khác tạo ra chúng. Chúng khởi hiện từ các nhân đặc trưng của chính chúng do sự hiện diện của các điều kiện nhất định. Đối với kinh nghiệm chủ quan, bản thân ta tạo ra chính chúng và ta kinh nghiệm chúng.

Kết thúc bình giải.

Lúc đó trong trạng thái hoàn toàn hoảng loạn, vị triết gia nói với Tilopa: “cầu xin ngài giúp tôi không rơi vào cõi địa ngục đau khổ nào trong tương lai và bảo đảm một chỗ trên các cõi thiên cho tôi.” Tilopa lại phá lên cười rất to, rất dữ dội, và chỉ nhìn vị triết gia với đôi mắt đang lòi ra muốn nổ tung do sợ hãi và tuyệt vọng. Ngài ban cho ông ấy thêm một giáo huấn:

“Nỗi đau khổ của địa ngục không phải là vĩnh viễn.

TILOPA

Hạnh phúc cõi thiên cũng chỉ nhất thời.

Trí tuệ của anh thật hời hợt và không hoàn hảo.

Nếu tham luyến, hãy đi vào nghĩa địa.

Nếu tuyệt vọng, hãy giương cao ngọn cờ chiến thắng.

Ta không giải thích và cũng không cho thấy.

Khi anh nhìn thấy Pháp tính, anh sẽ sở hữu

Vương quốc Pháp thân.”

Bình giải:

Những khổ đau của địa ngục không vĩnh cửu, bởi vì chúng chỉ tiếp tục tồn tại khi các nhân và điều kiện tạo ra chúng vẫn còn. Bởi vì triết lý sai lạc của vị triết gia và cách nhìn nông cạn, ông ta không thể thấy rằng những trải nghiệm địa ngục là trạng thái tinh thần chủ quan sản sinh do điều kiện tinh thần tiêu cực mạnh mẽ. Ông ta tưởng chúng là thực và còn mãi. Những khoái lạc cõi trời ông ấy chứng kiến cũng như vậy.

Trí tuệ của nhà triết gia rất nghèo nàn và dao động. Ý kiến thay đổi đột ngột trong vài phút, vì do hiểu biết hời hợt, ông ta đã vội kết luận nhưng chỉ phản ánh một phần sự thật. Đầu tiên là phủ nhận Thuyết Nhân Quả, vị triết gia ngạo mạn muốn đánh bại Tilopa. Sau đó do sợ hãi, ông ta khẩn cầu Tilopa giúp đỡ và mong ngài tạo ra những nhân hạnh phúc. Vị triết gia bị tham luyến vào

các trạng thái cõi thiên do các nhân của chúng, và rất sợ hãi cõi địa ngục.

Nếu có khao khát và bám chấp, vị triết gia nên tới các nghĩa địa. Ông ta có thể hiểu biết về nghiệp một cách trực tiếp và nghiêm túc bằng cách nghĩ về nguồn gốc của các tử thi; cuộc sống của họ và nguyên nhân các kiếp sống đó được tạo ra bởi điều gì. Sau này khao khát sẽ trở thành nhân của không khao khát. Nếu tuyệt vọng và kinh sợ viễn cảnh đau khổ, ông ấy nên phát triển sự tin tưởng vào luật nhân quả và can đảm biết rằng khổ đau không kéo dài vĩnh viễn. Ngay khi đau khổ qua đi thì sẽ là hạnh phúc. Vị triết gia cần gương cao ngon cờ chiến thắng của sự xác quyết.

Để giúp ông ta gương cao ngon cờ chiến thắng, Tilopa ban cho nhà triết gia chỉ dẫn về Tong.len (Tạng ngữ) pháp tu “Cho và Nhận” - ta học để hiểu rõ giá trị những lần đau khổ như một cơ hội quý giá để phát triển lòng từ bi và củng cố tâm trí. Pháp tu này có tác động mạnh mẽ có thể xoay chuyển một khổ đau nhỏ thành nguyên nhân của hạnh phúc to lớn. Những điều nhỏ bé có thể trở nên mạnh mẽ, giống như một đóm lửa có thể đốt cháy toàn bộ ngọn núi, hoặc như một liều độc được nhỏ có thể giết chết một đội quân.

Tilopa không giải thích và cũng không cho thấy. Cho đến lúc đó, ngài không cần chỉ ra hay giáo huấn điều gì.

TILOPA

Vị triết gia đã khám phá ra qua thị kiến của mình, lần đầu tiên nhìn thấy cuộc sống trong các cõi giới khác nhau. Nếu ông ta có thể đi sâu hơn điều đó và hiểu rằng ở trung tâm thị kiến mới mẻ của mình, nói cách khác, là nhận thấy bản chất phổ quát (Pháp tính) của cả người nhìn và thứ được nhìn, ông ta có khả năng nắm giữ vương quốc Pháp thân. Khởi đầu ông ta muốn giành các đệ tử của Tilopa, muốn nổi tiếng, vân vân. Nhận ra bản tính Pháp thân, và cũng tương tự như tất cả chúng ta, ông ấy có thể đạt được chứng ngộ thực sự như Tilopa.

Kết thúc bình giải.

Tilopa đã ban giáo huấn cho nhà triết gia (người cuối cùng cũng đạt tới kinh nghiệm quý giá và nội quán sâu xa) được tóm lược như sau:

- a. Trong chân lý tương đối, mọi thứ chịu sự chi phối của luật nhân - quả, nó vận hành không thể tránh khỏi và không thể nhận thức được, không bao giờ lầm lẫn, bị quên lãng hay lừa dối và
- b. Trong chân lý tuyệt đối, nhân và quả không tồn tại.

Nhà triết gia được chuyển hóa này trở thành Đại Thành tựu giả Dharabodhi ở nơi gọi là Những ngọn đồi Cao quý gần Bombay, ngọn đồi là nơi chôn cất đầu và thân của Thánh Long Thọ (Nagarjuna). Người ta nói rằng những người nghiệp thanh tịnh có thể gặp

Dharabhodi bắt tử ở đó. Câu chuyện về ngài Long Thọ có nhiều tầng lớp ý nghĩa và dưới đây thêm vào một số chi tiết.

Một đồng môn của Bồ tát Long Thọ đã nhiều lần cố gắng sát hại ngài vì các lý do cá nhân nhưng không thành. Vì ngài Long Thọ là một vị Bồ tát Đại Thành tựu giả rất thanh khiết, và gần như không thể giết được. Ngài nhận thức hoàn toàn về điều gì đang diễn ra, giải thích nghiệp sát sinh của ngài được tịnh hóa thế nào, ngoại trừ một điểm là cách đó khá lâu tình cờ ngài đã cắt đầu một côn trùng khi cắt cỏ. Vì thế, cách duy nhất giết ngài là dùng lưới cỏ lớn để cắt đầu hay chém cổ ngài. Đối thủ có dự định hủy hoại ngài đã vui mừng về thông tin này, và xoay xở làm như vậy. Sau khi cắt đầu của vị thánh, hấn chôn đầu và thân ngài ở hai quả đồi khác nhau và cách nhau vài ki lô mét. Sau này người ta nghe giọng ngài Long thọ nói rằng khi hai quả đồi sát nhập vào nhau, ngài sẽ trở lại thế gian để làm lợi lạc chúng sinh. Những nhà địa chính Ấn Độ nói rằng hai quả đồi này đang chậm chạp tiến gần nhau.

Dưới đây là một câu chuyện khác nữa khá rõ ràng về một nhân vật được thêm vào sau bảy câu chuyện trên. Vì vậy chúng ta có tất cả tám câu chuyện.

8. Hàng phục Thầy Phù thủy

Tilopa đã cải hóa nhiều vị phù thủy (Tạng ngữ: mthu.wo.mkhan), là những người phát triển sức mạnh pháp thuật để làm hại hay giết người. Đây là câu chuyện về một vị phù thủy trong số đó.

Các thầy phù thủy dùng ba loại sức mạnh: vật chất, lời nói, và tinh thần để tác động vào tâm mọi người, làm tê liệt, suy yếu sức khỏe của những người đó, tác động vào thế giới vật chất của mọi người và nhìn chung khiến cho *yang* của họ suy giảm. Đây không phải là *yang* trong thuyết Âm (yin) Dương (yang), nó là từ của Tạng ngữ (gyang) chỉ tất cả các lực tích cực vận hành trong cuộc sống bình thường – có lẽ cách gọi chung như là may mắn, sức khỏe tốt, uy tín, sức thu hút, bất cứ thứ gì khiến mọi thứ hoạt động đúng đắn, v.v...

1. **Sức mạnh vật chất** được sử dụng trong phạm vi từ độc dược, bùa ngải, v.v để thao túng sự cân bằng của bốn yếu tố: đất, nước, lửa và khí (vật chất, chất lỏng và chất kết dính, nhiệt – khí lực, động lực.)
2. **Sức mạnh ngôn từ** có ba loại: ngôn từ bình thường, ngôn từ đặc biệt và chủ đạo. Năng lực từ chủ đạo dùng các tên gọi riêng biệt, như Brian, Tashi, v.v. Những thứ này nhằm khơi dậy sự chú ý tập trung tiềm tàng, vì ngay khi ta nói ra một cái

tên thì mọi sự chú ý tập trung vào hình ảnh của người mang tên đó từ khi sinh ra. Ngôn từ đặc biệt khơi dậy hơn những cái tên ban đầu, là danh hiệu đặc trưng của tất cả phân loại của sự tồn tại, người, động vật, v.v... và mọi phân loại nhỏ của chúng. Một số người có sức mạnh ngôn từ. Khi họ nói mọi người thích lắng nghe. Những người không có khiếu nói chuyện có thể nói những điều rất ý nghĩa nhưng không ai muốn nghe, hoặc một số người khác lại cảm thấy không thoải mái khi nói chuyện.

- 3. Sức mạnh tâm trí** (các tư tưởng tốt hay xấu): là khả năng liên quan tới các hoàn cảnh khác nhau. Hầu hết mọi người coi tiền bạc, đầy tớ, vân vân là tuyệt vời. Tuy nhiên có những người cực kỳ giàu lại bất hạnh, và có những người rất nghèo lại hạnh phúc. Các phản ứng của họ cho thấy tâm họ yếu ớt hay mạnh mẽ.

Bản chất cốt lõi của ba sức mạnh trên là Phật tính tối thượng, tâm siêu vượt, bất nhị, và trong sáng cố hữu. Tuy nhiên trong thế giới tương đối, chúng tồn tại hoặc như năng lượng tích cực hay như năng lượng tiêu cực; ánh sáng và bóng tối. Các thầy phù thủy dùng sức mạnh năng lượng tối, và ba loại sức mạnh đó để hại người, họ thường làm như sau:

TILOPA

1. Lấy những vật liên hệ mật thiết với người đó như tóc, quần áo, răng, đồ trang sức, khăn tay, v.v, rồi “tác động” với các yếu tố bên ngoài, như đốt, ném vào gió, ngâm xuống nước, v.v. Có rất nhiều loại pháp thuật chiêu cảm sử dụng các loại phương tiện này và hình nộm.
2. Dùng tên người, “tác động nó” với bản chất tên gọi của các tinh linh, v.v, hay là họ tưng thần chú, bùa phép bằng cách đọc to hay đọc thầm. Đây là một trong số các lý do rằng danh tiếng thường không phải là điều tốt. Nhiều người biết và dùng tên của ta. Một triệu người sẽ nói ta vĩ đại biết bao, ngay cả trong mười giây sẽ nhanh chóng lợi dụng bất kỳ nghiệp nào của danh tiếng ta có. Ngày nay một người bình thường có thể trở thành tổng thống. Nó là cực kì bình thường, họ có thể đi từ đáy lên tới đỉnh cao. Tuy thế, nó thường không kéo dài rất lâu.
3. Dùng một tâm trí tiêu cực rất mạnh mẽ trực tiếp chống lại ai đó, sử dụng sự kết hợp động cơ tội lỗi và khả năng tập trung. Điều này rất chắc chắn, rất mạnh mẽ, hoặc có lẽ nhìn ai đó theo cách đặc biệt, v.v...

Có một phù thủy xấu xa đã từng hãm hại rất nhiều người, và điều khiển nhiều người, ông ta nghe đồn về Tilopa và cho rằng năng lực huyền diệu của Tilopa cũng

tương tự như pháp thuật của ông ta. Vì các phù thủy như vậy thường có thói quen thách thức lẫn nhau, ông ta mời Tilopa tới một cuộc thi đấu về các pháp thuật, với hy vọng đánh bại và có thể giết chết ngài.

Khi cuộc chạm trán diễn ra, vị phù thủy cố gắng bằng mọi cách làm suy giảm bất kì điều gì tích cực ở Tilopa và gia tăng những thứ tiêu cực, như khiến ngài mất trí, làm tê liệt thân ngài và làm ngài ốm. Sử dụng mặt tối của bốn hoạt động để cố gắng hàng phục sức mạnh của Tilopa, như sản sinh ra các ảo giác và cảm xúc dữ dội, gia tăng nỗi đau đớn của ngài, và tập hợp những điều bất như ý. Tất cả trò này đều không có kết quả. Không một sợi tóc nào của ngài bị làm hại.

Tilopa đơn giản chỉ nhìn ông ta. Không những chỉ vị phù thủy mà toàn bộ gia đình ông ta ngay lập tức trở thành thân gỗ như những cái cây. Tilopa tới gần ông ta và nói nếu giờ đây vị phù thủy hứa hẹn không bao giờ thực hành ma thuật nữa. Với chút hơi thở vị phù thủy chết điếng cả người, ông ta từ chối và nói rằng: “Sức mạnh của ông rất độc ác, quá tàn bạo, tồi tệ hơn cả một ngàn đồ tể. Làm sao ông có thể hành hạ vợ tôi và gia đình tôi như thế!” Tilopa đồng ý với ông ta và cất lên bài chứng ngộ ca sau:

“Ông có gia đình mình ở đây,

Mọi người đều có gia đình của họ.

TILOPA

Ông hiểu rằng điều đó là sai trái, thật là kỳ diệu.

Nếu ông hành động phù hợp, đó là điều tốt nhất cho tất cả.

Hãy biết rằng mọi phô diễn chỉ như một giấc mơ,

Mọi âm thanh về cơ bản như những tiếng vọng

Hãy để tâm trần trụi trong bản tính của nó.

Hãy để tâm và sự phô diễn chỉ là một.

Sau đó ông sẽ là pháp sư phù thủy vĩ đại,

Hành động siêu vượt mọi đua tranh.”

Bình giải:

“Thật tuyệt vời. Giờ đây ông hiểu đầy đủ giá trị vợ ông và gia đình ở đây cùng ông, vậy ông có thể nhận thấy mọi người bị ông hãm hại và hành hạ đều có gia đình của họ, một chút nhỏ nhoi cũng rất thân thương đối với họ. Lúc này cuối cùng ông hiểu rằng hãm hại họ là tàn ác hơn một ngàn đồ tể, là điều thật sai trái, và rằng điều ông đang làm với người khác gây ra rất nhiều đau khổ.”

Điều tốt nhất nếu vị phù thủy có thể hành động vì mọi người là ý niệm mơ hồ về lòng từ bi. Do đó thay vì chuyển biến các hoàn cảnh tốt đẹp thành tồi tệ, hãy thay đổi sự hiểu biết của ông ta về mọi phô diễn và nhận ra nó chỉ như một giấc mơ. Thay vì sử dụng phương pháp và thần chú hủy hoại người khác, hãy đổi mọi âm thanh

thành tiếng vọng. Thay vì tập trung tâm trí tội lỗi lấy đi hạnh phúc của người khác, hãy tháo bỏ những tấm mạng của sân hận và bám luyến đang che phủ tâm ông ta, và nhận thấy bản tính nguyên sơ của tâm.

Bởi vì những thứ đó không tồn tại độc lập trong tự thân chúng mà trống không và phụ thuộc vào tâm trí, pháp thuật đó có thể khiến mọi người điên và thay đổi hoàn cảnh. Nếu không, mọi thứ có lẽ tồn tại như chúng là, rất chắc thật, không bị tác động của riêng sức mạnh tinh thần. Yếu tố chủ yếu điều khiển hiện tượng của vạn vật, trong thực tế cần nhận ra rằng tâm và thế giới hiển lộ là một, và tâm đó cũng là thực tại hiển nhiên, cần phải làm chủ được đối với mọi ước muốn đạt được.

Nếu ông ta có thể xoay sở sẽ trở thành phù thủy vĩ đại nhất và có sức mạnh như thần Vishnu, thì hoạt động của ông ta cần vượt ra ngoài sự tranh đua, không có gì sánh được. Tilopa cần gây ấn tượng với vị phù thủy vì thật đáng lo ngại là ông ta đã hãm hại quá nhiều người (và cạnh tranh với nhiều phù thủy khác). Ông ta không đặc biệt thích thú làm người khác đau đớn nhưng do sợ hãi nỗi khổ đau nên cố tiêu diệt mọi thứ và mọi người có thể làm hại ông ta. Nghịch lý là khi làm như vậy, vị phù thủy lại gây nên những nguyên nhân đáng kể của đau khổ trong tương lai cho chính mình. Chẳng hạn như, nếu ông ta giết được Tilopa bằng pháp thuật,

TILOPA

sau này sẽ nhận lại mọi ác nghiệp đã sát hại một vị thánh cao quý. Nếu ông ta cảm thấy hài lòng về việc này thì nghiệp quả sẽ bị nhân lên gấp nhiều lần, thậm chí có thể một ngàn lần. Điều ông ta muốn và điều ông ta tạo ra là hoàn toàn đối ngược nhau, tuy nhiên bằng cách nào đó vị phù thủy có thể chứng ngộ chân tâm cao quý của mình, nhân ác hạnh này của ông ấy có khả năng sẽ biến mất tức thì, như quả cầu đất sét tan vào đại dương. Sau đó ông ta sẽ trở nên vĩ đại, điều ông ta muốn và điều ông ta làm trở thành một.

Kết thúc bình giải.

Giáo lý này đã phá tan những tư tưởng và quan niệm tiêu cực của vị phù thủy và giúp ông trở thành đệ tử của Tilopa để học hỏi và sử dụng sức mạnh đúng đắn. Tilopa đã giải thoát ông ta khỏi sự tê liệt của chính mình và ban cho ông những chỉ dẫn đặc biệt trong hoạt động phi thường. Ví dụ trong pháp Cúng dường Phổ Hiền (Samatabhadra) ta quán tưởng các Đà ni hóa hiện từ năm ngón tay của mình. Mỗi cái lại hóa thành năm và tiếp tục nhân năm lên như thế v.v. Sự nhân lên là vô hạn bởi vì không có giới hạn cho sự tưởng tượng của ta. Sự huyền diệu của năng lượng sáng và tối là vô hạn vì không có gì chắc thật, độc lập thật sự. Tất cả chỉ là ảo ảnh như một giấc mơ. Khi ta hoàn toàn nắm bắt thực tế rằng “biết một là biết tất cả” thì thứ ta làm trở thành vô

PHẦN BỐN

số, siêu vượt thời gian, không gian, mọi giới hạn, hoàn toàn không cần nỗ lực, và phi thường.

Vị đệ tử đặc biệt này đã tu tập ở địa điểm gọi là Kime Silica ở Ấn độ, và được biết như Đại Thành tựu giả “Nhật – Nguyệt”.

Đây là kết luận phần bốn tiểu sử của Tilopa, đạo sư yogin, thuật lại làm thế nào trú trong trạng thái siêu phàm của thành tựu tối thượng, ngài hướng dẫn các đệ tử của mình.

PHỤ LỤC MỘT
LỜI CẦU NGUYỆN ĐẠI THỦ ẤN
Đức Gyalwa Kamapa Rangjung Dorje Thứ Ba

KÍNH LỄ ĐẠO SƯ

*Các Đạo sư, Bốn tôn, và Đà kì ni của mạn đà la,
Tất cả Chư Phật và Chư Bồ tát trong ba thời –
Xin hãy đoái thương tôi với lòng yêu thương từ bi
Và ban gia hộ để lời cầu nguyện – ước muốn của tôi
thành sự thật.*

*Mọi ý định tinh khiết như dòng nước chảy từ núi tuyết
Và tất cả hành động của tôi và vô lượng chúng sinh
Là những dòng sông thiện hạnh tích tập, không ô nhiễm
bởi ba khái niệm^k
Nguyện chúng chảy vào đại dương Bốn Thân của các
Đấng Chiến thắng.*

*Cho đến khi điều này thành tựu, đời này qua đời khác
trong mọi kiếp sống của tôi
Nguyện không nghe thấy “tội lỗi” và “đau khổ”
Và nguyện được tận hưởng một đại dương tràn đầy
hạnh phúc và tốt đẹp.*

*Đã đạt được tự do và những thuận duyên của thân người
quí giá.
Với niềm tin, chuyên cần và trí tuệ,
Nguyện tôi nương tựa vào một đạo sư đích thực,*

^k Ba khái niệm: Chủ thể, đối tượng và hành vi (hay hành động)

TILOPA

*Thọ nhận sự chỉ dẫn tinh túy của ngài và,
Không gặp chướng ngại khi thực hành chúng phù hợp,
Nguyên tôi tu tập những giáo lý thiêng liêng qua mọi kiếp
sống của mình.*

*Nghiên cứu Kinh điển và lập luận đúng đắn,
Đám mây vô minh được xua tan.
Suy niệm các chỉ dẫn cốt tủy,
Bóng tối nghi ngờ được tiêu tan.
Trong ánh sáng thiền định sinh ra, trạng thái tự nhiên
chiếu sáng rõ ràng,
đúng như nó là.
Nguyên sự sáng chói của ba trí tuệ¹ luôn gia tăng.*

*Nguyên tôi gặp giáo lý đích thực nơi hai chân lý tượng
trưng một nền tảng,
Thoát khỏi cực đoan của thuyết Vĩnh hằng và thuyết Hư vô,
Thoát ra những phán xét – giá trị,
Con đường tối thượng của hai tích tập công đức nhờ đó
kết quả,
Hai phần tốt đẹp,
Đạt được sự thoát khỏi những cực đoan của tồn tại và
không tồn tại.*

Nền tảng được tịnh hóa chính là tâm,

¹ Ba trí tuệ: thông qua học hỏi, suy niệm và thiền định.

sự hợp nhất của sáng tỏ và tính không.

*Phương cách tịnh hóa là tu tập Con đường Kim cương
vĩ đại của Đại Thủ Ấn, xuyên qua*

*Đối tượng tịnh hóa là những vết nhơ tạm thời của nhàm lẫn.
Nguyên kết quả tịnh hóa, Pháp thân tinh khiết tự nó
được hiển lộ.*

Để cắt đứt tất cả nhàm lẫn về nền tảng

Là đạt sự tin tưởng trong cách nhìn,

Để chú tâm không xao lãng là then chốt của thiền định.

*Hành động tốt nhất của thiền định là thành thạo trong
mọi khía cạnh của nó.*

*Nguyên tôi đạt được tin tưởng trong cách nhìn, thiền
định và hành động*

Tất cả hiện tượng là những phóng chiếu của tâm;

Tâm là không tâm, bản tính tâm là trống rỗng.

*Nó là rỗng rang vì vậy không chấm dứt, hiển lộ như bất
cứ thứ gì.*

*Sau khi quán chiếu cẩn thận, nguyên nền tảng và gốc rễ
của mọi hiện tượng được nhận ra.*

*Những phóng chiếu của tâm ta không bao giờ tồn tại
thật sự*

Trở thành nhàm lẫn như các đối tượng.

Do vô minh chế ngự,

tâm ta trở nên nhàm lẫn như một cái ngã

TILOPA

Dưới ảnh hưởng của niềm tin nhị nguyên, ta lang lang trong trạng thái hỗn độn của luân hồi.

Nguyện vô minh – trạng thái ảo tưởng hoàn toàn được cắt bỏ.

Nó không tồn tại, ngay cả Chư Phật chưa từng nhìn thấy nó.

Nó không phải không tồn tại, là nền tảng chung của luân hồi và niết bàn.

Nó không phải là sự kết hợp những điều đối ngược, nhưng đồng thời, con đường trung đạo:

Nguyện chân tâm được nhận ra, thoát khỏi mọi cực đoan.

Nó không thể cho thấy bằng tuyên bố “đây là nó”,

Nó cũng không thể phủ nhận khi tuyên bố “đây không phải là nó”,

Không thể tiếp cận bằng kiến thức, vì bản chất vạn vật là không tạo tác.

Nguyện tôi xác quyết về chân lí tối thượng.

Không hiểu điều này, ta mãi trôi nổi trong đại dương luân hồi.

Khi hiểu được Phật là không ở đâu cả.

Mọi thứ là cái này, không có gì cả mà cũng không phải là cái này;

Nguyện “bí mật” của chân tâm, nền tảng mọi hiện tượng được nhận biết.

PHỤ LỤC MỘT

Sự hiển lộ là tâm nhưng trống không cũng là tâm.

Hiểu biết là tâm nhưng ảo ảnh cũng là tâm ta,

Khởi lên là tâm và chấm dứt cũng là tâm:

Nguyên tất cả sự hiểu sai về tâm được cắt đứt.

*Không bị ô uế bởi trạng thái thiên định đầy quan niệm,
Không xao động bởi những ngọn gió thế gian lăng xăng
và hối hả,*

*Biết để mặc tâm tại nơi của chính nó,
tự nhiên và bất biến;*

Đó là tu tập về ý nghĩa của tâm.

Nguyên tôi thiện xảo trong tu tập và áp dụng nó thường xuyên.

Thô ráp hay mượt mà,

Những con sóng tư tưởng nghỉ ngơi tại nơi của chính nó.

Không bối rối, đại dương tâm ổn định một cách tự nhiên.

Thoát khỏi sự ô nhiễm của trạng thái hôn trầm và uể oải.

Nguyên đại dương thanh bình giữ nguyên không gợn sóng và vũng vàng.

Khi nhìn vào tâm biết bao lần,

không có gì để nhìn.

Không nhìn thấy gì cả là tâm được nhìn sâu sắc, đúng như nó là

Đây là điều cắt bỏ mọi nghi ngờ về “tồn tại” hay “không tồn tại”?

TILOPA

Nguyện tôi nhận ra chính mình, không nhầm lẫn.

*Khi nhìn các đối tượng, không có đối tượng nào -
là chúng được nhìn bằng tâm,
Nhìn vào tâm, không có tâm – nó trống rỗng về bản chất.
Nhìn vào cả hai, niềm tin nhị nguyên tự động tiêu tan.
Nguyện sự sáng tỏ là trạng thái tự nhiên của tâm được
nhận ra.*

*Thoát khỏi sự suy đoán trí tuệ, đó là “Đại Thủ Ấn”.
Thoát ra mọi cực đoan, là “con đường Trung Đạo”.
Bao gồm mọi thứ, được gọi là “Đại Hoàn thiện”.
Nguyện tôi đạt sự xác quyết rằng biết một thứ là hiểu
biết tất cả.*

*Không dính mắc, đại lạc không bao giờ chấm dứt.
Không đặt tên,
sự sáng tỏ thoát khỏi tám màn che chướng.
Vượt ra khỏi kiến thức, không tư tưởng (vô niệm) sẽ hiện
diện tự nhiên.
Nguyện những kinh nghiệm không nỗ lực này tuôn chảy
không ngừng.*

*Bám chặt vào các kinh nghiệm (thiền định),
bám níu vào sự dễ chịu sẽ biến mất ở chính nó.
Sự quấy rầy của những tư tưởng, chỉ là ảo ảnh,
được tịnh hóa tự nhiên trong “không gian rộng lớn”.*

PHỤ LỤC MỘT

*Trong tâm bình thường^m không có gì lấy đi hay thêm vào,
Không có gì để loại bỏ hay đạt được.*

Nguyện chân lý bản tính đơn sơ của vạn vật được nhận ra.

Phật tính của mọi chúng sinh luôn hiện hữu

*Nhưng vì không hiểu điều này họ lang thang không dứt
trong luân hồi.*

*Nguyện lòng từ bi ngập tràn được khởi sinh trong tôi,
Hướng tới những chúng sinh chìm ngập trong đau khổ
vô tận triền miên.*

*Vì vậy năng lượng lòng từ bi tràn ngập không bao giờ
kết thúc,*

Với tình yêu thương như thế,

bản tính trống không của nó hiện ra rõ ràng.

*Nguyện tôi không bao giờ tách khỏi con đường đồng
thờiⁿ toàn hảo, chính xác này*

Và tu tập ngày cũng như đêm.

Nguyện năng lực của thiền định cho tôi

nội quán trực tiếp và giác tánh thanh tịnh.

*Nguyện nó giúp tôi thuần thục chúng sinh để hiển lộ các
cảnh giới Chư Phật.*

^m Tâm bình thường: tâm trong trạng thái tự nhiên, không tạo tác.

ⁿ Đồng thời hay đồng khởi hiện ở đây ngụ ý rằng lòng từ bi kết hợp với tính Không (Bồ đề Tâm Tuyệt đối)

TILOPA

Thông qua sự tịnh hóa, và hoàn thành những lời cầu nguyện của tôi để thành tựu các phẩm tính Chư Phật.

*Nhờ vào tu tập trọn vẹn các giai đoạn hoàn thành, thuần thực và tịnh hóa,
Nguyện tôi trở thành một vị Phật.*

Qua lòng từ bi của Chư Phật và Chư Bồ tát khắp mười phương

Và sức mạnh của những hành động thanh tịnh và bất kì thiện hạnh nào có được,

Nguyện lời cầu nguyện thanh tịnh của tôi và tất cả chúng sinh được viên thành đúng như ước muốn.

Bản dịch này được Katia Holmes chuyển ngữ từ tiếng Tạng, theo các lời khuyên trong giai đoạn 1975 – 1985 của Đức Pháp vương Karmapa thứ 16, Ngài Chamgon Kenting Tai Situpa thứ 12, Đại Học giả Thrangu Rinpoche, Dharmra – A ray Akong Rinpoche, Khenpo Tsultrim Gyamtso, và nhiều vị lama uyên bác khác thuộc truyền thống Đại Thủ Ấn.

Bản quyền Kagyu Samye Ling.

PHỤ LỤC HAI

Dòng Khẩu truyền Kagyu từ Tilopa tới tác giả (Tai Situpa thứ 12)

Tilopa	Paljor Dondrup
Naropa	Chodrak Gyamtso
Marpa	Tashi Palior
Milarepa	Mikjo Dorje
Gampopa	Koncho Yenlak
Dusum Chenpa	Wangchuk Dorje
Drogon Rechen	Choji Wangchuk
Pomdrakpa	Choying Dorje
Karma Pakshi	Yeshe Nyingpo
Ogrgyenpa	Choji Jungne
Rangjung Dorje	Dundul Dorje
Yungtonpa	Chodrup Gyamtso
Rolpe Dorje	Pema Nyinje
Kacho Wangpo	Tekcho Dorje
Deshin Shekpa	Yonten Gyamtso
Ratnabhadra	Khachap Dorje
Tongwa Donden	Pema Wangcho
Jampal Zangpo	The 16th Gyalwa Karmapa (đạo sư gốc của ngài Tai Situpa thứ 12)

CHÚ THÍCH

PHẦN MỘT

1. Nhiều nguồn tài liệu cho rằng Tilopa sinh năm 988 CE, và mất năm 1069.
2. **Naga** (Rồng /rắn): tên chung chỉ chúng sinh rắn – từ loài rắn bình thường, tới loài rồng /rắn thần thánh, nhiều sức mạnh và cực kỳ giàu có.
3. **Càn thất bà** (gandharva): xem giải thích trong câu chuyện "Hàng phục Ca sĩ bậc thầy" của Phần Bốn.
4. **Thiên Vương** (tiếng Anh: planetary monarch; Phạn ngữ: cakravartin): là các chúa tể vũ trụ, là kết quả của những tiền nghiệp cực tốt, thống trị toàn bộ các hành tinh hay là hệ thống hành tinh. Các thiên vương có đoàn tùy tùng gồm bảy thành phần (hoàng hậu, tể tướng, v.v) giúp họ cai trị không cần nỗ lực. Họ du hành từ hành tinh này đến hành tinh khác, hay từ nơi này tới nơi khác trên một bánh xe kim loại (Phạn ngữ: cakra) như sắt, đồng, bạc, hay vàng tùy theo sức mạnh của họ, do vậy tên của họ được đặt dựa vào đó.
5. **Phật** (Buddha): theo Phạn ngữ gốc 'budh' nghĩa là tỉnh thức / giác ngộ, trở nên giải thoát, đạt tới sự viên mãn, nở rộ, v.v. do trong Tạng ngữ không có từ

tương đương, nên hai âm tiết được tạo ra – sangs.rgyas có thể giải thích như sau:

sang: tỉnh thức khỏi giấc ngủ vô minh

rgya: mọi phẩm tính phát triển hoàn hảo.

Âm đầu tiên cho thấy tính chất thanh tịnh hoàn hảo, ở cả hai khía cạnh cố hữu và qua sự tịnh hóa của tâm giác ngộ và những người đạt tới điều đó. Âm thứ hai biểu lộ tất cả phẩm tính mà có thể hiển lộ như một sự bộc lộ tự nhiên của tâm giác ngộ.

"Giác ngộ viên mãn" là tiếp cận tốt nhất về Tạng ngữ của thuật ngữ chúng tôi thường dịch như Phật Quả hay Phật, là ai đó đạt tới trạng thái thanh tịnh nhất và toàn hảo.

6. **Đà kì ni**: thuật ngữ này được giải thích đầy đủ trong Phần Hai.
7. **Carasamvara và Vajravarahi**: là hai bốn tôn chính của Truyền thống Kagyu của Phật giáo Tây Tạng. "Yidam" nghĩa là 'tâm-nối kết'. Đây là những hình thức thiền định được sử dụng để đánh thức các phẩm tính chủ yếu của giác ngộ mà ta phát triển chúng thông qua thiền định.
8. **Tara**: là một hình thức thiền định khác, kết nối chủ yếu với lòng từ bi như một cách cắt bỏ những chướng ngại.

TILOPA

9. **Kim Cương Thừa và Mật điển:** thuật ngữ Kim Cương Thừa xin xem chú thích 8 của **Phần Hai**. Mật thừa (Mật Điển) nghĩa là tính liên tục – nói đến bản tâm trí tuệ thanh khiết, Phật tính, con đường hay là giải thoát, luôn hiện diện và bất biến dù tâm đó bị ngâm trong biển sinh tử. Mở rộng ra, tên gọi Mật điển áp dụng cho các pháp tu liên quan trực tiếp tới những khía cạnh khác nhau của Phật tính. Đây là các hình thức tu tập của Kim Cương Thừa, bao gồm bốn loại chính của Mật Điển:
- *Kriya – tantra*: mật điển hành động
 - *Upa – tantra*: mật điển phương pháp/ kỹ thuật
 - *Yoga – tantra*: mật điển hợp nhất
 - *Anuttara – tantra*: Mật điển tối thượng
10. **Mật điển Cakrasamvara:** một thực hành tập trung vào Cakrasamvara.
11. **Yogin** (nhà Du già): xem câu chuyện đầu tiên của Phần Bốn – Hàng phục nhà Du già.
12. **Sự Trang Hoàng của Giác Ngộ** (Abhisamayalamkara): một luận giải của Đức Di Lặc, được Thánh Vô Trước mang tới cho chúng ta, về giáo lý Trí tuệ Bát nhã, mà bắt nguồn từ "Chuyển Pháp Luân Lần Hai" – đây là thời kỳ thứ hai Đức Phật ban Giáo Pháp trong đó ta nhận thấy nguồn gốc của Phật Giáo Đại Thừa (mahayana), cùng các giải thích về Tính Không.

13. **xem** chú thích 21 ở dưới

14. **Luận giải** (sastra. Tạng ngữ: bsTan.bCHos): một bản văn giải thích. Những giáo lý của Đức Phật được ghi chép lại thật bao la, bao gồm ba bộ phận chính (Tripitaka. Tam Tạng Kinh) – ”ba tập hợp” chứa hơn một trăm bộ kinh điển. Từ lúc Đức Phật nhập niết bàn cho đến nay, nhiều đại học giả đã lấy các Giáo Pháp đó phân tích, xếp loại và giải thích, được gọi là ‘bản văn giải thích’.

Những công trình này không hẳn là các luận giải, vì một luận giải bình luận từng bước về một văn bản nhất định, ngược lại những công trình này (sastra) được tổng hợp lại từ các giáo lý Đức Phật ban cho ở những thời điểm và nơi chốn khác nhau về một chủ đề nhất định. Luận giải được dùng rất nhiều khi nghiên cứu học hỏi vì chúng giảm bớt nhu cầu tìm kiếm không cần thiết qua những kinh văn gốc. Những luận giải giải thích rất rõ ràng và hệ thống những nội dung của chủ đề của kinh văn.

15. **Trí tuệ** (jnana): Phạn ngữ gốc Jna nghĩa là giác tánh. Nó trình bày trong nhiều thuật ngữ, mô tả những cách thức khác nhau mà ta có thể nhận thức:

- *pra-jna*: nhận thức mà phân biệt rõ một điều với điều khác.

TILOPA

- *vi-jna-na*: ý thức – nhận thức qua năm giác quan hay trong tâm thức.
- *sam-jna*: sự hiểu biết- nhận thức bản chất của hiện tượng hay là những quan niệm liên quan với chúng.
- *jna-na*: tánh giác vĩnh cửu, ví dụ: giác tánh của cốt lõi vạn vật là bất biến và hiện diện trong mọi thứ.

16. **Khí/ hơi** (prana): prana là thuật ngữ Phạn ngữ (Tạng ngữ: rLung) nghĩa là gió, sự chảy hay dòng/ luồng. Nó được dùng ở đây để chỉ những năng lượng khác nhau chuyển động trong cơ thể, hoặc thô (như hơi thở) hay vi tế hơn.
17. **Tịnh hóa và tích tập**: đây là những quá trình kết hợp. Sự tịnh hóa là tẩy trừ bất kì thứ gì ngăn trở đạt giác ngộ và tích tập là tạo dựng mọi thứ có khả năng dẫn tới giác ngộ. Những thứ ngăn trở chủ yếu như: ham muốn, sân hận, vô minh, ghen tị, kiêu mạn và các quan niệm cần được loại bỏ để ta đạt sự tự nhiên và trong sáng. Thiện hạnh và trí tuệ là hai điểm cần được phát triển. Những đề mục này được giải thích chi tiết trong cuốn "Path to Travel" (tạm dịch: Con đường để Đi qua).
18. **Hóa thân** (nirmanakaya. Tạng ngữ: sPruL.sKu): thuật ngữ này bộc lộ những cách khác nhau mà bản tính tâm giác ngộ (Phật Quả) hiển lộ cho những

người vẫn chưa chứng ngộ tính Không. Xem chú thích 10 của PHẦN HAI.

19. **Bốn Quán niệm Vô lượng:** về lòng từ ái, bi mẫn, niềm vui đồng cảm, và bình đẳng. Chúng là lời cầu nguyện: "Nguyện tất cả chúng sinh được hạnh phúc và tạo ra nguyên nhân của hạnh phúc. Nguyện họ thoát mọi khổ đau và tạo tác nguyên nhân của nó. Nguyện họ đạt được hạnh phúc tối thượng, vượt ra ngoài hạnh phúc thế gian và đau khổ. Nguyện họ đạt tâm bình đẳng vĩ đại, thoát khỏi bám chấp bạn bè, và ác cảm đối với kẻ thù." Xem chủ đề này được giải thích chi tiết trong cuốn "Path to Travel" (tạm dịch: Con đường để Đi qua).
20. **Trí tuệ Bát Nhã** (prajna-paramita. Tiếng Tạng: Ses.Rab. Kyi.Pha. Rol.Du. Phiyin.Pa): "sự hoàn hảo siêu việt của giác tánh phân biệt". Trong Sáu Ba la mật, đây là điểm cuối cùng, trí tuệ biết mọi thứ, cả hai: tướng hiện và bản tính thực sự của nó. Trí tuệ này xảy ra trong mối quan hệ với tính Không, Đức Phật dạy trong Chuyển Pháp Luân lần Hai. Xem chủ đề này trong cuốn "Path to Travel" (tạm dịch: Con đường để Đi qua).
21. **Lời Cầu nguyện Đại Thủ Ấn:** có 25 câu kệ gồm những điểm chính của Đại Thủ Ấn.

TILOPA

22. **Như Lai** (tathata-garbha. Tạng ngữ: De.gSegs. sNying.Po – bản tính của những ai đạt “Chân Như”): đây là một từ khác chỉ Phật Tính – bất biến, tiềm năng cố hữu cho sự giác ngộ. Chủ đề này được thảo luận chi tiết trong cuốn: Luận giải Đại Thừa Mật Điển Tối Thượng (Anh ngữ: The Changsless Nature. Tạm dịch: Bản tính Bất biến).
23. Kim Cương Trì (Vajra-dhara. Tạng ngữ: rDo.Rje. Chang): mô tả đầy đủ ở Phần Ba.

PHẦN HAI VÀ BA

1. **Vajrayogini** (Tạng ngữ: rDo.rje.rNal.Byor.Msz): là một bản tôn (nữ) được kết nối với trạng thái tự nhiên, bất biến – tương tự như bản tôn Vajravahari (xem thêm chú thích 8, PHẦN MỘT), là hiện lộ sự giác ngộ, đặc biệt liên quan với các giáo lý Đại Thủ Ấn.
2. **Bồ Đề Tâm** (Tạng ngữ: Byang.CHub.Sem): “Tâm giác ngộ viên mãn”. Trong khía cạnh tuyệt đối, đây là sự toàn giác an lạc hiện hữu trong mọi chúng sinh và mọi hiện tượng. Về mặt tương đối nó là sự quyết tâm để tạo ra sự hiện lộ trạng thái đó (giác ngộ) và thực hành (Sáu Ba la mật chuyển quyết tâm thành hiện thực. Chủ đề này tham khảo trong “Path to Travel” (tạm dịch: Con đường để Đi qua).

3. **Bị ô nhiễm/ vấy bẩn** (tainted): vết nhơ bẩn ám chỉ sự hiện diện những che chướng tinh thần, hoặc là “tâm bất tịnh” như: tham, sân, vô minh, v.v... hay là hoạt động nhận thức nhị nguyên.
4. **Mạn đà la**: Phạn ngữ: mandala; Tạng ngữ: dkyil.khor – một chủng tự kép cho một mô tả tốt đẹp, nghĩa là trung tâm – vùng xung quanh. Đây là sự chuẩn bị hoặc là dựa trên kinh nghiệm, được quán tưởng hay được vẽ, của các thực thể hay những biểu tượng tượng trưng những khía cạnh giác ngộ với một trung tâm nổi bật và các ngoại vi.
5. **Đấng Siêu vượt Thành tựu Chiến Thắng**: một danh hiệu của Đức Phật. Phạn Ngữ là Bhagwan – một từ với nhiều ý nghĩa, không có từ Tạng ngữ có thể biểu lộ đầy đủ, và được gọi là: bChom.Idan.das, nghĩa là đấng chiến thắng siêu vượt ra khỏi mọi hình thức che chướng, thành tựu mọi phẩm tính giác ngộ và siêu vượt luân hồi và niết bàn.
6. **Kim Cương Thừa** (Vajrayana): một thừa Phật giáo thực hành liên quan tới triết học, thiền định, hành động và thành quả - tương tự như Đại Thừa nhưng sử dụng các phương pháp mạnh mẽ và đặc trưng làm bất rã tính bất nhị, cho phép sự tu tập của họ đạt giác ngộ hoàn hảo, là con đường nhanh hơn nhiều con đường Đại Thừa.

TILOPA

7. **Luân hồi (samsara) và Niết bàn (nirvana):** luân hồi là sự tồn tại cái ngã vĩnh cửu, là chuỗi phản ứng các hoạt động tinh thần luôn gia tăng, kiếp này qua kiếp khác, từ cõi này qua cõi khác (người, súc sinh, v.v...). Lực điều hướng quá trình này là nghiệp (karma) của thân, khẩu, ý, vì bản chất của năm căn mà mỗi hình thái tồn tại (cõi giới) được hình thành, nó luôn liên quan đến khổ đau. Niết bàn là sự giải phóng hoàn toàn và vĩnh viễn khỏi những đau khổ đó. Đôi khi thuật ngữ này được dùng cho sự giải thoát của các vị A la hán đạt sự an bình và hạnh phúc hoàn hảo; và thỉnh thoảng sử dụng đối với sự giải thoát của một vị Phật ra khỏi tất cả che chướng. Đại Niết bàn của một vị Phật có mọi phẩm tính thanh tịnh và trí tuệ, đặc biệt là lòng Đại bi và sức mạnh để giúp đỡ những chúng sinh khác.
8. **Nghiệp, Nhân – Quả** (Phạn ngữ: karma): nghiệp nghĩa là hành động. Nhiều hành động của thân, khẩu, ý có khả năng không những sản sinh ra quả tức thì mà còn tạo ra những quả dài lâu, Người tạo ra quả sẽ trải nghiệm trong thực tế chủ quan (của mình). Luật Nhân – Quả là không thể sai lầm, qua hành động, đây là một chủ đề rất quan trọng của Phật giáo.

9. **Không gì (no thing)**: một ‘thứ’ là một thực thể tồn tại trong chính nó, không đơn thuần là sản phẩm của nhận thức tương thuộc lẫn nhau.
10. **Bốn Thân**: Kaya nghĩa là hiện thân. Bốn Thân chủ yếu phân chia sự không tách rời và vô tận của giác ngộ trong ba cách thức chúng được kinh nghiệm và về một bản tính ẩn sau ba cái đó:
- Bản tính được gọi là “Sắc thân” (svabhavikakaya).
 - Kinh nghiệm giác ngộ của Đức Phật như trí tuệ và tính không hoàn toàn thanh khiết, đúng như nó là, được gọi là “Pháp thân” (Dharma – kaya).
 - Cách thức được kinh nghiệm trong tâm gần như thanh khiết của các Đại Bồ tát trong mười địa của chứng ngộ tính Không như là phạm vi thanh tịnh và biểu tượng hoàn hảo Chư Phật, được gọi là “Báo thân” (sambhogakaya).
 - Cách thức kinh nghiệm trong thế giới chủ quan ít thanh tịnh bởi những người có nghiệp tốt từ đời này qua đời khác được gọi là ‘hiện thân/ hóa thân’ (nirmanakaya).
11. **Bốn sư, Hộ pháp và Bốn tôn**: Gọi là Ba Gốc của sự thành tựu tu tập Kim Cương Thừa. Chứng ngộ (gia trì) đến từ Bốn sư, thành tựu (siddhi) đến từ bốn tôn (yidam) và hoạt động thiện xảo thông qua Hộ pháp.

TILOPA

12. **Kinh nghiệm và Chứng ngộ:** kinh nghiệm (Tạng ngữ: NYam) sinh ra qua thiền định và những pháp tu khác, biểu lộ sự phát triển của tâm ta. Có rất nhiều loại kinh nghiệm xảy ra, cái này thay thế bởi cái khác, nên chúng là vô thường. Chứng ngộ (Tạng ngữ: r.Tog) là tri giác vĩnh cửu về chân lý bộc lộ thông qua tu tập.
13. **Chân Như** (Tạng ngữ: De.bZhin.Nyid): một trong nhiều tên gọi của chân tâm: chân như, tánh như, nhất vị, tinh túy giác ngộ, bản tính phổ quát, v.v... Mỗi thuật ngữ nhằm làm nổi bật một khía cạnh đặc biệt của cùng bản tính giác ngộ.
14. **Giai đoạn Quán tưởng** (Tạng ngữ: bsKyed.Rim; Phạn ngữ: utpannakrana): giai đoạn thiền định liên quan đến các hình thức và ý tưởng. Giai đoạn bổ sung hay kế tiếp còn gọi là “trạng thái hoàn thành” (Tạng ngữ: rDzog. Rim; Phạn ngữ: sampannakrana) – ta thiền định với tâm như nó là, không tạo tác.
15. **Naropa:** đệ tử tâm truyền của Tilopa và là một trong số các đạo sư vĩ đại nhất.
16. **Sự tiên tri về Dòng Kagyu và Vua Sambala:** Đức Phật đã có nhiều tiên tri về Truyền thống Kagyu thanh tịnh, tăng trưởng và trường thọ trong các Kinh văn như *Samadhiraja-sutra*, *Aryabhadra-kalpika nama-mahayana sutra*, v.v... Đức Liên Hoa Sanh,

CHÚ THÍCH

Naropa, và nhiều đại sư xưa kia cũng tiên tri về điều này. Những tiên tri này nói về sức mạnh gia tăng xuyên suốt lịch sử của Dòng, và sự trao truyền bên trong còn lại thanh khiết qua năm tháng khi các khía cạnh khác của Pháp bị suy giảm. Những tiên tri khác liên quan đến giáo lý Bánh xe Thời luân (kalacakra) và vua Sambala, có cùng một điểm chung về vị vua của cõi thiên giới Sambala cai quản một vũ trụ sẽ đến hành tinh trái đất, truyền cảm hứng về thiện hạnh, và hóa giải sức mạnh của các loại vũ khí.

17. **Cudamani** (Tạng ngữ: TSuk.Na.Nor.Bu): nghĩa là ‘Viên Ngọc trên Vương miện’
18. **Khadampa** (Tạng ngữ: Bka.dam.pa): nghĩa là ‘người theo Kinh điển’. Trong thời kỳ thứ hai đưa Phật giáo vào Tây Tạng, có nhiều đạo sư cố gắng thiết lập lại và nhấn mạnh vào lối sống thanh tịnh của tăng đoàn theo lời dạy của Đức Phật. Điều này kết hợp cả hai: mối quan tâm thật sự đối với Kinh điển và tính chính xác của nó. Những đạo sư gắn bó với công việc này hồi đó được gọi là Khadampa.
19. **Không Sinh (unborn)**: không sinh ra bởi nhân và quả, không tồn tại trong chính nó.
20. **Nhập định như Kim cương** (vajra like samadhi): thiền định ở ngưỡng đạt Phật Quả. Các vị Bồ tát địa thứ Mười đi vào trạng thái nhập định này để phá tan

TILOPA

các che chướng vi tế nhất, vì vậy những dấu vết của che chướng nhận thức - điểm khó nhất được loại bỏ. Gọi là 'như Kim Cương', bởi vì kim cương có thể phá hủy bất cứ thứ gì nhưng chính nó không bao giờ bị phá hủy. Bằng cách để tâm nghỉ ngơi trong tự tính của nó, chân tâm (không thể hủy hoại), những trở ngại cuối cùng tan biến.

21. Bốn giai đoạn của Đại Thủ Ấn như sau:

1. Một điểm (Tạng ngữ: rtse.g.Cig)
2. Đơn giản (Tạng ngữ: PHros.Bral)
3. Một Vị (Tạng ngữ: Ro.gCig)
4. Không thiên định (Tạng ngữ: sGom.Med)

Mỗi giai đoạn này có ba phần nhỏ, cho đi, trong tất cả, điều được biết như "12 pháp yoga của Đại Thủ Ấn".

PHẦN BỐN

1. **Đại vương** (Phạn ngữ: maharaja): trong Phạn ngữ chỉ một vương quốc to lớn. Trước đây Ấn Độ có nhiều tiểu vương quốc nhỏ bé do một vị tiểu vương (raja) cai trị, còn vương quốc lớn hơn do một đại vương (maharaja) cai trị. Tất nhiên, sự phân định tiểu vương từ đại vương chỉ là tùy tiện.
2. **Học giả (pandita)**: một người có kỹ năng cao và kiến thức phong phú.

3. **Thành tựu giả (siddha):** người sở hữu thành tựu tâm linh đặc biệt
4. **Mạn đà la:** xem chú thích Phần Hai
5. **Câu chuyện sừng trâu yak:** đọc “100,000 Bài ca Chứng ngộ của Milarepa”. Trong câu chuyện Milarepa trú mưa đá trong một sừng trâu già ngài nhặt được. Khi đệ tử của ngài Rechungpa phát hiện ngài trong đó: Milarepa không co lại và sừng trâu cũng không to hơn, tuy nhiên ngài ở trong đó.
6. **Akanishtha** (Tạng ngữ: ogmin) nghĩa là không thấp hơn, ví dụ cõi cao nhất (thiên đường).
7. **Pháp Tính (dharmata):** tinh túy phổ quát. Trong Phạn ngữ từ Dharmata có mười ý nghĩa. Chúng có chung tên chủ đề, chỉ ra phẩm tính cốt lõi xác định bản tính của hiện tượng. Dharma nghĩa là hiện tượng. Vì vậy Giáo lý của Đức Phật phát lộ cách thức mọi thứ như chúng là, được gọi là Pháp. Do vậy Pháp như là ‘tất cả hiện tượng’, nghĩa là phẩm tính tinh túy của mọi thứ - bản tính vạn vật.
8. **Năm môn học thứ yếu và 5 môn học chính:** Năm môn học phụ hay nhỏ là: thơ ca, chiêm tinh, kịch, từ nguyên học. Năm môn chính là: sáng tạo, chữa lành, truyền đạt, sự thật/ chân lý, và biện chứng.



TU VIỆN PALPUNG THUBTEN CHOKHOR , TÂY TẠNG

Tu viện Palpung nằm ở vương quốc Derge, vùng Kham, phía Đông Tây Tạng, được thiết lập năm 1727 bởi Chamgon Kenting Tai Situpa đời thứ 8 với sự bảo trợ của Vua xứ Derge. Theo nghĩa gốc của tên gọi là 'đỉnh núi sáng chói', tu viện này là một trong số 25 nơi linh thiêng nhất ở Tây Tạng được Đức Liên Hoa Sanh gia hộ. Theo tiên tri của Đại Dịch giả Marpa, Palpung trở thành trụ xứ chính của các đời Chamgon Kenting Tai Situpa, và là một trong số tu viện quan trọng nhất ở Tây Tạng. Ngày nay chúng ta được biết Đại Dịch Giả Marpa sinh năm 1012 là người đầu tiên trong các hóa thân Chamgon Kenting Tai Situpa.

Bên cạnh việc tu tập tâm linh, Palpung còn đào tạo ra nhiều học giả, thầy thuốc, và những đạo sư xuất chúng vào các thế kỷ 18, 19 và 20. Palpung còn nổi tiếng về

TU VIỆN PALPUNG, TÂY TẠNG

thư viện rộng lớn và những bộ sưu tập phong phú về hội họa, thủ công và in ấn. Palpung đã trở thành trung tâm chính của hơn một trăm tám mươi tu viện nhỏ, hơn một ngàn và hai mươi thánh thất và mười tám khu tu tập thuộc tu viện trải ra khắp Tây Tạng.



TU VIỆN PALPUNG SHERABLING, ẤN ĐỘ

Tu viện Palpung Sherabling ở bang Himachal Pradesh, Ấn Độ do đạo sư Chamgon Kenting Tai Situpa thứ 12 thiết lập năm 1976. Ngài đã dự tính một nơi để bảo tồn và hoằng dương những giáo lý thiêng liêng của Đức Phật, và giữ gìn các di sản cổ xưa và đương thời, các truyền thống, tu tập, nghệ thuật, khoa học và di sản tinh thần của Tây Tạng – một trong số những trí tuệ đang tồn tại của nhân loại. Palpung Sherabling đã phát triển theo những hoạch định của ngài Chamgon Kenting Tai Situpa phù hợp với kiến thức phong thủy, hòa nhập kiến trúc Tây Tạng truyền thống với chất liệu hiện đại trong khi vẫn giữ gìn sự cân bằng sinh thái hài hòa.

TU VIỆN PALPUNG, ẤN ĐỘ

Ngày nay, Palpung Sherabling là một trong số những trung tâm học tập và tu tập của Dòng Kagyu cũng như của Phật giáo Tây Tạng. Sự tồn tại của nó giúp bảo tồn nghệ thuật, khoa học, thiền định và truyền thống.

Năm 2004, chư tăng của Palpung Sherabling đã nhận Giải Grammy Âm nhạc Truyền thống hay nhất cho Album “Tụng kinh Tây Tạng thiêng liêng” (Sacred Tibetan Chant”).

Tu viện Palpung cũng thiết lập vững chắc mối quan hệ với rất nhiều phân nhánh các tu viện, thánh thất, học viện và trung tâm Phật giáo ở Ấn Độ và trên thế giới.



ISBN 090618110-0



9 780906 181102

SÁCH ẤN TỔNG